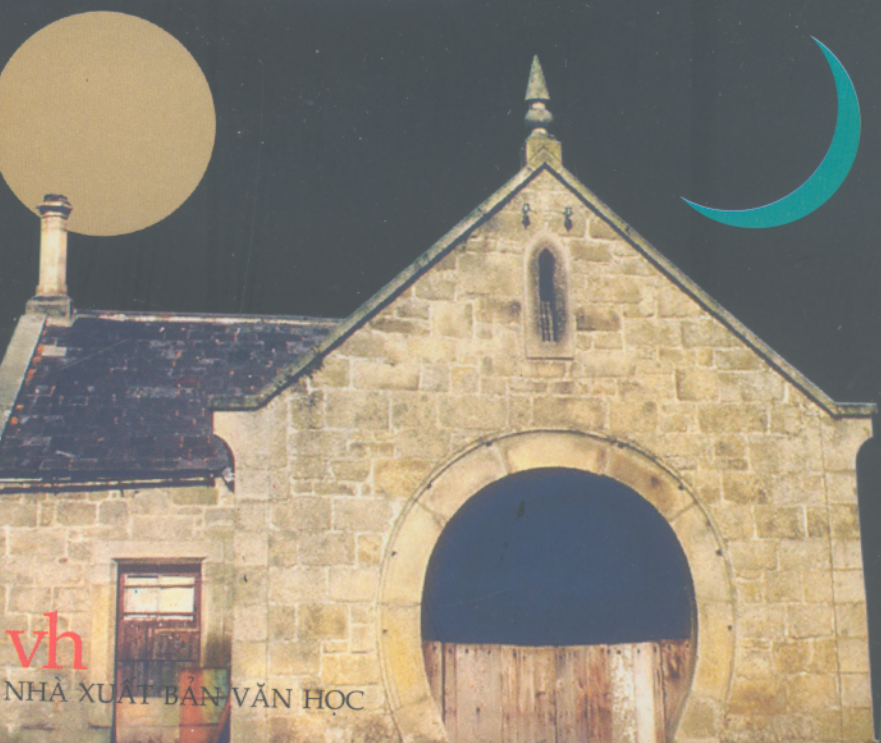


Guy de Maupassant

Chuyện kể ban ngày ban đêm



vh

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

VĂN HỌC CỔ ĐIỂN PHÁP

GUY DE MAUPASSANT

Chuyện kể
BAN NGÀY
và
BAN ĐÊM

CẨM HÀ *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC
HÀ NỘI - 2004

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: "**Contes du jour et de la nuit**" theo "*Librairie Général Française pour la Préface les Commentaires et les Notes, 1988*".

LÃO BONIFACE VÀ CUỘC MƯƠI SÁT

Ngày hôm đó, lão đưa thư Boniface rời khỏi tòa bưu điện trong tâm trạng rất sung sướng vì nhận thấy quãng đường phải đi ngắn hơn thường lệ rất nhiều. Là người đưa thư báo cho cả một vùng quanh trấn Vireville, tối nào trở về nhà, lão cũng lê dài bước chân mệt mỏi, thậm chí đôi khi hai bàn chân lão phải sai bước trên cả một quãng đường tới hơn bốn chục cây số.

Vậy là hôm nay, lão sẽ xong việc sớm, và lão có thể thanh thoi thả bộ một chút trên đường mà vẫn về trước ba giờ chiều. Thật may mắn!

Lão rời khỏi thị trấn theo con đường Sennemare và bắt đầu công việc của mình. Ấy là một ngày tháng sáu trong xanh và hoa nở rộ rực rỡ, tháng của những cánh đồng vào mùa trấu hạt.

Lão mặc chiếc áo màu xanh dương của nhân viên bưu điện, đầu đội chiếc mũ kê-pi đen viền sọc đỏ, rảo bước qua lối đi nhỏ xíu giữa những luống cải dầu, những ruộng yến mạch hay lúa mì mọc cao lên tới tận vai khiến đầu lão nhấp nhô trên thảm lúa dập

dênh như mặt biển êm ả, khẽ lao xao mỗi khi một cơn gió nhẹ thổi ngang qua.

Lão băng qua hàng rào gỗ được trồng trên sườn dốc, dưới bóng hai hàng sồi già, tiến vào trang trại, vừa cất tiếng chào vừa gọi luôn tên người nông dân: "Xin chào, bác Chicot!" và đưa tờ báo "*Le petit Normand*" ra. Người chủ trại chúi chúi tay vào quần, nhận báo rồi dứt tọt vào túi, bác ta sẽ thanh thoi đọc nó sau bữa cơm trưa. Con chó nằm trong một cái thùng cũ dưới gốc cây táo mọc nghiêng bỗng cất tiếng sủa ăng ăng giận dữ, xỏ ra giật căng cả sợi xích. Lão đưa thư không thêm ngoảnh lại, tiếp tục giậm bước như một anh lính trên đường hành quân, chân sỏi dài, tay trái đặt trên chiếc xà cột, tay phải vung chiếc gậy theo nhịp bước chân đều đều vội vã.

Lão phân phát hết thư và báo trong làng Sennemare rồi lại băng qua cánh đồng tìm đến nhà người thu thuế, một ngôi nhà nhỏ biệt lập cách thị trấn khoảng một cây số.

Đó là người thu thuế mới tên là Chapatis, anh ta chuyển đến tuần trước và nghe đầu cũng mới cưới vợ. Anh ta đặt báo tận Pari, và thỉnh thoảng lúc rỗi rãi, lão Boniface lại đọc lướt qua vài mục trước khi giao tận tay người nhận.

Lần này cũng vậy, lão mở xà cột chọn lấy tờ báo và rút khỏi cả tập, mở rộng ra và vừa đi vừa đọc chăm chú. Trang nhất chẳng bao giờ khiến lão quan

tâm, lão vốn không ưa mấy chuyện chính trị. Lão cũng bỏ qua cả trang tài chính, nhưng mục chuyện vật thì lão rất mê. Báo hôm ấy đăng rất nhiều chuyện như thế. Lão đọc thấy một vụ trọng án xảy ra ở căn lều của người gác rừng, chuyện hấp dẫn đến nỗi lão dừng lại ngay giữa đoạn để đọc lại từ đầu, chậm rãi hơn. Những tình tiết miêu tả thật rừng rợn. Một người tiểu phu đi ngang qua nhà lúc sáng sớm đã nhận thấy mấy vệt máu bắn trên ngưỡng cửa, trông như có ai đó bị chảy máu cam. "Chắc đêm qua tay gác rừng lại thịt lữ thú đây!", ông ta cười thầm, nhưng khi lại gần, ông nhận thấy cánh cửa mở toang và ổ khóa đã bị phá nát. Thế là, cuống lên vì sợ, người tiểu phu vội chạy về làng báo cho ông trưởng thôn. Ông này liền kéo thêm người gác đồng và anh giáo làng làm quân tiếp ứng. Cả bốn người dẫn ông cùng đến xem sự tình. Họ tìm thấy người gác rừng bị bóp cổ chết ngay trước lò sưởi, vợ anh ta thì chết ngạt trên giường, và đứa con gái nhỏ mới sáu tuổi của họ bị dè giữa hai lớp đệm.

Lão Boniface bị xúc động mạnh khi nghĩ tới vụ thảm sát, từng cảnh tượng ghê rợn như dần dần bày ra ngay trước mắt, đến nỗi mà lão thấy chân mình như muốn khuỵu xuống, và lão phải nói to lên:

"Tiên nhân chúng nó! Sao lại có những kẻ tâng tận lương tâm đến thế!".

Rồi lão dứt tờ báo trả lại chỗ cũ và tiếp tục lên đường, trong đầu vẫn lớn vồn những cảnh chết chóc. Chẳng mấy chốc, lão đã đến nhà của Chapatis. Lão mở hàng rào chắn ngang khu vườn nhỏ và lại gần ngôi nhà. Đó là một công trình khá thấp, chỉ có mỗi một tầng, sát lớp ngói có thêm tầng áp mái. Nhà hàng xóm gần nhất ít ra cũng phải cách tới 500 mét.

Lão đưa thư bước lên hai bậc thêm, tay nắm lấy ổ khóa cố mở cửa ra nhưng chợt nhận thấy khóa đã bị chốt. Lão cũng phát hiện ra các cửa kính đều đóng im ỉm, và chưa có một ai ra khỏi nhà.

Một nỗi lo lắng xâm chiếm lấy lão, bởi vì từ khi dọn đến đây, Chapatis thường dậy rất sớm. Lão Boniface rút đồng hồ ra. Mới có 7 giờ 10 phút, vậy là lão đến sớm gần một tiếng đồng hồ. Nhưng dầu sao, anh chàng thu thuế phải dậy rồi chứ.

Lão bèn rón rén đi một vòng quanh ngôi nhà, hết sức thận trọng, như thể tin rằng có mối nguy hiểm đang rình rập. Lão không nhận thấy điều khả nghi nào, ngoại trừ mấy vết chân đàn ông giữa đám dâu tây.

Đột nhiên, lão đứng im bất động, chân tay cứng đờ vì khiếp hãi khi đi ngang qua một cửa sổ. Có tiếng người rên rĩ trong nhà.

Lão tiến sát lại gần, giẫm bừa cả lên luống rau húng, dán tai vào ô văng để nghe rõ hơn: chắc chắn là có tiếng người. Lão nghe rõ mồn một tiếng thở đau

đón kéo dài, rên rĩ, cả tiếng vật lộn nữa. Rồi, tiếng rên trở nên to hơn, dồn dập, thậm chí có vẻ rõ nét hơn, gần như là tiếng kêu la.

Không còn nghi ngờ gì nữa! Một tội ác đang diễn ra ngay lúc này đây, tại nhà người thu thuế. Lão Boniface ba chân bốn cẳng lao qua vườn, băng qua cánh đồng vào mùa trấu hạt và dải bình nguyên rực rỡ sắc màu. Lão chạy hệt hết cả hơi, chiếc xà cọt đập bồm bộp vào mạng sườn. Rốt cuộc lão cũng đến cửa trụ sở hiến binh, mệt lử, thở hổn hển cuống cuống.

Viên đội Malautour đang sửa chiếc ghế bị hỏng, xung quanh toàn búa với đinh. Tên sen đầm Rautier kẹp chiếc ghế trong chân mình cho chắc, tay giữ thẳng chiếc đinh ở mép chỗ gãy, còn viên đội thì mím chặt môi, mắt mở to tập trung chú ý ra sức nện búa xuống cái đinh trong tay viên cấp dưới của mình.

Vừa thấy họ, lão đưa thư đã kêu lên: "Nhanh lên, nhanh lên, có người đang ám sát người thu thuế. Nhanh lên! Nhanh lên!".

Hai người kia dừng công việc của mình lại và ngẩng đầu lên, vẻ mặt ngạc nhiên thường thấy ở những người bị chen ngang hay bị quấy rầy.

Lão Boniface thấy họ có vẻ ngờ ngác hơn là vội vã bèn nhắc lại:

"Nhanh lên, nhanh lên! Bọn trộm đang ở trong nhà, tôi đã nghe thấy tiếng kêu; không có thời gian đâu".

Viên ~~đội~~ ~~đội~~ búa xuống đất, hỏi lại:

"Ai đã báo cho bố biết chuyện này?"

Lão đưa thư đáp:

"Tôi đến đưa báo với hai cái thư và phát hiện thấy cửa bị khóa chặt, còn anh Chapatis thì vẫn chưa dậy. Tôi bèn đi vòng quanh nhà xem xét, và tôi nghe thấy tiếng rên như kiểu ai đó đang bị bóp cổ hay là bị gí dao vào họng, thế là tôi vội chạy đến đây báo cho các ngài. Khéo không kịp mất..."

Viên đội đứng dậy hỏi:

"Thế bố không gọi ai đến giúp à?"

Lão đưa thư mặt cắt không còn hột máu trả lời:

"Tôi sợ không đủ người".

Viên đội xem chừng bắt đầu tin, quay ra bảo:

"Chờ tôi mặc quần áo rồi sẽ theo bố".

Và anh ta đi vào trạm, theo sau là viên sen đầm tay cầm cái ghế.

Gần như là ngay sau đó, cả ba đã lên đường đến nơi có án mạng, chân bước vội vã.

Khi đến gần ngôi nhà, họ bước chậm lại để để phòng bất trắc, viên đội rút khẩu súng lục ra và họ rón rén băng qua vườn áp sát bức tường. Không có dấu vết mới nào chứng tỏ bọn tội phạm đã bỏ đi. Cánh cửa vẫn khóa, cửa sổ kín mít.

"Chúng ta tóm được chúng rồi", viên đội thì thầm.

Lão Boniface lập cập vì quá xúc động dẫn đường vòng sang phía bên kia và chỉ vào mái hiên:

"Chỗ kia kìa", lão chỉ.

Và viên đội tiến lên một mình, dán tai vào cánh cửa. Hai người còn lại đứng chờ, tư thế sẵn sàng, mắt dán vào người thám thính.

Ông ta đứng im hồi lâu, nghe ngóng. Để đầu ghé sát được vào ô văng bằng gỗ, viên đội đã bỏ chiếc mũ ra cầm ở tay phải.

Ông ta nghe thấy gì nhỉ? Khuôn mặt lạnh dạm của ông chẳng để lộ điều gì, nhưng đột nhiên hàng rìa mép ông khẽ héch lên, gò má rung rung như đang nhin cười, và ông khẽ lùi lại qua bụi hoàng dương về chỗ hai người đi cùng đang nhìn ông ngơ ngác.

Rồi ông ra hiệu cho cả hai theo mình, bước khề trên đầu ngón chân, ra tới cổng thì ông lệnh cho lão Boniface gài báo và thư ở đó.

Lão đưa thư chẳng hiểu trời đất gì, nhưng vẫn rậm rập làm theo lời sai khiến.

"Bây giờ thì ra đường nào!", viên đội nói.

Nhưng khi họ vừa qua khỏi hàng rào, viên đội quay về phía lão đưa thư về giểu cột, nhếch mép lên, cặp mắt ranh mãnh lấp lánh tinh nghịch:

"Bố thật là ma lạnh đấy, bố già à!".

Lão hỏi lại:

"Gì cơ? Nhưng đúng là tôi nghe thấy mà, thể với ngài là tôi nghe rất rõ".

Viên đội không nhin nổi nữa, phá lên cười. Ông ta cười đến nghẹn cả thở, hai tay ôm bụng, gập cong người, nước mắt nước mũi giàn giụa, mặt nhăn nhúm. Hai người kia hốt hoảng nhìn ông ta.

Vì ông không thể nói nổi, cũng không ngừng được cười để giải thích với họ chuyện gì đang xảy ra, ông ta bèn ra dấu bằng một cử chỉ tục tĩu phóng dăng.

Cả hai người tỏ vẻ vẫn chưa hiểu nên ông ta làm đi làm lại nhiều lần, đầu khể hất về phía căn nhà đóng cửa im ỉm.

Tên lính bắt chợt cũng hiểu ra, cười sặc sụa rất khoái trá.

Chỉ có ông già vẫn ngẩn ra nhìn hai viên cảnh sát đang cười nghiêng ngả.

Cuối cùng viên đội cũng bình tĩnh lại đôi chút, đập tay vào bụng ông lão vẻ bối bả và kêu to:

"A! Bố già vui tính quả là khéo pha trò, xin ghi nhận đây là vụ mưu sát theo kiểu Boniface nhé".

Lão đưa thư trợn tròn mắt nhắc lại:

"Tôi thế là tôi có nghe thấy mà!".

Viên đội lại rũ ra cười, còn tên lính của ông ta thì ngồi bệt trên đám cỏ để cho thoải mái.

"A! Bố đã nghe thấy à? Thế mẹ con ở nhà cũng bị bố tra tấn thế hả, bố già vui tính?".

"Bà nó nhà tôi à?...".

Lão có vẻ suy nghĩ rất lung. rồi lão nói:

"Bà lão nhà tôi... ừ, bà ấy cũng la hét khi bị tôi nện vài cú... Nhưng bà ấy la hét... cũng là la hét, thì sao chứ? Vậy ra anh chàng Chapatis đang cho vợ ăn đòn à?".

Viên đội khoái trá tốt độ, xoay vai lão lại như một con rối, thì thầm vào tai lão điều gì đó khiến lão ta há hốc mồm kinh ngạc.

Thế rồi lão đưa thư nghĩ ngợi, thầm thì:

"Không... đến mức ấy..., đến mức ấy..., đến mức ấy... bà nó nhà tôi đâu có nói gì... Tôi không thể tin nổi... có thể thế kia à... làm người ta tưởng có vụ thảm sát...".

Và, ngượng nghịu, bối rối, xấu hổ, lão hấp tấp bước trên con đường ngang qua cánh đồng, trong khi cả viên đội và tên sen đầm vừa cười vừa gọi với theo những lời bông lơn thô tục của cánh lính tráng, nhìn theo chiếc mũ kê-pi đen xa dần trong đám lúa chín trải dài đến tận chân trời.

ROSE

Hai người phụ nữ trẻ như bị ngập trong tầng tầng lớp lớp hoa tươi. Họ chỉ có một mình trong cỗ xe ngựa rộng thênh thang chất đầy hoa như một chiếc giỏ khổng lồ. Trên băng ghế phía trước, hai chiếc lẵng bọc xa tanh trắng cắm đầy hoa vi-ô-lét Nice, và trên tấm da gấu dùng để đắp gối, hàng đồng hoa hồng, mi-mô-za, đinh hương, mác-gơ-rít, hoa huệ và hoa cam được buộc bằng những dải lụa nhỏ như bao bọc lấy hai thân thể xinh xắn, chỉ để lộ ra khỏi chiếc giường sắc sỡ và thơm ngát này đôi bờ vai, hai cánh tay và một mảnh áo chên, một chiếc màu xanh dương còn chiếc kia màu hoa cà tím tím.

Chiếc roi của gã xà ích có gắn mấy bông cỏ chân ngỗng ở đầu, dây cương ngựa treo lủng lẳng mấy củ cải đại, dọc theo bánh xe là đám cỏ mọc tề, và ở chỗ treo đèn lồng có hai bó hoa tròn, to, trông như hai con mắt kì lạ của một con vật đang chuyển động và chất đầy hoa.

Cỗ xe ngựa chạy nước kiệu trên con phố Antibes, đằng trước, đằng sau, bên phải, bên trái là vô số

những chiếc xe khác cũng trang trí lộng lẫy, trên xe rất nhiều các bà, các cô chìm trong sắc hoa vi-ô-lét. Đó chính là lễ hội hoa ở Cannes.

Mọi người đến đại lộ Foncière, nơi diễn ra cuộc chơi chính. Suốt dọc chiều dài con lộ, hai dòng xe trang trí rực rỡ đi rồi đến trông như dải ruy băng kéo dài vô tận. Từ xe này sang xe khác, người ta ném hoa vào nhau. Những đóa hoa bay trong không khí như những viên đạn, đập vào những khuôn mặt tươi rói, bay lả tả rồi rơi xuống đất, nơi có cả một binh đoàn trẻ con đang chờ sẵn để nhặt.

Một đám đông chật ních đứng dàn hàng trên vỉa hè, mấy tay kỹ binh điều qua điều lại hung hăng đẩy những kẻ hiếu kỳ lùi lại sau, nhất định không để cho đám hạ lưu lẫn vào dòng người sang trọng, chỉ được đứng ở bên rìa và cổ vũ thôi.

Trên các xe, người ta gọi tên nhau, nhận ra nhau và ném hoa hồng vào nhau. Một cỗ xe chở đầy các cô nàng xinh đẹp mặc váy đỏ đóng giả những con quỷ nổi bật và thật quyến rũ. Một anh chàng giống hệt chân dung Henri đệ tứ đang hảo hứng tung một bó hoa lớn buộc chặt vào sợi dây chun. Sợ bị đập mạnh, đám phụ nữ nhắm tịt mắt lại, còn các quý ông thì cúi rạp xuống tránh, nhưng bó hoa chỉ khẽ lướt nhanh một vòng duyên dáng rồi quay ngay lại phía ông chủ của mình, để rồi sau đó lại được tung về phía một gương mặt mới.

Hai phụ nữ trẻ đã ném hết hoa trong xe và cũng nhận được vô khối những đóa hoa xinh xắn, và sau một giờ đùa nghịch thỏa thuê, họ đã có vẻ thắm mệt nên sai gã xà ích chạy dọc con đường ven vịnh Juan dọc theo bờ biển.

Mặt trời khuất sau dãy Esterel khiến dãy núi đen sì nổi bật trên nền ánh chiều tà những đường rừng cửa trùng điệp. Mặt biển êm ả trải rộng một màu xanh ngắt trong veo tới tận chân trời, nơi trời đất hòa vào làm một, và một hạm đội tàu đang thả neo giữa vịnh trông như một đàn thú góm ghieếc đứng yên trên mặt nước, những con vật khiến người ta liên tưởng đến ngày tận thế, được bọc sắt sù sì, tóc là mấy cột buồm mỏng manh như những chiếc lông phát phơ, còn cặp mắt đỏ lòm được thấp sáng khi màn đêm xuống.

Hai thiếu phụ nằm dài dưới tấm đệm dày, nhìn quanh với ánh mắt thẫn thờ. Sau cùng một người lên tiếng:

"Sao mà có những đêm thật là êm dịu, mọi thứ đều tuyệt cả, chị Margot nhỉ".

Người kia đáp:

"Đúng vậy, mọi thứ đều tuyệt, nhưng vẫn còn thiếu một điều gì đó..."

- Điều gì cơ? Em thấy mình hoàn toàn hạnh phúc. Chẳng cần thêm bất cứ gì".

- Có đấy, là chị không nghĩ đến thôi. Dầu cho sung túc có làm cơ thể chúng ta trở nên trì trệ thì ta vẫn khao khát một điều gì đó hơn nữa... cho con tim".

Người kia mỉm cười:

"Một chút hương vị yêu đương?".

- Phải".

Cả hai lại yên lặng, nhìn vào khoảng trống trước mặt, rồi thiếu phụ tên là Marguerite thì thầm: "Em sẽ chẳng sống nổi nếu thiếu điều đó. Em cần phải được yêu thương, dù đó chỉ là tình yêu của một con chó. Đàn bà chúng mình đều vậy cả, dầu ngoài miệng chị có nói thế nào chẳng nữa, chị Simone ạ.

- Không đâu, chị bạn yêu quý. Em thà chẳng được ai yêu còn hơn là phải nhận tình yêu của bất cứ kẻ nào. Chị có tin rằng em sẽ thấy dễ chịu khi trở thành kẻ trong mộng của... của... chẳng hạn là...".

Cô nàng cố tìm lấy tên một người nào đó có thể đem lòng yêu mình, mắt đưa một vòng quanh khung cửa rộng lớn bên ngoài, sau khi nhìn mãi tít tận chân trời bỗng dừng lại ở hai chiếc khuy bằng kim loại sáng lóe trên lưng gã xà ích. Và cô nói tiếp, cười rúc rích: "Của anh chàng đánh xe kia".

Bà Margot cười lấy lệ và hạ thấp giọng:

"Em bảo đảm với chị là được một tay đầy tớ yêu cực kì thú vị. Chuyện đó em đã trải qua hai, ba lần rồi. Nhìn mắt họ đảo đến chết cười. Dĩ nhiên bà chủ nào càng làm bộ nghiêm khắc thì bọn chúng lại càng

si mê, rồi một ngày chúng bị tống khỏi cửa bằng bất cứ lí do vớ vẩn nào, bởi vì các quý bà sẽ trở thành lỗ bịch nếu ai đó phát hiện ra".

Bà Simone lắng nghe, mắt đắm đắm nhìn về phía trước, rồi cất tiếng:

"Không đâu, trái tim thằng hầu phòng của em chưa đến mức ấy được. Xin chị hãy kể cho em biết làm cách nào chị biết bọn chúng trộm yêu chị?

- Thì em phát hiện ra giống như bọn đàn ông khác thôi, khi họ biến thành những kẻ ngốc nghếch ấy.

- Những người khác chẳng có vẻ gì là khờ khạo khi họ yêu em cả.

- Ngốc nghếch ấy, bạn thân mến, tức là không dám trò chuyện, không dám đáp lời, và cũng không hiểu đến cả chuyện đơn giản nhất.

- Thế chị thấy thế nào khi một kẻ tội tở phải lòng chị? Chị có... thế nào nhỉ... có xúc động và thích thú không?

- Xúc động á? Không. Còn thích thú, có một chút. Ai mà chẳng thích thú khi giành được tình yêu của một gã đàn ông, dù đó có là một kẻ thế nào đi chăng nữa.

- Ôi, xem kia, chị Margot!

- Đúng thế đấy, bạn thân mến. Nghe này, em sẽ kể cho chị nghe một câu chuyện rất đặc biệt đã xảy đến với em. Chị sẽ thấy có những điều thật lạ lùng

và khó hiểu xảy đến trong ta nếu ở vào tình cảnh như thế".

Vào mùa thu, cách đây khoảng bốn năm, em chẳng tìm đâu ra một đứa ở gái. Em đã thử tới năm, sáu đứa nhưng đứa nào cũng thật dần dộn, đến lúc hầu như là em đã chẳng còn hi vọng chọn được một đứa cho ra hồn thì em đọc được trong mẩu rao vặt trên báo có một cô gái trẻ biết may vá, thêu thùa, biết chải tóc, đang cần tìm chỗ làm. Báo cũng đăng đầy đủ mọi thông tin cần thiết, kể cả việc cô ấy biết nói tiếng Anh nữa.

Em liền gửi thư theo địa chỉ trên đó, và, ngày hôm sau, cô gái đã có mặt. Cô ta hơi cao, mảnh dẻ, có phần xanh xao và rất rụt rè. Cô có cặp mắt đen nhánh thật tuyệt, làn da trắng yêu nên ngay lập tức em đã thấy hài lòng. Em hỏi giấy tờ của cô ấy, và thế là cô đưa ra một tờ chứng nhận viết bằng tiếng Anh và giải thích rằng cô đã làm ở nhà của Bà Rymwell suốt mười năm rồi.

Người ta chứng nhận rằng cô gái trẻ đã tự nguyện quay trở về Pháp, và trong suốt thời gian dài phục vụ, ông bà chủ chỉ phàn nàn một điểm duy nhất là cô hay "làm đom theo kiểu người Pháp" mà thôi.

Cái cách viết của bà chủ người Anh này làm em phì cười và lập tức em nhận cô ta làm giúp việc cho mình.

Ngày hôm đó, cô ta dọn đến, tên cô là Rose.

Được chừng một tháng, em thấy rất quý cô hầu phòng mới này.

Đó quả là một khám phá lớn, một viên ngọc quý, một sự may mắn không ngờ.

Cô ấy biết chải tóc với một khiếu thẩm mỹ tinh tế, viên răng ten lên mũ còn khéo hơn cả đám thợ may giỏi nhất, thậm chí cô còn biết may váy nữa kia.

Em hoàn toàn sững sờ về khả năng của cô ấy. Chưa bao giờ em lại được phục dịch tốt đến vậy.

Cô ấy giúp em thay đồ rất nhanh bằng đôi tay hết sức nhẹ nhàng. Em chưa từng thấy ngón tay cô ấy chạm vào da thịt mình, và không có gì làm em khó chịu hơn việc bọn đầy tớ đụng phải người. Thế nên chẳng mấy chốc em quen thói lười quá thể, đến mức em thích thú được phục vụ từ đầu tới chân, từ việc mặc áo đến đi găng bởi bàn tay của cô gái cao lớn, hay đổ mặt và chẳng bao giờ nói gì này. Mỗi khi rời bồn tắm, cô ấy lau người cho em và giúp em xoa bóp trong khi em nằm lim dim trên chiếc đi văng, và chị biết không, em coi cô ấy như một cô bạn gái ở tầng lớp dưới hơn là một người giúp việc đơn thuần.

Thế rồi, một buổi sáng, người gác cổng lên nhà và rụt rè đề nghị được nói chuyện với em. Em rất ngạc nhiên và cho ông ta vào. Đó là một người đàn ông rất đáng tin cậy, một quân nhân già, viên tùy tùng cũ của chồng em.

Ông ta có vẻ lúng túng khó nói. Cuối cùng ông cũng ấp úng:

"Thưa bà, dưới nhà có ông đội trưởng cảnh sát khu phố xin gặp".

Em hỏi ngay lại:

"Ông ta muốn gì?".

- Ông ấy muốn lục soát căn nhà".

Tất nhiên cảnh sát thì cần thiết rồi, nhưng em rất ác cảm với họ. Em không cho rằng đó là một công việc cao quý. Và em nói, giọng mỉa mai xen lẫn tự ái:

"Sao lại có chuyện lục soát nhà? Để làm gì? Không cho ông ta vào".

Người gác cổng đáp:

"Ông ấy nghi có một tên tội phạm đang trốn ở nhà ta".

Nghe vậy em cũng thấy sợ, và em ra lệnh dẫn viên cảnh sát vào gặp mình để được nghe giải thích. Đó là một người đàn ông ra dáng có học, ngực đeo Huân chương Bắc đẩu bội tinh. Ông ta ngỏ lời xin lỗi vì đã làm phiền, sau đó khẳng định rằng trong đám phục vụ nhà em có một tên tù khổ sai đang trà trộn!

Em vô cùng tức tối. Em đáp lại rằng em sẵn sàng bảo đảm về đám gia nhân trong nhà, và em chỉ cho ông ta thấy.

"Bác gác cổng, Pierre Courtin, một cựu chiến binh.

- Không phải ông ấy.

- Anh xà ích Francois Pingau, một nông dân vùng Champagne, con trai một người làm thuê trong trang trại của cha tôi.

- Không phải anh ta.

- Còn anh chẵn ngựa, cũng đến từ vùng Champagne, con một người nông dân mà tôi biết, và anh chàng đầy tớ mà ông vừa gặp nữa đấy.

- Không phải họ.

- Vậy thì thưa ông, ông thấy rõ là mình nhầm rồi chứ?

- Xin lỗi bà, tôi chắc chắn rằng mình không nhầm. Vì chuyện này có liên quan đến một tội ác nghiêm trọng, xin bà hãy cho gọi tất cả người ở trong nhà lên đây, trước mặt hai chúng ta.

Thoạt đầu em còn phản đối, nhưng sau em đành phải nhượng bộ, và em gọi tất cả đám gia nhân trong nhà lại, cả trai lẫn gái.

Viên cảnh sát chỉ nhìn liếc qua cả đám rồi nói:

"Vẫn còn thiếu.

- Xin lỗi ông, nhưng chỉ còn mỗi cô hầu phòng của tôi, một cô gái trẻ mà tôi chắc là ông không thể nhầm là một tên tù khổ sai được.

Ông ta đề nghị:

"Tôi có thể gặp cô ấy không?

- Tất nhiên rồi."

Em rung chuông và Rose xuất hiện ngay lập tức. Khi cô ấy vừa bước vào, viên cảnh sát liền ra hiệu, và

hai người khác nãy giờ nấp sau cánh cửa mà em không hề biết lao vào túm lấy cô ấy, bẻ quặt tay ra sau và lấy dây trói chặt lại.

Em thốt kêu lên giận dữ và muốn lao ra bảo vệ Rose. Nhưng viên đội trưởng ngăn em lại:

"Cô gái này, thưa bà, là một gã đàn ông tên thật là Jean Nicolas Lecapet, bị kết án tử hình năm 1879 vì tội hiếp dâm rồi thủ tiêu nạn nhân. Sau hắn được giảm án xuống thành chung thân. Nhưng hắn đã bỏ trốn cách đây bốn tháng. Chúng tôi truy lùng hắn suốt từ bấy đến giờ".

Em cảm thấy kinh hoàng rụng rời. Em không thể tin được chuyện đó. Viên đội vừa khẽ cười vừa nói:

"Tôi chỉ có thể cho bà xem một bằng chứng. Cánh tay phải của hắn có một hình xăm". Người ta kéo tay áo lên. Đúng thật. Và viên cảnh sát để thêm vẻ ác ý: "Giờ bà có thể tin tất cả những chuyện chúng tôi vừa kể".

Và họ lôi cô hầu phòng của em đi.

"Nhưng mà, chị có tin được không, điều em cảm thấy rõ nhất trong lòng không phải là nổi tức giận vì đã bị qua mặt, bị lừa và trở thành kẻ lỗ bịch như vậy, cũng không phải là nổi xấu hổ vì đã cởi áo và mặc áo

ngay trước mũi gã đàn ông đó, hay để gã chạm tay và xoa bóp khắp người, ... mà đó là... một nỗi nhục nhã sâu xa... nỗi nhục nhã của một người đàn bà ấy. Chị hiểu chứ?

- Không, em cũng không rõ lắm?

- Nào... Chị nghĩ xem... Gã đó bị kết án... vì tội cưỡng bức... thế đấy!... em nghĩ đến... cô gái mà hắn đã cưỡng đoạt... và... điều đó... điều đó làm em thấy nhục nhã... Vậy đấy... Giờ thì chị hiểu rồi chứ?".

Và thiếu phụ tên là Simone không nói câu nào. Bà ta nhìn thẳng trước mặt mình, mắt chăm chú dán chặt vào hai chiếc khuy áo lấp lánh của gã xà ích, mỉm cười bí ẩn như nụ cười của con nhân sư, thỉnh thoảng ta vẫn bắt gặp nụ cười ấy trên khuôn mặt đám đàn bà.

NGƯỜI CHA

Vì hấn sống ở Batignolles và làm việc ở Bộ Giáo dục nên sáng sáng hấn lại lên chiếc xe ngựa chở khách đến chỗ làm. Và sáng nào hấn cũng ngồi đối diện với một cô gái trẻ mà hấn đã trót phải lòng cho đến tận khi vào tới trung tâm Pari.

Nàng đến cửa hàng của mình vào tất cả các ngày trong tuần, vào cùng một giờ. Đó là một cô gái tóc nâu, màu nâu ấy càng làm cặp mắt nàng thêm đen như hai hạt nhãn trên làn da ánh ngà. Hấn luôn thấy nàng xuất hiện ở cùng một góc phố, và nàng bắt đầu chạy đuổi theo chuyến xe chật ních người. Nàng chạy với vẻ vội vã, uyển chuyển và duyên dáng, chân nàng đặt lên bậc lên xuống trước khi mấy con ngựa kéo xe dừng hấn lại. Rồi nàng bước vào trong, hơi thở gấp gáp, ngồi xuống và đưa mắt nhìn xung quanh.

Lần đầu tiên gặp nàng, Francois Tessier đã cảm thấy khuôn mặt đó vô cùng ưa nhìn. Đôi khi ta vẫn gặp những người con gái khiến ta chỉ muốn ôm siết vào đôi cánh tay, ngay lập tức, không cần biết nàng là ai. Và cô gái này hoàn toàn thỏa mãn những mong

ước thầm kín, những khát khao sâu thẳm về một thứ tình yêu lý tưởng mà người ta thường mang trong tận đáy lòng, không rõ vì đâu.

Hắn nhìn nàng chăm chú, không kìm giữ nổi mình. Ngượng ngùng vì ánh mắt chiêm ngưỡng lộ lộ, mặt nàng đỏ bừng lên. Hắn đã nhận thấy điều ấy và muốn quay đi, nhưng hai con mắt cứ hướng về phía nàng dù hắn đã cố bắt chúng nhìn sang nơi khác.

Sau một vài ngày, hai người đã nhận ra nhau dù không nói với nhau một lời. Hắn nhường chỗ cho nàng khi xe chật cứng và leo lên tầng trên, trong lòng thấy rất tiếc. Giờ thì nàng đã chào hắn bằng cách mỉm cười, nhưng vẫn luôn cúi mặt lảng tránh cái nhìn của hắn mà nàng luôn thấy thật mãnh liệt, dẫu rằng nàng không còn tức tối vì bị chiêm ngưỡng như vậy nữa.

Cuối cùng thì họ đã bắt chuyện với nhau. Một mối thân thiết nhanh chóng buộc hai người lại, mỗi thân thiết kéo dài nửa giờ mỗi ngày. Và chắc chắn nửa giờ đó là quãng thời gian tuyệt vời nhất trong đời hắn. Hắn nghĩ tới nàng trong suốt khoảng thời gian còn lại, không ngớt thấy bóng dáng nàng hiện khắp nơi trong văn phòng; hắn bị ám ảnh, mê đắm, bị xâm chiếm bởi hình ảnh sống động và duyên dáng của khuôn mặt người thiếu nữ mà hắn giấu kín trong lòng. Có vẻ như đối với hắn, chiếm được trọn

ven tình yêu của cô gái xinh đẹp này là một niềm hạnh phúc tốt độ, vượt quá mọi sức tưởng tượng.

Bây giờ mỗi sáng, nàng lại khê chìa tay ra cho hắn nắm lấy, và hắn giữ đến tận tối cảm giác của sự tiếp xúc này, da thịt hắn còn cảm thấy rõ mồn một những ngón tay thông thả khê ấn nhẹ, tưởng chừng đó là dấu vết nàng đã in hẳn lại.

Suốt cả khoảng thời gian còn lại trong ngày, hắn lo lắng đợi cuộc hành trình ngắn ngủi trên chiếc xe chở khách. Những ngày chủ nhật đối với hắn thật đáng ghét.

Chắc hẳn nàng cũng yêu hắn, bởi vì một ngày thứ bảy giữa mùa xuân, nàng đã nhận lời ăn trưa cùng hắn ở khu Laffite vào ngày hôm sau.

Nàng là người đến trước đợi hắn ở bến xe. Hắn rất ngạc nhiên, nhưng nàng bảo:

"Trước khi chúng ta đi, tôi có điều muốn nói. Chúng ta còn hai mươi phút, thế là quá đủ".

Nàng run rẩy, tay dựa vào tường, mắt cúi xuống và má tái nhợt, nói tiếp:

"Anh không nên hiểu lầm về tôi. Tôi là một cô gái nề nếp, nên tôi chỉ đi đến đó cùng anh nếu anh hứa với tôi, nếu anh thề là... là sẽ không làm gì... không làm gì mà... vượt quá giới hạn...".

Đột nhiên nàng đỏ bừng mặt còn hơn cả bông hoa mào gà. Nàng im bặt. Hắn không biết trả lời ra

sao, vừa hạnh phúc lại vừa thất vọng. Sâu thẳm tận đáy lòng, có lẽ hắn cũng thích như thế hơn, nhưng dầu sao... dầu sao đêm nay hắn sẽ tự an ủi bằng cách để mặc cho những giấc mơ khiến ruột gan như có lửa cuốn hắn đi vậy. Chắc hắn sẽ bớt yêu nàng nếu biết rằng nàng quá nhẹ dạ, nhưng cái điều đó lại quá tuyệt vời và dịu ngọt đối với hắn! Và tất cả những toan tính ích kỷ của bọn đàn ông khi yêu lướt qua đầu hắn.

Vì không thấy hắn nói gì, nàng lại bắt đầu cất giọng xúc động, khước mắt ngân ngấn nước:

"Nếu anh không hứa sẽ tuyệt đối tôn trọng tôi, tôi sẽ quay về nhà vậy".

Hắn dịu dàng nắm cánh tay nàng đáp:

"Tôi xin hứa như thế, cô sẽ chỉ phải làm những gì cô muốn thôi".

Có vẻ như đã được an ủi, nàng mỉm cười hỏi lại:

"Có thực thế không?".

Hắn nhìn sâu vào mắt nàng:

"Tôi xin thề đấy!

- Vậy chúng ta lấy vé xe thôi", nàng nói.

Họ không nói được gì với nhau trên suốt cả quãng đường, xe chật kín người.

Đến khu Laffite, họ thả bộ về phía sông Seine.

Không khí ẩm áp khiến cả cơ thể và tâm hồn người ta như mềm lại. Mặt trời rực rỡ tràn ngập trên

dòng sông, trên tán lá và khắp đồng cỏ, hàng ngàn tia nắng vui nhộn rộn rã lòng người. Họ bước đi, tay trong tay dọc theo bờ sông, ngắm những con cá nhỏ bơi lượn từng đàn giữa đôi bờ. Họ bước đi, ngập tràn hạnh phúc, như thể cả mặt đất cũng đang nâng bước họ trong niềm hạnh phúc vô bờ.

Sau cùng nàng nói:

"Chắc anh thấy tôi thật điên rồ đấy nhỉ!".

Hắn ngạc nhiên:

"Sao lại thế?"

Nàng đáp:

"Chẳng phải là điên thì mới đi một mình với anh như thế này chứ?".

- Ô không đâu, chuyện đó hoàn toàn bình thường mà.

- Không! Không! Không bình thường tí nào, đối với tôi, bởi vì tôi không muốn mình bị quyến rũ, nhưng như thế này thì người ta ít khi giữ nổi lòng mình. Giá anh biết được! Thật buồn tẻ khi ngày nọ cũng vẫn những chuyện như thế lặp đi lặp lại, tất cả mọi ngày trong tháng, tất cả mọi tháng trong năm. Tôi ở một mình cùng với mẹ. Và vì bà quá nhiều đau khổ cho nên chẳng lúc nào bà được vui vẻ. Tôi đã cố gắng hết sức mình, tôi cố cười, nhưng không phải lúc nào cũng thành công. Dù sao thì, nhận lời với anh thế này cũng không hay lắm. Ít nhất anh cũng không ghét tôi đấy chứ?".

Để trả lời, hấn nồng.nhiệt hôn lên vành tai nhỏ nhắn của nàng. Nhưng nàng đột ngột lùi ra xa với cử chỉ dứt khoát và bất ngờ nổi giận:

"Ôi! Anh Francois! Anh đã thề với tôi rồi kia mà".

Hai người quay trở lại khu Laffite.

Họ ăn trưa ở quán Petit Havre, một tòa nhà thấp núp dưới bóng bốn cây dương lớn ở ngay bên bờ sông.

Không khí thoáng dang, ánh nắng mặt trời, những cốc rượu vang trắng và cảm giác được ở bên nhau khiến mặt họ đỏ bừng, ngộp thở và yên lặng.

Nhưng sau tách cà phê, một niềm vui sướng bao trùm lấy họ, và vì họ đã vượt qua sông Seine nên họ lại đi men theo chiều ngược lại về phía làng La Frette.

Đột nhiên hấn hỏi:

"Tên cô là gì nhỉ?"

- Louise".

Hấn nhắc lại: Louise, rồi không nói thêm gì nữa.

Dòng sông uốn mình thành một đường cong, như thể sắp nhấn chìm những ngôi nhà trắng phía xa đang ngấm nhìn cái bóng lộn ngược của mình trong làn nước. Cô gái trẻ hái những đóa hoa mác-gơ-rít kết thành một bó to, còn hấn, hấn hát vang, hứng khởi như một con ngựa cường tráng được thả dây cương về với đồng cỏ bao la.

Bên trái họ là những sườn đồi trồng nho dọc theo con sông. Bỗng Francois đứng lại, lặng người sững sờ:

"Ôi! Nhìn kìa", hấn nói.

Đám nho đã dừng lại, cả một sườn đồi lúc này được bao phủ bởi những bông hoa li-la nở rộ. Đó là một cánh rừng tím ngát, một tấm thảm khổng lồ trải rộng trên mặt đất tới tận ngôi làng phía dưới, cách xa hai, ba cây số.

Nàng cũng thần thờ xúc động, thầm thì:

"Ôi chao! Đẹp tuyệt!".

Và, băng qua cánh đồng nhỏ, họ chạy về phía khu đồi tuyệt diệu kia, nơi mà hàng năm những bông hoa li-la đều theo xe những người bán dạo rong ruổi trên khắp mọi nẻo đường cả một vùng rộng lớn quanh Pari.

Một lối mòn nằm khuất dưới những bụi cây. Họ men theo đó và đến khi gặp một khoảng trống thì ngồi lại.

Từng đàn ruồi bay vù vù trên cao khiến rộn lên trong không gian một thứ âm thanh đều đều liên tục. Và mặt trời, vàng mặt trời chói chang của một ngày đứng gió soi rọi khắp sườn đồi ỏi ả, cuộn lên từ đây một mùi hương thơm ngát, một hơi thở nồng nàn của cỏ hoa.

Có tiếng chuông nhà thờ vọng lại từ xa.

Và, thật nhẹ nhàng, họ ôm lấy nhau, rồi họ ghì siết nhau, ngả mình trên cỏ, không còn biết gì khác

ngoài nụ hôn đắm say. Nàng nhắm nghiền mắt, vòng tay quanh người hắn, ôm riết cuống cuống, không một ý nghĩ trong đầu, không còn chút tỉnh táo, toàn thân tê dại trong nỗi khao khát say mê. Và nàng đã hiến dâng tất cả mà không nhận thức được mình đã làm gì, không biết rằng mình đã thuộc về hắn.

Nàng tỉnh dậy trong nỗi kinh hoàng về những điều bất hạnh khủng khiếp, bật khóc nức nở, rên rỉ vì quá đau đớn, mặt úp vào lòng bàn tay.

Hắn cố an ủi nàng. Nhưng nàng muốn quay lại, muốn trở về nhà ngay lập tức. Nàng nhắc đi nhắc lại không ngừng trong khi bước vội vã:

"Lạy Chúa! Lạy Chúa tôi!".

Hắn gọi:

"Louise! Louise! Hãy ở lại đã, xin cô đấy!".

Lúc này hai má nàng đỏ bừng và cặp mắt trông rỗng. Ngay khi đến ga Pari, nàng bỏ đi mà không thêm chào hắn.

Khi hắn gặp nàng ngày hôm sau trên chuyến xe, nàng trông khác hẳn, gầy xẹp. Và nàng khẽ bảo hắn:

"Tôi cần phải nói chuyện với anh. Chúng ta sẽ xuống ở chỗ đại lộ nhé".

Và ngay khi họ còn lại một mình trên hè phố:

"Chúng ta phải chia tay nhau thôi, nàng nói. Tôi không thể gặp lại anh sau những chuyện đã xảy ra".

Hắn lắp bắp:

"Nhưng, tại sao chứ?

- Tại vì tôi không thể. Tôi thật là tội lỗi. Chuyện đó sẽ không thể lặp lại một lần nữa".

Hắn quỳ dưới chân nàng, van vãn, cảm thấy nỗi khát khao hành hạ mình, hắn cần có nàng trọn vẹn, sợ hãi cảnh cô đơn trống trải trong những đêm yêu thương dâng tràn.

Nhưng nàng buống bình trả lời:

"Không! Tôi không thể. Không! Tôi không thể".

Hắn càng cố nứu kéo nàng, cầu xin nàng hơn nữa. Hắn hứa sẽ cưới nàng làm vợ. Nhưng câu trả lời vẫn là "Không!".

Và nàng quay đi.

Trong tám ngày, hắn không thấy nàng. Hắn cũng không thể tìm gặp nàng vì không có địa chỉ, và hắn tin rằng mình đã mất nàng vĩnh viễn.

Ngày thứ chín, chuông nhà reo vang. Hắn ra mở cửa. Đó là nàng. Nàng ngã vào vòng tay hắn, không chút kháng cự.

Suốt ba tháng trời, nàng trở thành tình nhân của hắn. Hắn bắt đầu thấy chán ghét khi nàng thông báo rằng mình đã mang thai. Thế là trong đầu hắn chỉ có mỗi một ý nghĩ: bằng mọi giá phải cắt đứt với nàng.

Nhưng mãi mà vẫn không có cơ hội, chẳng biết liệu có làm được thế không và cũng không biết nói gì, lo lắng sợ hãi vì đứa trẻ ngày một lớn dần trong bụng người mẹ, hần tính kế chuồn đi là thượng sách. Thế rồi một đêm, hần thu dọn đồ đạc và biến mất.

Đó là một cú sốc quá mạnh với nàng, đến nỗi nàng chẳng bận tâm tìm kiếm kẻ phụ tình bội bạc đã bỏ mặc nàng mà chạy trốn. Nàng quỳ xuống trước gôi mẹ thú nhận nỗi bất hạnh, và mấy tháng sau, nàng sinh hạ một thằng bé kháu khỉnh.

Nhiều năm trôi qua. Francois Tessier trở nên già cỗi mà không có gì thay đổi trong đời. Hần sống cuộc sống đơn điệu buồn tẻ của một anh nhân viên văn phòng, không hy vọng hay chờ đợi điều gì. Ngày ngày, hần dậy đúng vào một giờ, đi trên những con phố quen, bước qua đúng cái cổng với cùng một người gác, vào đúng cái văn phòng, ngồi trên cùng một chiếc ghế và làm đúng những công việc nhàm chán ấy. Hần hoàn toàn cô độc trên cõi đời này, cô độc, ban ngày, giữa đám đông nghiệp dưng dưng, cô độc, ban đêm, trong căn gác trọ toàn những gã trai không gia đình. Hần tiết kiệm được 100 *franc* mỗi tháng để phòng lúc về già.

Chủ nhật, hấn dạo một vòng quanh đại lộ Champ Élysées để nhìn ngắm dòng người sang trọng qua lại, ngựa xe tấp nập và những quý bà xinh đẹp. Để rồi hôm sau hấn khoe với đồng nghiệp:

"Lễ rước hôm qua thật là lộng lẫy...".

Nhưng rồi, một chủ nhật nọ, tình cờ hấn bước theo những dãy phố mới và tới công viên Monceau. Đó là một sớm hè rực rỡ.

Những chị vú nuôi và những bà mẹ ngồi dọc lối đi, ngắm bọn trẻ đang vui đùa trước mặt.

Bất chợt Francois Tessier rùng mình. Một người đàn bà đi ngang qua hấn, tay dắt hai đứa trẻ: một đứa bé trai khoảng mười tuổi và một bé gái lên bốn. Đó là nàng.

Hấn bước thêm chừng 100 bước nữa rồi ngồi phịch xuống một chiếc ghế, bàng hoàng xúc động. Nàng vẫn chưa nhận ra hấn. Thế là hấn quay lại, tìm cách nhìn nàng. Giờ nàng đã ngồi lại. Thằng bé ngoan ngoãn ngồi cạnh mẹ trong khi đứa em gái đang vo viên nghịch đất. Đó là nàng, đích xác là nàng. Nàng có vẻ nghiêm nghị của một quý bà, ăn vận giản dị, đáng vẻ tự tin và đúng mực.

Hấn nhìn nàng từ xa, không dám lại gần. Thằng bé con bỗng ngẩng đầu lên. Francois Tessier thấy rung động. Đó là con trai hấn, không còn nghi ngờ gì. Hấn ngắm thằng bé, tưởng như đang thấy lại chính mình trong tấm ảnh chụp từ thời xa xưa.

Hắn vẫn nấp sau thân cây, đợi nàng ra về để đi theo.

Đêm ấy hắn không thể chợp mắt được. Ý nghĩ về đứa con ám ảnh hắn. Con trai hắn! Ôi! Giá hắn có thể biết chắc được có đúng thế không! Hắn sẽ phải làm gì đây?

Hắn đã thấy nhà nàng, và hắn hỏi dò xung quanh. Hắn biết rằng nàng đã được một người hàng xóm cưới về làm vợ, một người đàn ông tử tế rất coi trọng tập tục nhưng biết cảm thông nỗi tuyệt vọng của nàng. Người đàn ông này biết lỗi lầm mà nàng đã phạm phải đã rộng lòng tha thứ, thậm chí còn nhận làm cha đứa trẻ, con trai của hắn, Francois Tessier.

Chủ nhật nào hắn cũng đến công viên Monceau. Chủ nhật nào hắn cũng thấy nàng, và trong hắn luôn trào lên ham muốn điên cuồng không sao cưỡng lại là được ôm thẳng bé vào lòng, hôn khắp người nó, được mang nó theo, được bắt trộm nó.

Hắn cảm thấy vô cùng khiếp sợ nỗi cô đơn tuyệt vọng của một lão già không có tình thân, hắn đã phải chịu đựng những cơn hành hạ tồi tệ, bị giầy vò bởi tình cảm của một người cha ăn năn hối lỗi, bởi nỗi khao khát, bởi lòng ghen tuông, bởi tình yêu với những đứa con mà tạo hóa đã đặt vào lòng mọi sinh vật trên thế gian này.

Rốt cuộc một ngày kia, hắn cũng muốn thử một cách vô vọng và tiến về phía nàng khi nàng bước vào công viên. Hắn đứng ngay giữa lối đi, tái nhợt, môi mím chặt cho khỏi run và nói:

"Cô không nhận ra tôi sao?".

Nàng ngược mắt nhìn hắn, thốt lên tiếng kêu hoang mang, một tiếng kêu khiếp hãi, và nắm chặt tay hai đứa con, nàng bỏ chạy, kéo chúng phía sau.

Hắn trở về nhà khóc thầm.

Nhiều tháng nữa qua đi. Hắn không thấy nàng xuất hiện một lần nào. Nhưng cả ngày lẫn đêm, hắn bị vò xé, hao mòn, hối hận vì tình phụ tử.

Để được ôm con trai vào lòng, hắn sẵn sàng đánh đổi cả tính mạng, hắn có thể bị giết chết, hắn sẽ làm mọi việc, bất chấp mọi nguy hiểm, lao vào mọi thử thách.

Hắn viết thư cho nàng. Nàng không trả lời. Sau khi gửi đi khoảng hai mươi lá, hắn hiểu rằng chẳng có hi vọng gì khiến nàng nghĩ lại. Và thế là hắn quyết định chọn giải pháp cuối cùng trong nỗi tuyệt vọng, sẵn sàng nhận cả một viên đạn ngay giữa tim nếu cần phải thế. Hắn gửi cho chồng nàng một lá thư với những dòng sau:

"Thưa ngài,

Chắc ngài không muốn nghe nhắc đến tên tôi. Nhưng tôi quả là khốn khổ, tôi luôn bị giày vò đau

đón, đến nỗi tôi chỉ còn dám hy vọng ở nơi ngài mà thôi.

Tôi chỉ cầu xin được gặp ngài trong 10 phút.

Tôi rất biết ơn...".

Hôm sau hần nhận được câu trả lời:

"Thưa ông,

Tôi đợi ông lúc 5 giờ ngày thứ ba tới".

Lúc bước lên cầu thang, Francois Tessier phải dừng lại nghỉ liên tục, tim đập liên hồi. Trong lồng ngực hần vang lên tiếng đập vội vã, như tiếng vó ngựa phi nước kiệu, một âm thanh nào nuốt nặng nề. Hần phải cố hết sức mới thở được, tay bám chặt lan can cho khỏi ngã quỵ.

Đến tầng ba, hần nhấn chuông. Một cô hầu gái ra mở cửa. Hần hỏi:

"Tôi tìm nhà ông Flamel.

- Vâng, đúng rồi thưa ông. Mời ông vào!".

Hần bước vào căn phòng khách sang trọng. Hần có mỗi một mình, hồi hộp chờ đợi, như đang đứng giữa một thảm họa.

Một cánh cửa mở ra. Một người đàn ông xuất hiện. Ông ta cao lớn, mạnh mẽ, hơi đậm người và mặc chiếc áo choàng đen. Tay ông khê chỉ vào một chiếc ghế.

Francois Tessier ngồi xuống rồi cất giọng căng thẳng:

"Thưa ngài... Thưa ngài... tôi không biết liệu ngài có biết tên tôi không... liệu ngài có...".

Ông Flamel ngắt lời:

"Không cần đâu, thưa ông, tôi biết cả rồi. Vợ tôi đã kể cho tôi nghe về ông".

Ông có giọng nói tự tin của một người tốt bụng muốn tỏ vẻ nghiêm khắc và đáng vẻ đường bệ cao quý của một nhà tư sản trung hậu. Francois Tessier lại nói:

"Chuyện là thế này, thưa ngài... Tôi đang sắp chết vì đau khổ, vì ân hận và nhục nhã. Và tôi chỉ muốn một lần... chỉ một lần thôi... được ôm cháu...".

Ông Flamel đứng dậy, tiến lại gần lò sưởi nhấn chuông. Cô hầu gái xuất hiện. Ông nói:

"Cô tìm cháu Louis lại đây!".

Cô ta đi ra. Hai người đàn ông ngồi đối diện với nhau, im lặng, chẳng còn gì để nói, chờ đợi.

Thế rồi một cậu bé khoảng mười tuổi ào vào phòng khách, chạy lại phía người mà xưa nay cậu vẫn nghĩ là cha ruột mình. Nhưng cậu bỗng dừng lại, bối rối khi thấy một người lạ trong nhà.

Ông Flamel cúi xuống hôn lên trán cậu con trai rồi bảo:

"Bây giờ con hãy ôm hôn ông này đi, con yêu".

Đứa bé ngoan ngoãn vâng lời, mắt nhìn người lạ mặt.

Francois Tessier đứng lên. Hắn làm rơi chiếc mũ, cả hắn cũng lão đảo không vững. Và hắn ngắm con trai mình.

Ông Flamel tế nhị quay đi, ông đưa mắt nhìn qua cửa sổ ra ngoài đường.

Đứa bé chờ đợi, rất ngạc nhiên. Nó nhặt chiếc mũ lên trả lại cho người đàn ông xa lạ. Và Francois nhấc bổng thằng bé trong tay, hôn hít nồng nhiệt khắp khuôn mặt nó, hôn lên mắt, lên má, lên miệng lên tóc con.

Đứa trẻ hoảng sợ vì những nụ hôn như mưa cố tìm cách né tránh, nó quay mặt đi, chìa bàn tay nhỏ xíu ra che cặp môi hau hấu của ông khách kì cục.

Nhưng Francois Tessier thốt nhiên đặt đứa bé xuống đất. Hắn kêu lên:

"Vĩnh biệt! Vĩnh biệt!".

Rồi hắn bỏ chạy như một tên trộm.

THÚ NHẬN

Vàng mặt trời giữa trưa chiếu muôn vàn tia nắng rực rỡ lên khắp cánh đồng trải rộng mênh mông đang dập dềnh lượn sóng bên những tán cây rợp bóng của các trang trại. Mùa thu hoạch đang tới gần. Người ta thấy ở đó những thửa ruộng lúa mạch đen đương độ chín, những bông lúa mì vàng ruộm, đám yến mạch căng mẩy một màu xanh mượt đan xen với màu xanh thẫm của những vạt đậu ba lá, tất cả như tạo thành một chiếc áo kẻ sọc mềm mại bay phấp phới khoác lên tấm lưng trần của đất mẹ bao la.

Ở đó, trên đỉnh một mỏm đồi nhô cao, một đàn bò cái đông vô kể, con đứng, con nằm trông hệt như một toán quân đang dàn trận. Chúng nheo nheo cặp mắt to tròn dưới ánh nắng chói chang, hàm nhai qua nhai lại say sưa trên bãi cỏ rộng như một cái hồ.

Và hai người đàn bà, bà mẹ với cô con gái, người sau theo vết chân người trước rẽ lối ngang qua cánh đồng đang tiến về phía đám gia súc.

Mỗi người xách lồng lẳng trên tay hai cái xô làm bằng tôn, và theo mỗi bước đi của họ, những chùm

sáng trắng lóa phản chiếu ánh mặt trời rơi vào thứ kim loại ấy cứ loang loáng đến vui mắt.

Không ai nói với ai câu nào. Họ đến để vắt sữa bò. Tới nơi, mỗi người đặt một cái xô xuống đất, tiến đến sát hai con vật đầu tiên, thúc chúng đứng dậy bằng cách đá mạnh vào cạnh sườn. Con vật uể oải đứng lên, đầu tiên nó chống hai chân trước, sau đó nó mới nhấc mông lên vẻ nặng nhọc vì cặp vú căng sữa cứ thông xuống.

Hai mẹ con nhà Malivoire quỳ gối xuống ngang bụng con bò, tay nắm mạnh lấy núm vú căng phồng vừa bóp vừa kéo một cách thành thạo khiến những tia sữa vọt ra và chảy xuống chiếc xô hứng phía dưới. Từng đám bọt sữa màu vàng nhạt cứ nổi dần lên phía miệng xô và hai người đàn bà cứ liên tay vắt sữa, hết con này tới con khác, cho tới lúc hết cả đàn mới thôi. Mỗi khi xong một con, họ lại xua nó đi gặm cỏ ở phía đầu kia của cánh đồng, nơi vẫn còn cả một vạt nguyên chưa đặng đến.

Rồi họ trở về, chân bước chậm hơn, nặng nề hơn vì xô đã đầy sữa, bà mẹ đi trước, cô con gái theo sau.

Đột nhiên, cô gái đứng khựng lại, đặt xô xuống đất, ngồi thụp xuống và khóc tím tím.

Bà Malivoire không nghe thấy tiếng bước chân con gái nữa bèn ngoảnh lại, sững sờ.

"Mày sao thế con?", bà hỏi.

Và cô con gái, Céleste, mái tóc cháy nắng hung hung đỏ, đôi gò má cũng đỏ ửng vì nắng giờ nhòe nhoẹt nước, đang nhăn nhó vì nóng bức. Cô rên khe khẽ như đứa bé bị đánh đòn:

"Con không xách được hai xô đầy sữa thế này!"

Bà mẹ nhìn cô vẻ nghi ngờ. Bà lặp lại:

"Mày sao thế?".

Céleste vẫn ngồi bệt trên đất cạnh hai cái xô, giấu mắt sau chiếc tạp dề khế đáp lời:

"Nó nặng lắm, con không thể...".

Bà mẹ hỏi lại, lần thứ ba:

"Mày sao thế hả?".

Cô gái rên lên:

"Con... Con nghĩ là mình có mang rồi".

Và cô bật khóc nức nở.

Đến lượt mình, bà mẹ cũng thả hai xô sữa xuống, sững sờ không tin nổi vào tai mình. Mãi sau bà mới lắp bắp được:

"Mày... mày... mày có mang hả, con ranh kia? Sao lại thế?".

Nhà Malivoire là một chủ trại giàu có, họ sống tương đối sung túc, nhàn hạ, đó là những người khá ma lanh, có thể lực và được trọng vọng trong vùng. Vậy mà...

Céleste ấp úng;

"Con nghĩ là đúng thế đấy!".

Bà mẹ kinh hoàng nhìn đứa con gái ủ rũ, sụt sùi trước mặt mình. Một giây sau, bà gào lên:

"Đồ chứa hoang! Đồ chứa hoang! Mày lấy của nợ ấy ở đâu về hả con đi kia?".

Và Céleste, toàn thân rung lên vì xúc động, mếu máo:

"Con chắc là ở trên xe của Polyte".

Bà mẹ cố hiểu điều con nói, đoán già đoán non xem thằng khốn nạn nào đã làm hại đứa con gái mình. Nếu nó là một thằng cũng khá giả và được mát thì còn dễ thu xếp. Như thế thì tai họa giáng xuống gia đình bà có phần đỡ nặng nề hơn, vì tuy Céleste không phải là đứa con gái chứa hoang đầu tiên nhưng chuyện đó nào có hay ho gì, nhất là những lời dèm pha sẽ là ảnh hưởng tới vị trí của cả họ nhà Malivoire.

Bà gặng hỏi:

"Thằng nào làm mày ra nông nỗi này, con ôn con?".

Céleste, dường như quyết tâm nói hết ra, khẽ đáp ngay:

"Là Polyte".

Bà Malivoire học lên vì giận dữ, nhẩy bổ vào đứa con gái mà đánh túi bụi, bà đã không còn biết gì khác ngoài cơn điên đang sôi sùng sục trong lòng.

Những cú đấm như trời giáng của bà cứ thế bổ xuống đầu, xuống lưng, xuống khắp mọi nơi trên

người con gái, và Céleste, nằm sõng soài giữa hai cái xô nên được che chắn chút ít, chỉ còn biết đưa hai tay lên che mặt mà thôi.

Đám bò cái, con nào con nấy ngạc nhiên hết sức, thôi không ngoạm cỏ nữa mà ngoái cả lại nhìn, mắt mở to ngơ ngác. Một con ở gần họ nhất rống lên, héch mồm về phía hai người.

Khi đã đánh đến mỗi nhừ cả tay, bà Malivoire mới dừng lại, thở hổn hển không ra hơi. Bình tĩnh một chút, bà càng thấy rõ như ban ngày cái tình cảnh trở trêu của gia đình mình.

"Thằng Polyte! Trời đánh thánh vật mày đi! Sao mày có thể thế với cái thằng đánh xe ngựa chở thuê hả? Mày mất trí à? Hay mày bị nó cho ăn bùa mê thuốc lú rồi, cái con vô dụng này".

Céleste vẫn còn nằm dưới đất, cố vặc lại trong đám bụi mù:

"Nhưng con không phải trả tiền xe mà!".

Và người phụ nữ vùng Normandie này đã hiểu hết mọi chuyện.

Vào ngày thứ tư và thứ bảy hằng tuần, Céleste đều phải mang gia cầm, trứng và bơ từ trang trại vào bán ở thị trấn.

Cô thường đi từ lúc bảy giờ, hai tay khoác hai giỏ to, một đựng bơ sữa, một đựng gà, vịt lẫn lộn, và cô đứng chờ chiếc xe chở thư đến Yvetot ở bên đường cái quan.

Cô đặt giỏ xuống đất, ngồi xuống cạnh một cái hào, trong khi đó lũ gà mỏ ngắn và nhọn, lũ vịt mỏ dài và bẹt cổ ngẩng cổ lên khỏi thành giỏ đan bằng cành liễu để ngó nghiêng, mắt tròn xoe ngáo ngơ.

Chẳng mấy chốc, một chiếc xe cà tàng, sườn sơn màu vàng, nóc trông như một chiếc mũ da to tổ chẳng màu đen sì xuất hiện. Thùng xe lắc lư đến khiếp mỗi khi con ngựa già bạc phếch giật mạnh cương.

Polyte, người đánh xe là một gã trai to béo, vẻ mặt lúc nào cũng hoan hỉ. Mặc dù hãy còn trẻ nhưng bụng gã đã phệ ra, da vốn đen sạm vì nắng gió, vì mưa rào, sau khi tống vài ngụm rượu vào lại bọt bọt hắt đi khiến mặt và cổ hắt có màu hệt như màu gạch. Từ xa hắt đã kêu tướng lên, tay quấy roi vun vút:

"Xin chào quý cô Céleste! Cô vẫn khỏe đấy chứ?".

Và cô gái đưa lần lượt từng chiếc giỏ cho hắt để xếp lên trên nóc, sau đó cô nhắc cao chân đặt lên bậc lên xuống để trèo vào xe, lăm lẹ ra một khoảng bắp chân rắn chắc và cả chiếc cổ tất màu xanh dương.

Mỗi lần như thế, Polyte lại lặp đi lặp lại câu bông đùa:

"Ủi chà! Anh bạn chẳng gây đi tẹo nào nhỉ!".

Và cô gái cười khúc khích, thấy cũng hay hay.

Rồi gã đánh xe hô "Hây! Tiến lên nào!" để thúc con ngựa còm côi lên đường. Còn Céleste thì lôi chiếc ví nhỏ giấu mãi tận đáy túi ra, chậm rãi đếm đúng

mười xu, sáu trả cho mình và bốn trả cho hai cái giỏ rồi chìa qua vai Polyte. Gã nhận tiền, không bao giờ quên hỏi cô:

"Cuộc chơi của chúng ta ấy, hôm nay vẫn chưa được à?".

Và gã cười phá lên, ngoái đầu lại nhìn cô không giấu giếm.

Céleste thấy mỗi ngày mất toi tới nửa đồng *franc* cho một đoạn đường dài có 3 km thì quả là đắt. Và khi không có tiền xu để trả, cô còn thấy tiếc đứt ruột hơn nữa khi phải bỏ ra cả một đồng.

Một hôm, khi đưa tiền cho Polyte, cô chột bảo:

"Với một người khách quen như tôi, anh chỉ cần lấy 6 xu cũng đủ rồi".

Và gã đánh xe cười vang:

"Sáu xu thôi ư, người đẹp! Chắc chắn cô đáng giá hơn thế nhiều!".

Cô nhún giọng:

"Mỗi tháng để anh phải kiếm được tới 2 *franc* ấy nhỉ".

Gã vừa đùa đùa, vừa vung roi đánh xuống con nghẻo già:

"Nghe này, tôi là người khá dễ tính, tôi sẽ để lại cho cô khoản tiền ấy, đổi lấy một cuộc chơi nhé!".

Cô hỏi lại, vẻ ngây thơ:

"Anh nói thế là sao cơ?".

Gã khoái chí đến mức ho sặc sụa vì cười.

"Một cuộc chơi, đó là một cuộc chơi, tất nhiên rồi! Một cuộc chơi giữa một cô gái với một chàng trai, cả hai cùng khiêu vũ mà không có nhạc đệm ấy mà".

Giờ thì cô gái đã hiểu ra, đỏ mặt vì ngượng, cô phần nộ:

"Tôi không thích hợp để chơi trò đó đâu, anh Polyte ạ!".

Nhưng gã trai chẳng chút e dè, cứ nhắc đi nhắc lại, ngày càng cộc nhả:

"Chẳng sớm thì muộn cô cũng sẽ tham dự thôi, người đẹp ạ, đó là cuộc chơi thú vị của một cô gái với một chàng trai mà".

Và kể từ đó, mỗi khi cô gái trả tiền xe, gã lại thừa dịp nhắc lại:

"Cuộc chơi của chúng ta ấy, hôm nay vẫn chưa được à?".

Đến giờ thì cô gái đã quen với kiểu đùa ấy, thậm chí cô còn đáp lại:

"Hôm nay thì chưa được đâu, anh Polyte ạ, để đến thứ bảy nhé, chắc chắn đấy!".

Và gã ré lên thích thú:

"Rõ rồi, hẹn thứ bảy nhé, người đẹp".

Céleste nhẩm tính trong đầu, thấy rằng từ hai năm nay cô đã trả cho Polyte tới 48 đồng *franc*, và 48 *franc* ở nông thôn là cả một gia tài chứ chẳng chơi.

Cô cũng dễ dàng tính được, chỉ hai năm nữa thôi, tổng số tiền xe cô phải trả sẽ lên tới gần 100 *franc*!

Cho đến một ngày kia, một ngày mùa xuân mơn mẩn chỉ có hai người với nhau, gã đánh xe hỏi như thường lệ:

"Cuộc chơi của chúng ta ấy, hôm nay vẫn chưa được à?".

Cô gái đáp:

"Được rồi, anh Polyte".

Gã chẳng hề ngạc nhiên chút nào, vừa bước qua chiếc ghế dài phía sau gã vừa thăm thì về hài lòng:

"Vây chúng ta vào cuộc nhé! Tôi biết rõ rồi sẽ có lúc này mà".

Con ngựa trắng già nua chậm rãi thả bước, cỗ xe chạy êm như ru, thỉnh thoảng từ trong thùng xe lại vọng ra tiếng gã đánh xe: "Hây à! Tiến lên nào! Tiến lên nào con con nghèo già thân yêu!".

Ba tháng sau, Céleste nhận thấy mình đã có mang.

Cô gái kể lại tất cả mọi chuyện cho mẹ nghe bằng một giọng đẫm nước mắt. Và bà mẹ, tái nhợt vì tức giận, vặn hỏi:

"Vây rốt cuộc mày kiếm được bao nhiêu rồi?".

Céleste đáp:

"Bốn tháng, tức là được khoảng 8 franc".

Con diên của bà mẹ quê mùa lại bùng lên dữ dội, và đứa con gái lại phải hứng trọn một trận đòn tới tấp cho đến khi bà thở không ra hơi. Rồi bà chợt nhớ ra:

"Mày đã nói với nó là mày có chữa chưa?"

- Chưa, tất nhiên là chưa rồi.

- Sao mày không nói cho nó biết hả?

- Vì nhớ đâu anh ta lại bắt con phải tiếp tục trả tiền xe".

Bà mẹ nghĩ ngợi một hồi rồi nắm lấy hai cái xô:

"Nào! Đứng dậy đi! Còn khối việc phải làm kia kia".

Và sau một hồi im lặng, bà nói tiếp:

"Đừng có để lộ ra cho nó biết chừng nào nó còn chưa phát hiện ra. Khéo giấu thì có thể để đến lúc 6 tháng, thậm chí 8 tháng ấy chứ!".

Céleste lồm cồm đứng dậy, vẫn còn khóc rấm rứt, tóc sỗ tung, mặt xỉ xuống, chân cất bước nặng nề nhưng mồm vẫn lẩm bẩm:

"Dĩ nhiên là con sẽ chẳng nói làm gì!".

MÓN TRANG SỨC

Đó là một trong những cô gái xinh đẹp nhất, duyên dáng nhất, nhưng do sự trớ trêu của số phận mà cô nàng lại được sinh ra trong một gia đình lao động bình thường. Cô chẳng có cửa hồi môn, cũng chẳng có hy vọng gì được hưởng gia tài do người thân để lại, càng không có cách nào để được làm quen, được tìm hiểu, được yêu và làm vợ một người đàn ông giàu có, phong nhã, cho nên cô đành kết hôn với viên thầy ký quen làm ở Bộ Giáo dục.

Cô ăn vận hết sức giản dị, không bao giờ được trang điểm cầu kỳ, và cô nàng luôn thấy mình thật bất hạnh khi bị xếp nhầm vào vị trí thấp kém như thế, vì đối với phụ nữ thì đẳng cấp hay dòng giống nào có quan trọng gì, chính sắc đẹp, vẻ duyên dáng và quyến rũ mới tạo nên dòng dõi và gia thế cho họ. Sự tinh tế bẩm sinh, bản năng thanh nhã cộng với trí tuệ linh hoạt của họ chính là bậc thang để phân thứ bậc, và chính những điều đó mới đưa những cô gái bình dân lên ngang tầm với những quý bà sang trọng.

Cô nàng đau đớn khôn nguôi với ý nghĩ đáng lý mình sinh ra là để hưởng tất cả sự tinh tế và xa hoa kia. Cô nàng đau đớn vì vẻ tồi tàn của căn gác trọ, những bức tường mốc tróc lở, những chiếc ghế mòn vẹt cả đi, cả đám rèm vải trông cũng thật gớm ghiếc. Một người đàn bà khác thuộc đẳng cấp của cô có lẽ chẳng nhận thấy thế, nhưng cô nàng của chúng ta lại luôn lấy đó mà sầu não, mà phẫn nộ. Nhìn con bé Bretonne tất bật với những việc nhà vất vả, nỗi day dứt tiếc nuối và những mơ ước cháy bỏng trong cô như trời cả dậy. Cô nàng tưởng tượng đến những phòng đợi tĩnh lặng, được phủ trướng theo kiểu Đông phương và chiếu sáng bằng những cột đuốc thật cao bằng đồng, có hai tên hầu cận mặc quần bó chèn đang nằm ngủ trong những chiếc ghế bành êm ái rộng rãi, mê lịm đi vì hơi nóng tỏa ra từ chiếc lò sưởi. Cô nghĩ đến những phòng khách thật lớn trang hoàng bằng những tấm lụa cổ, đồ đạc bày biện trong đó thật lộng lẫy với những đồ mỹ nghệ vô cùng quý giá, và rồi cô nghĩ đến những phòng khách nhỏ mà xinh xắn, ngan ngát hương thơm, là nơi sinh ra để người ta rủ rủ tâm sự đến hết cả buổi với những người bạn thân thiết nhất, với những người đàn ông danh tiếng và quý phái mà tất cả đám đàn bà con gái đều khao khát và muốn họ để mắt tới.

Khi cô ngồi ăn tối bên chiếc bàn tròn phủ chiếc khăn để đến ba ngày không thay, trước mặt là anh

chồng đang hồ hởi mở liên súp, reo lên vẻ thích thú: "A! Món thịt bò hầm rau tuyệt vời! Thật tôi chưa từng thấy món nào ngon hơn thế...", cô nàng lại mơ tưởng đến những bữa ăn tối hảo hạng với đồ ăn bằng bạc sáng loáng, với những tấm thảm treo tường vẽ chân dung các vĩ nhân cổ xưa hay những loài chim lạ giữa khu rừng thần tiên; cô tưởng tượng đến những món ngon vật lạ đựng trong những chiếc đĩa đẹp tuyệt, đến những lời tỏ tình thâm thì luôn khiến cho người nghe phải mỉm cười vẻ bí hiểm trong khi thưởng thức khúc cánh gà cỏ hay khúc thịt cá hồi hồng hồng.

Cô chẳng có áo váy dạ hội, chẳng có đồ trang sức, chẳng có gì hết. Vậy mà cô lại chỉ thích những thứ đó, cô cảm thấy mình sinh ra là để vận quần áo đẹp và đeo đồ trang sức quý giá mà thôi. Cô ao ước khiến cho người khác phải yêu mến, phải thêm khát, bị quyến rũ và sẵn đón cô.

Cô có một bà bạn giàu có, người học cùng tu viện với cô từ xưa mà giờ cô chẳng muốn đến chơi nữa vì mỗi khi trở về cô đều thấy đau khổ hết sức. Và cô thường khóc than suốt mấy ngày liền vì phiền não, tiếc nuối, vì tuyệt vọng và vì cảnh túng thiếu.

Vậy mà, một tối nọ, anh chồng cô về nhà với vẻ mặt tự hào, tay vung vẩy một chiếc phong bì lớn:

"Xem xem!" anh ta nói, cái này là dành cho mình đây!".

Cô sốt ruột xé ra, rút tấm thiệp mời in những dòng chữ sau:

"Bộ trưởng Bộ Giáo dục và phu nhân Georges Ramponneau trân trọng kính mời: Ông bà Loisel tới dự buổi dạ tiệc tại Trụ sở Bộ vào thứ hai, ngày 18 tháng một".

Thay vì tỏ ra vui sướng như anh chồng hy vọng, cô nàng bực bội quẳng tấm thiệp lên bàn, lầu bầu:

"Anh muốn tôi làm gì với cái thứ đó?".

"Nhưng... kìa mình, tôi nghĩ mình sẽ hài lòng chứ. Mình chẳng ra ngoài bao giờ nên tôi nghĩ đây là một dịp tốt đấy! Tôi phải rất vất vả mới kiếm được giấy mời. Ai cũng muốn giành lấy, nó hiếm lắm vì người ta phát rất ít cho nhân viên. Mình sẽ gặp ở đấy tất cả các nhà chức trách của Bộ".

Cô liếc mắt nhìn chồng như trên người rồi kêu lên vẻ bức bối:

"Thế anh muốn vợ anh đắp lên mình cái gì để đi đến đấy?".

Không hề nghĩ đến điều này, anh chồng ấp úng:

"Chiếc váy mà mình vẫn mặc khi đi rạp hát ấy. Tôi thấy nó khá đẹp mà, rất hợp với mình...".

Rồi anh ta im bật, sửng sốt, cuống quýt lên khi thấy cô vợ bật khóc, hai dòng nước mắt chậm chậm lăn dài từ khóe mắt xuống khóe miệng; anh lắp bắp:

"Minh sao the! Minh sao the?".

Bằng một nỗ lực phi thường cố đẩy lùi nỗi đau đớn, cô vợ đưa tay lên lau nước mắt và trả lời bằng một giọng dửng dưng:

"Chẳng sao hết! Chỉ có điều tôi không có váy áo dạ hội, cho nên tôi chẳng thể đến dự tiệc được. Anh đi mà đưa giấy mời cho đồng nghiệp của anh, cái người có vợ được ăn mặc tươm tất hơn tôi ấy".

Anh chồng thiếu não hết sức. Anh bảo vợ:

"Thôi nào, Mathilde. Thế một chiếc váy phù hợp cho buổi tiệc mà mình cũng có thể mặc trong những dịp khác nữa, kiểu trang nhã một chút ấy, giá bao nhiêu?".

Cô suy nghĩ một lát, vừa áng chừng tài khoản của anh chồng, vừa tính xem mình có thể đề nghị một khoản tiền thế nào để không bị từ chối ngay tắp lự và không khiến cho anh chàng vốn quen sống dè sẻn phải kêu lên khiếp hãi.

Cuối cùng, cô nàng trả lời hơi ngập ngừng:

"Tôi cũng không biết chính xác nữa, nhưng khoảng 400 *franc* thì chắc là tôi cũng cố lo liệu được!".

Anh chồng hơi tái mặt một chút, vì anh ta đã dành dụm được vừa đúng số tiền này để mua một khẩu súng trường mà anh định bụng dùng để đi săn vào mùa hè tới ở vùng bình nguyên Nanterre cùng với mấy ông bạn, họ vẫn thường đi bắn lữ chiến chiến ở đó vào các chủ nhật trong tuần.

Dẫu vậy anh ta cũng bảo vợ:

"Thôi được, tôi đưa mình 400 *franc* nhé. Mình cố kiếm lấy một chiếc váy thật đẹp vào".

Ngày dạ tiệc đang đến gần, nhưng bà Loisel vẫn có vẻ như buồn bã, lo lắng không yên. Mà váy áo thì đã đâu vào đấy rồi. Một buổi tối anh chồng hỏi vợ:

"Mình lại sao thế? Từ ba hôm nay trông mình có vẻ lạ lắm".

Và cô vợ trả lời:

"Sao mà tôi lại khổ thế, tôi không có lấy một thứ đồ trang sức, không có nổi một mặt đá mà đeo, không có gì cả. Trông tôi sẽ thật khốn khổ cho mà xem. Tôi chẳng còn lòng dạ nào mà tiệc với tùng.

"Vậy mình cài hoa tươi đi. Mùa này mà cài hoa tươi thì tuyệt quá còn gì. Chỉ cần bỏ ra 10 *franc*, mình sẽ có hai hay ba bông hồng mỹ mãn".

Cô nàng không hề nhượng bộ:

"Không... không đời nào! Không có gì nhục nhã hơn là trông có vẻ nghèo khổ giữa những quý bà sang trọng".

Bỗng anh chồng kêu lên:

"Mình ngốc thế! Hãy đến tìm bà bạn Forestier của mình hỏi mượn mấy món trang sức ấy. Chẳng phải mình và bà ta cũng khá thân thiết để nhờ cậy chuyện đó còn gì".

Và cô nàng reo lên sung sướng:

"Đúng rồi, sao tôi lại không nghĩ đến việc đó nhỉ".

Ngày hôm sau, cô đến ngay nhà bạn và kể lể nỗi khốn khổ của mình. Bà Forestier đi lại phía chiếc tủ gương, lấy một chiếc gương lớn rồi quay lại, mở nắp ra vào bảo bà Loisel:

"Bạn thân mến, chị cứ chọn đi!"

Thoạt tiên cô nhìn thấy những chiếc vòng tay, rồi chuỗi vòng cổ bằng ngọc, tiếp đến là cây thánh giá kiểu Ý có nạm vàng và đá quý, thật là một công trình tinh xảo. Cô nàng ngắm nghía thử trước gương từng món trang sức, thấy thật khó lòng rời xa chúng để trả lại. Cô luôn miệng hỏi:

"Chị còn những thứ khác nữa không?"

- Có chứ, chị cứ xem đi. Em không biết chị sẽ chọn món nào".

Đột nhiên, cô phát hiện ra một chuỗi kim cương tuyệt đẹp đựng trong chiếc hộp xa tanh đen, và cô thấy tim mình dồn dập một nỗi thèm khát mãnh liệt. Đôi tay cô run run khi nâng nó lên. Ướm quanh cổ áo, cô cũng sờ sờ để mắt trước chính mình.

Cô ngập ngừng hỏi, thắc thỏm lo âu:

"Chị cho tôi mượn chuỗi kim cương này chứ, chỉ riêng nó thôi?"

- Vâng, tất nhiên rồi".

Cô nhảy lên bá cổ và nồng nhiệt ôm chầm lấy bạn, rồi cô vội vã trở về với kho báu của mình.

Ngày dạ tiệc đã đến. Bà Loisel thành công rực rỡ. Cô xinh đẹp hơn tất cả đám đàn bà con gái, lúc nào cũng tỏ ra lịch sự, duyên dáng, tươi tắn và cô nàng phát điên vì vui sướng. Tất cả các ông đều đổi mắt về phía cô, hỏi danh tính của cô, tìm mọi cách để được giới thiệu với cô. Ngay cả các tùy viên hội đồng cũng muốn được cùng cô sánh bước trong điệu *valse* êm dịu. Đích thân ngài bộ trưởng cũng không giấu nổi vẻ ngưỡng mộ.

Cô khiêu vũ say sưa suốt cả buổi, chẳng bận tâm tới bất cứ điều gì, ngây ngất mãi nguyện trong sự tỏa sáng của sắc đẹp và vầng hào quang chiến thắng; cô như được bao quanh bởi một đám mây hạnh phúc tạo nên từ những lời trầm trồ ngưỡng mộ, từ sự thúc tỉnh của những khát khao thầm kín mà chỉ có cô mới khơi gợi nên, cái cảm giác chiến thắng trọn vẹn quả là dịu ngọt với trái tim phụ nữ.

Cô ra về vào khoảng 4 giờ sáng. Còn anh chồng thì đã kịp đánh một giấc từ lúc nửa đêm trong một căn phòng khách nhỏ nằm biệt lập cùng với ba quý ông khác trong lúc chờ các bà vợ ham vui.

Anh ta khoác lên vai vợ những chiếc áo đã mang theo để đi đường, những chiếc áo giản dị thường ngày mà vẻ tối tàn trông thật trái ngược với chiếc váy dạ hội sang trọng. Cô nàng nhận thấy rõ điều đó và muốn bỏ chạy thật nhanh để không bị các quý bà lúng liếng trang sức khắp người nhận thấy.

Loisel giữ vợ lại:

"Guom đã. Mình sẽ bị nhiễm lạnh ở bên ngoài đấy. Để tôi gọi xe ngựa đã".

Nhưng cô chẳng nghe lời, cứ thế lao nhanh xuống cầu thang. Khi cả hai ra đến đường thì chẳng thấy một chiếc xe nào, và họ đành bắt đầu tìm kiếm bằng cách gọi với theo những xe chạy tít đằng xa.

Họ đi xuống mạn sông Seine, tuyệt vọng, rét run lập cập. Cuối cùng thì họ cũng tìm ra trên bến cảng một cỗ xe ngựa chạy đêm rệu rã, loại mà chỉ ban đêm người ta mới thấy ở Pari vì ban ngày chúng quá xấu hổ với dáng vẻ tàn tạ của mình.

Chiếc xe đưa họ về đến tận cửa, trên phố Martyrs, và hai vợ chồng buồn bã trèo lên căn gác trọ. Với cô nàng, thế là xong. Còn anh chồng thì đang nghĩ ngày mai mình phải có mặt ở Bộ lúc 10 giờ.

Cô cởi bỏ đồng áo khoác nặng trĩu trên vai, đứng trước gương để tự chiêm ngưỡng một lần nữa ánh hào quang của mình. Nhưng bất chợt cô kêu lên hốt hoảng. Chuỗi hạt trên cổ đã biến đâu mất!

Anh chồng đang thay đồ quần áo quay sang hỏi:

"Mình sao thế?"

Cô tái mặt nhìn chồng:

"Tôi... Tôi... Tôi không thấy chuỗi hạt của bà Forestier đâu nữa".

Anh ta nháy dưng lên, cuống cuồng:

"Sao!... Sao lại thế!... Không thể nào..."

Và họ lục tìm trong từng nếp gấp của chiếc váy, rồi mấy cái áo choàng, kiểm tra tất cả các túi, tòm lại là khắp nơi. Nhưng họ không thấy vết tích chuỗi kim cương đâu nữa.

Anh chồng hỏi:

"Cô có chắc là nó vẫn còn khi rời tiệm chứ?

- Vâng, em còn sờ thấy nó lúc ở tiền sảnh Bộ mà.

- Nhưng, nếu cô làm rơi trên phố thì chúng ta phải nghe thấy chứ. Chắc là nó rơi trên xe rồi.

- Vâng, có lẽ thế. Mình nhớ số xe chứ?

- Không. Thế cô cũng không nhìn à?

- Vâng".

Họ nhìn nhau, rùng rời. Cuối cùng Loisel mặc lại quần áo.

"Tôi sẽ vòng lại đoạn đường chúng ta đi bộ xem có tìm thấy nó không".

Và anh ta bước đi. Cô vợ vẫn mặc nguyên chiếc váy dạ hội, chẳng tâm trí nào mà đi ngủ, nằm bẹp gí trên ghế, đầu óc trống rỗng như người mất hồn.

Khoảng 7 giờ thì anh chồng quay về, chẳng tìm thấy gì.

Anh ta tìm đến sở cảnh sát, đến các tòa báo nhờ đăng tin hậu tạ cho người đánh xe nếu ông này nhặt được chuỗi hạt và đem trả, cuối cùng anh ta đến khắp mọi nơi mà ngờ ngợ là có chút hy vọng tìm thấy.

Cô nàng đợi chồng suốt cả ngày trong nỗi lo sợ cái tai họa kinh hoàng xảy đến.

Buổi tối, Loisel về nhà, khuôn mặt hăm sâu, tái nhợt, anh ta chẳng phát hiện ra điều gì.

"Cô phải viết cho bà Forestier, bảo rằng cô lỡ làm hỏng cái móc chuỗi hạt và cô phải đem sửa trước khi mang trả. Như thế chúng ta mới có thời gian xoay xở".

Và anh chồng đọc chính tả cho vợ viết bức thư ấy.

Trong vòng một tuần, mọi hy vọng của họ đều tan biến.

Loisel, trông già xạm đi tới năm tuổi, tuyên bố:

"Phải tính đến chuyện mua đèn thôi".

Hôm sau, hai vợ chồng mang theo cái hộp trước đây đựng chuỗi hạt tìm đến người thợ kim hoàn có ghi tên và địa chỉ bên trong. Ông này giở sổ ra tra:

"Thưa bà, không phải tôi bán chuỗi hạt này. Có lẽ tôi chỉ làm mỗi cái vỏ hộp thôi".

Thế là vợ chồng Loisel phải đi hết tiệm này đến tiệm khác để tìm món trang sức giống với chuỗi hạt đã mất, cố lục lọi xem nó thế nào, và cả hai đều phát ốm lên vì chán ngán và lo lắng.

Rồi họ cũng tìm được chuỗi kim cương giống y như thứ mà họ cần trong một cửa hiệu ở Cung điện hoàng gia. Giá của nó ghi là 40.000 *franc*, người ta đồng ý để lại cho họ với giá 36.000.

Họ xin người bán hàng giữ lại chuỗi hạt trong ba ngày, và họ cũng ra điều kiện là cửa tiệm sẽ mua lại với giá 34.000 *franc* nếu họ tìm thấy chuỗi hạt bị mất trước cuối tháng hai.

Loisel có 18.000 *franc* do ông bố để lại. Khoản tiền còn thiếu anh ta phải đi vay thêm.

Anh ta vay 1.000 *franc* của người này, 500 *franc* của người kia, rồi người này cho mượn 5 *lu-i*, người khác thì là 3 *lu-i*. Anh ta ký giấy vay nợ, giấy cầm cố đến sạt nghiệp, giao kèo với những kẻ cho vay nặng lãi, với đủ mọi loại chủ nợ trên đời. Anh ta hủy hoại cả quãng đời còn lại của mình, hạ bút ký mà không cần biết liệu có hại tới thanh danh hay không, và, trong nỗi ghê sợ tương lai đen tối, tưởng tượng cảnh túng quẫn đổ ụp xuống đầu, toàn thân rã rời và lương tâm giằng xé, anh ta đến tiệm kim hoàn, đặt 36.000 *franc* lên kệ, cầm chuỗi hạt mới về.

Khi bà Loisel mang trả chuỗi hạt, bà Forestier nói vẻ méch lòng:

"Lẽ ra chị phải mang trả nó sớm hơn, vì có thể em cần dùng đến nó".

Bà ta không mở hộp ra xem, điều mà cô bạn lo lắng nhất. Nếu phát hiện ra sự đánh tráo thì bà ta sẽ nghĩ gì? Bà ta sẽ nói gì đây? Bà ta sẽ không buộc tội cô là ăn cắp chứ?

Loisel phu nhân đã nghe nói đến cuộc sống đáng sợ của cảnh nghèo khổ. Thế nhưng cô nàng đã đột ngột quyết định sẽ sống như thế một cách dũng cảm. Phải trả hàng đồng nợ chất cao như núi. Cô sẽ trả được! Và thế là họ thôi không thuê người ở nữa, họ đổi chỗ trọ, chuyển tới sống trên tầng hầm mái chật như cái chuồng chim câu.

Cô nàng phải làm những việc nhà nặng nhọc, việc bếp núc thấp hèn. Cô rửa bát đĩa, cọ những móng tay xinh xinh màu hồng lên những đồ sứ nhầy mỡ hay lên đáy chảo. Cô vò xà phòng giặt những tấm vải bẩn, những chiếc áo sơ mi và cả khăn lau, sau đó cô phơi chúng lên dây; sáng sáng cô mang rác xuống phố rồi xách nước lên, dừng lại thở hổn hển ở mỗi tầng cầu thang. Và, ăn mặc như một mục bình dân, cô đến hàng bán hoa quả, hàng khô, hàng thịt, giỏ quàng tay, mặc cả, chửi rửa, cò kè để gìn giữ từng xu trong số tiền còm cõi của mình.

Hàng tháng, họ phải trả biết bao nhiêu là khoản nợ, ngày càng nhiều thêm vì lãi mẹ đẻ lãi con chồng chất.

Anh chồng phải làm thêm cả buổi tối, chúi mũi tính toán tài khoản cho một hiệu buôn. Còn ban đêm, anh ta nhận chép thuê cho người ta, giá 5 xu một trang.

Cuộc sống như vậy kéo dài trong mười năm trời.

Mười năm ròng, họ đã trả xong hết nợ, trả hết, cả những khoản lãi cao chót vót lẫn những khoản tồn đọng ngất ngưỡng.

Giờ bà Loisel đã có vẻ già đi rất nhiều. Cô nàng ngày xưa đã trở thành một cụ già to béo, cay nghiệt, thô lỗ, một bà nội trợ nghèo nàn. Tóc tai bù xù, váy áo xộc xệch, đôi bàn tay đỏ ửng, bà ta nói oang oang, dội nước ào ào cọ sàn nhà. Nhưng thỉnh thoảng, khi ông chồng ở văn phòng, bà ta lại ngồi lặng bên cửa sổ, hồi tưởng lại cái buổi dạ tiệc năm xưa, cái buổi khiêu vũ mà bà đã xinh đẹp đến thế, vui sướng đến thế.

Mọi chuyện sẽ ra sao nếu chuỗi kim cương không bị mất nhỉ? Ai mà biết được? Ai mà biết được chứ! Cuộc sống thật là bí ẩn, thay đổi đến không ngờ. Có những chuyện tưởng như nhỏ nhoi thôi, nhưng lại khiến người ta mất hết tất cả, ngược lại, cũng có thể cứu sống cuộc đời của một con người.

Một ngày chủ nhật nợ, khi thả bộ một vòng trên đại lộ Champs Élysées để xả hơi sau một tuần làm việc quần quật, bà Loisel bất chợt nhận ra một người phụ nữ đang dắt tay một đứa trẻ đi dạo. Đó chính là bà Forestier, vẫn trẻ, đẹp và quyến rũ.

Bà ta vô cùng xúc động. Có nên lại nói chuyện với bà ấy không? Nên chứ, chắc chắn rồi. Bây giờ nợ nần đã trả đủ, có thể kể hết mọi chuyện rồi. Sao lại không nhỉ?

Bà ta tiến lại gần:

"Chào chị Jeanne!".

Người phụ nữ kia không nhận ra đó là ai, vô cùng ngạc nhiên vì cái bà già thô kệch gọi tên mình về rất thân thuộc. Bà ấp úng:

"Nhưng... thưa bà!... Tôi không biết... Có lẽ bà nhận nhầm người rồi.

- Không đâu, tôi là Mathilde Loisel đây".

Và bà bạn kêu lên:

"Ôi!... Chị Mathilde tội nghiệp, chị thay đổi nhiều quá!...

- Đúng thế, tôi đã trải qua những ngày thật khó khăn, từ khi không gặp chị nữa, cuộc sống bần hàn... mà đó là vì chị cả!...

- Vì em ư? Sao lại thế?

- Chắc chị vẫn nhớ chuỗi kim cương mà chị cho tôi mượn hôm đi dự tiệc ở Bộ.

- Em nhớ, thì sao?

- Thì sao gì, tôi đã đánh mất nó.

- Không đâu, chị đã trả em rồi mà.

- Tôi trả chị một chuỗi hạt khác giống hệt nó đấy. Và suốt mười năm qua chúng tôi phải trả nợ cho nó. Chị cũng biết là chúng tôi chẳng khá giả gì mà, chúng tôi chẳng có gì hết... Nhưng cuối cùng thì mọi việc cũng xong, và tôi rất hài lòng".

Bà Forestier sống người lại.

"Chị nói là chị đã mua một chuỗi kim cương để thay cho chuỗi hạt của em ư?

- Phải. Chị không hề nhận thấy, đúng không. Chúng giống nhau y hệt".

Và bà ta sung sướng mỉm cười, vẻ tự hào và thơ ngây.

Bà Forestier cực kỳ cảm động, siết chặt tay bạn:

"Ôi, chị Mathilde tội nghiệp! Chuỗi hạt của em là đồ giả đấy. Nó chỉ đáng giá hơn 500 *franc* thôi!...".

NIỆM HẠNH PHÚC

Đó là giờ của những buổi tiệc trà trước khi người ta tắt đèn. Ngôi biệt thự sừng sững ven biển: mặt trời đang lặn khiến bầu trời rực lên một màu hồng, lấm tấm đám bụi vàng. Biển Địa Trung Hải tĩnh không một gợn sóng, không một cơn rùng mình, phẳng lì, lấp lánh chiếu ánh mặt trời lúc chiều tà, tựa như một tấm kim loại nhẵn bóng rộng lớn.

Xa xa, ở phía bên phải, những ngọn núi lô xô sừng sững thành một khối đen sì trên nền trời màu tía loang lổ ánh hoàng hôn.

Người ta đang nói về tình yêu, tranh luận về cái đề tài muôn thừa này, nhắc lại những điều mà họ đã nói đi nói lại thường xuyên. Nỗi buồn man mác êm dịu của buổi hoàng hôn khiến lời nói như chậm lại, tâm hồn người ta bùi ngùi xúc động, và hai tiếng "tình yêu" được nhắc đi nhắc lại không ngớt, khi thì phát ra từ một giọng đàn ông trầm trầm, lúc lại cất lên bằng một giọng nữ thanh thanh, rộn lên khắp căn phòng nhỏ, bay lượn như loài chim và lửng lơ như một linh hồn.

Liệu người ta có thể yêu nhau suốt nhiều năm liền không?

- Có chứ! Một vài người chắc chắn.

- Không! Những người khác khẳng định.

Người ta kể ra đủ mọi tình huống, vạch rõ mọi sự phân định, nêu lên mọi dẫn chứng, và tất cả, đàn ông lẫn đàn bà, đều cảm thấy kỷ niệm trào dâng khiến tâm hồn rung động, những kỷ niệm mà họ chẳng thể tiết lộ cùng ai nhưng cứ chực dâng lên môi. Họ cố vẻ rất xúc động, bàn tán về chủ đề bình dị mà lại có sức mạnh vô song, một sự thỏa hiệp êm dịu và huyền bí giữa hai sinh vật, với một xúc cảm sâu sắc và sự nồng nhiệt hăng say.

Nhưng một người đang đắm đắm nhìn về phía xa bỗng kêu lên:

"Ôi! Nhìn kia! Ở đằng kia, cái gì thế nhỉ?".

Trên mặt biển, tận cuối chân trời, một khối xám nhờ nhờ khổng lồ hiện lên.

Đám phụ nữ nhòm cả dậy nhìn, không hiểu vật kỳ lạ kia là gì, trước đây họ chưa từng thấy.

Một người lên tiếng:

"Đó là đảo Corse! Người ta vẫn thấy nó thế này mỗi năm hai hoặc ba lần, trong những điều kiện khí hậu đặc biệt, khi không khí hoàn toàn trong suốt không che khuất nó bởi những màn sương mù hơi nước vẫn thường bao phủ lên mọi vật ở xa".

Mọi người nhận thấy rõ những mỏm núi xa xa và tin rằng mình thấy cả tuyết rơi trên đó. Ai cũng ngạc nhiên sững sờ, bối rối, gần như là hoảng hốt bởi sự xuất hiện đột ngột của thế giới kỳ lạ, một hồn ma vừa từ đáy biển chui ra. Có lẽ những người thám hiểm như Colomb khi vượt qua những đại dương hoang sơ cũng đã từng thấy cảnh tượng lạ lùng này.

Thế rồi một người đàn ông đã luống tuổi này giờ vẫn im lặng bỗng cất tiếng:

"Nghe này, tôi biết trên hòn đảo vừa mới hiện ra trước mắt chúng ta như là để trả lời cho những điều chúng ta nói với nhau này giờ và để nhắc tôi nhớ lại một kỷ niệm là thường, tôi biết một mình chúng ta tuyệt vời về một tình yêu chung thủy, một tình yêu hạnh phúc vô song."

Đây là câu chuyện.

Năm năm trước, tôi đi du lịch tới đảo Corse. Hòn đảo hoang sơ này còn xa lạ và cách biệt với chúng ta hơn cả châu Mỹ, dù rằng thỉnh thoảng ta vẫn thấy nó từ bên này bờ nước Pháp, giống như hôm nay.

Các bạn có tin rằng vẫn còn có một thế giới đang trong thời kỳ hỗn mang không? Những dãy núi trùng điệp ngăn cách với nhau bởi những khe núi hẹp cuộn cuộn thác ghềnh, không một dải đồng bằng, nhưng có những khối đá hoa cương rộng mênh mông và những u đất nhô nhô khổng lồ che phủ bởi những rừng cây bụi hay rừng dẻ và thông. Đó là một vùng đất

nguyên sinh chưa được khai phá, hoang vu, dù rằng đôi lúc ta cũng nhìn thấy một vài ngôi làng giống như những mỏm đá trên đỉnh núi. Không đồng ruộng, không nhà xưởng, không một công trình nghệ thuật nào. Chẳng bao giờ ta tìm thấy một mảnh gỗ được gọt đẽo, một tảng đá được chạm trổ, cũng chẳng bao giờ có những ký ức trong sáng và tinh tế về những điều tuyệt vời đẹp đẽ của tổ tiên. Điều ta thấy rõ nhất ở xứ sở tuyệt diệu và khắc nghiệt này: đó là sự thờ ơ truyền kiếp đối với sự tìm tòi những đáng vẻ hấp dẫn mà người ta gọi là nghệ thuật.

Nước Ý, nơi mà mỗi lâu đài đều chứa đầy những tác phẩm nghệ thuật tự nó cũng chính là một kiệt tác nghệ thuật, nơi mà mỗi khối đá cẩm thạch, mỗi khúc gỗ, mỗi thanh sắt thanh đồng, mỗi thứ kim loại hay đá sỏi đều in đậm dấu ấn tài năng của con người, nơi mà những đồ vật nhỏ bé nhất trong ngôi nhà cổ cũng biểu lộ sự tôn vinh cái đẹp, và với tất cả chúng ta, đó là tổ quốc thiêng liêng mà chúng ta yêu quý, bởi vì nó chỉ cho ta thấy và minh chứng cho sự nỗ lực, lớn lao, sức mạnh và vinh quang của tài năng và sức sáng tạo của loài người.

Đối diện với nó, đảo Corse hoang dã vẫn nguyên sơ như thửa ban đầu. Người dân ở đây sống trong những ngôi nhà thô kệch, đứng vững với bất cứ điều gì không đụng chạm đến cuộc sống của mình hay những mối thù dòng tộc. Họ giữ nguyên cả những

khiếm khuyết và phẩm chất của những giống người vô học, tàn nhẫn, thù địch, khát máu từ trong tiềm thức, nhưng cũng rất hiếu khách, độ lượng, tận tâm, ngờ nghệch, sẵn sàng mở cửa đón khách qua đường và trao trọn tình bạn trung thành đáp lại bất cứ biểu hiện tình cảm nào, dù là nhỏ nhất nhất.

Vậy là trong suốt một tháng, tôi lang thang khắp hòn đảo tuyệt vời này, cảm giác mình đang ở tận cùng thế giới. Không một nhà trọ, không một quán ăn, không một con đường. Ta phải men theo những lối đường mòn của đám lửa thổ hàng để đến những ngôi làng chênh vênh trên sườn núi, mấp mé bên vực thẳm ngoằn ngoèo, nơi mà hàng đêm ta vẫn thấy dội lên một thứ âm thanh dồn dập, tiếng thác đổ âm ỉ và sâu lắng. Ta cứ việc gõ cửa một ngôi nhà, xin trú chân qua đêm và một chút gì đó lót dạ. Ta ngồi bên một chiếc bàn mộc mạc, ngủ dưới mái nhà thô sơ, và sớm hôm sau, ta siết chặt bàn tay vị chủ nhà đã tiễn ta tới tận cuối làng.

Thế rồi một tối, sau mười giờ đồng hồ đi bộ, tôi gặp một ngôi nhà nhỏ chơ vơ giữa một thung lũng hẹp cách bờ biển một dặm đường. Hai sườn núi dựng ngược bao phủ bởi những bụi cây rậm rạp, những tảng đá sứt lở và những cây cổ thụ như hai bức tường thành sẫm màu bao quanh cái thung lũng buồn u ám.

Xung quanh túp lều là mấy bụi nhỏ, một mảnh vườn nhỏ và xa hơn là mấy cây dừa già, là nguồn lương thực, gia tài quý giá ở vùng đất nghèo nàn này.

Người phụ nữ ra đón tôi đã luống tuổi, khắc khổ nhưng rất sạch sẽ. Người đàn ông ngồi trên chiếc ghế rơm khê đứng dậy chào tôi rồi lại ngồi ngay xuống, không nói một lời.

Bà vợ nói với tôi:

"Xin ông thứ lỗi cho ông ấy. Bây giờ ông ấy gần như điếc đặc, 83 tuổi rồi còn gì".

Bà nói giọng Pháp rất chuẩn khiến tôi vô cùng ngạc nhiên. Tôi hỏi:

"Bà không phải là người đảo Corse à?".

Bà ta trả lời:

"Vâng, chúng tôi là người lục địa, nhưng chúng tôi sống ở đây đã năm mươi năm rồi".

Một cảm giác kinh hoàng sợ hãi xâm chiếm tôi khi nghĩ tới quãng thời gian năm mươi năm giam hãm trong xứ sở hẻo lánh tới tám này, cách xa nơi dân cư sinh sống. Một con chó béc giê già nua đi vào và mọi người bắt đầu ăn bữa tối với cái đĩa duy nhất trước mặt đựng món súp đặc sệt, lẫn lộn cả khoai tây, mỡ phân và bắp cải.

Khi bữa ăn ngắn ngủi kết thúc, tôi đến ngồi trước cửa, tìm se thất nỗi buồn man mác vì khung cảnh sâu thẳm nơi đây, bóp nghẹt vì nỗi cô tịch tuyệt vọng đôi khi len lỏi vào hồn người lữ khách trong những đêm quanh quẩn ở những nơi hoang

vắng. Đường như tất cả đều sắp đến hồi kết thúc: sự sống và vũ trụ. Ta bỗng nhận ra nỗi khốn khổ thật kinh hoàng của cuộc sống, sự ghẻ lạnh của người đời, nỗi hư vô của vạn vật và sự cô quạnh của con tim luôn tự an ủi, tự lừa dối bằng những giấc mơ ngọt ngào cho đến tận lúc từ giã cõi đời.

Bà già đến ngồi cạnh tôi, có vẻ bị giằng xé bởi nỗi tò mò luôn ẩn sâu tận đáy lòng cả những tâm hồn nhân nhin nhất:

"Ông từ nước Pháp đến à? bà hỏi

- Vâng, tôi vốn là người rất thích đi đây đi đó.

- Chắc ông là người Pari?

- Ô không! Tôi là người Nancy".

Tôi thấy dường như bà ta run lên vì một mối xúc động lạ thường. Làm sao tôi có thể nhìn thấy, hay đúng hơn là cảm nhận thấy điều ấy, tôi cũng không biết nữa.

Bà nhắc lại, chậm rãi:

"Ông ở Nancy à?

Người đàn ông xuất hiện ở ngưỡng cửa, lạnh tanh như những người khác.

Bà nói tiếp:

"Không sao, ông ấy không nghe thấy gì đâu".

Vài giây sau, bà hỏi:

"Vậy ông biết nhiều người ở Nancy chứ?

- Ô vâng! Tôi biết hầu hết tất cả mọi người.

- Cả các gia đình ở Sainte Allaize à?

- Vâng, tôi biết rõ là đằng khác. Đó là những người bạn của cha tôi.

- Ông tên là gì?"

Tôi nói tên mình. Bà nhìn tôi chằm chằm rồi nói bằng giọng ghen ngào như thể kỷ niệm đang tràn về:

"Vâng, vâng, tôi vẫn nhớ. Thế nhà Brisemare, họ sao rồi?"

- Họ đã chết cả.

- Ah! Còn nhà Sirmont, ông có biết họ không?

- Có, người duy nhất còn lại giờ là Đại tướng".

Và bà ấy nói, run rẩy vì xúc động, vì lo âu, vì những tình cảm lẫn lộn mà tôi không biết nữa, mãnh liệt và thiêng liêng, vì nhu cầu được bộc bạch, được nói tất cả, những chuyện mà bà đã giữ kín trong lòng cho đến tận bấy giờ, về những người mà tên của họ khiến lòng bà chao đảo.

"Đúng rồi, Henri de Sirmont. Tôi biết rõ lắm. Đó là em trai tôi".

Tôi tròn mắt nhìn bà, hốt hoảng kinh ngạc. Và một câu chuyện vụt trở về trong trí óc tôi.

Chuyện đó trước đây đã gây ra một vụ xi căng đan âm ỉ trong giới thượng lưu ở Lorraine. Một cô thiếu nữ trẻ đẹp và giàu sang, Suzanne de Sirmont đã lén bỏ trốn cùng một viên hạ sĩ quan thuộc trung đoàn kỵ binh do cha nàng chỉ huy.

Đó là một thanh niên đẹp trai, con một người nông dân nhưng lại rất hợp với bộ quần áo nẹp xanh

dương, và chàng lính trẻ đã quyến rũ con gái viên Đại tá của mình. Nàng đã nhìn thấy chàng, để ý và đem lòng yêu chàng khi xem đoàn kỵ binh diễu hành, có lẽ vậy. Nhưng làm thế nào nàng nói chuyện được với anh, làm sao họ có hẹn hò và si mê nhau, làm sao nàng có thể làm cho anh hiểu rằng nàng yêu anh? Không bao giờ người ta có thể biết được.

Không ai đoán ra điều gì, cũng chẳng dự cảm thấy gì hết. Để rồi một đêm nọ, khi anh lính vừa kết thúc buổi trực, anh đã biến mất cùng nàng. Người ta tìm họ khắp nơi nhưng không thấy. Người ta chẳng bao giờ nhận được tin tức của nàng và nghĩ rằng nàng đã không còn trên cõi đời này.

Thế mà tôi đã tìm thấy nàng trong một cái thung lũng nhỏ thật thảm hại.

Và đến lượt mình, tôi lên tiếng:

"Vâng, tôi vẫn nhớ. Bà là tiểu thư Suzanne".

Bà gật đầu xác nhận. Những giọt nước mắt trào lên cặp mắt. Và, đưa mắt chỉ cho tôi về phía ông lão bất động ngồi trên bậu cửa túp lều, bà nói:

"Ông ấy đấy".

Và tôi hiểu bà vẫn luôn yêu người đàn ông này, vẫn luôn nhìn ông bằng ánh mắt say đắm thừa nào.

Tôi hỏi:

"Ít ra bà cũng hạnh phúc chứ?".

Bà đáp bằng giọng nói cất lên từ đáy lòng:

"Ồ! Vâng, rất hạnh phúc. Ông ấy đã khiến tôi rất hạnh phúc. Tôi chẳng tiếc nuôi gì".

Tôi ngắm bà, buồn bã, kinh ngạc, thán phục bởi sức mạnh của tình yêu! Cô tiểu thư con nhà quyền quý đã đi theo người đàn ông nghèo khổ, một người nông dân bình thường. Và bản thân nàng cũng trở thành một người dân dã. Cuộc sống của nàng không chút xa hoa dư dả, không những thú vui phù phiếm, nàng tuân theo những thói quen giản dị. Và nàng vẫn yêu chàng. Nàng đã trở thành một người đàn bà cục mịch, đội mũ đầu trùm, mặc váy vải thô. Nàng ăn trong những chiếc bát bằng đất nung đặt trên chiếc bàn gỗ, ngồi trên ghế rơm, ăn món súp bắp cải nấu lẫn khoai tây và mỡ phân. Nàng ngủ trên đệm rơm bên chàng.

Nàng chẳng nghĩ đến gì khác, ngoài chàng. Nàng không tiếc những món đồ trang sức, những váy áo lụa là, những xa hoa lộng lẫy, những nệm ấm chăn êm, cũng chẳng bận tâm đến những căn phòng phủ trướng ấm áp thơm tho hay những chăn lông mềm mại ôm ấp cơ thể duỗi dài. Nàng chẳng bao giờ cần gì khác ngoài chàng, chỉ cần có chàng ở bên là nàng đã thấy hoàn toàn đầy đủ.

Khi còn xuân trẻ, nàng đã từ bỏ cuộc đời và cả thế gian, cả những người đã nuôi nấng và thương yêu nàng. Nàng đã đi với chàng, một mình, đến cái thung

lũng hoang sơ này. Và chàng là tất cả đối với nàng, là khát khao, là mơ ước, là chờ đợi, là hy vọng mà người đời luôn kiếm tìm. Chàng đã mang đến hạnh phúc cho cả cuộc đời nàng, luôn luôn là thế.

Nàng không thể hạnh phúc hơn.

Suốt đêm, nghe tiếng thở khàn khàn của người lính già trên chiếc giường tồi tàn, bên cạnh người đàn bà đã theo ông cả một chặng đường dài, tôi miên man nghĩ về cuộc phiêu lưu kỳ lạ mà giản dị này, về niềm hạnh phúc trọn vẹn thật là hiếm hoi.

Và khi mặt trời lên, tôi từ biệt họ, sau khi siết chặt tay cặp vợ chồng già.

Người kể chuyện im bặt. Một bà nói:

"Dẫu sao, bà ta có một lý tưởng quá đơn giản, những nhu cầu quá sơ khai và những đòi hỏi quá dễ dàng. Đó chỉ có thể là một kẻ ngu ngốc".

Một bà khác nói, giọng chậm rãi:

"Có sao đâu! Bà ta được hạnh phúc...".

Và ở đẳng xa, nơi chân trời, đảo Corse khuất dần trong màn đêm, từ từ trở lại với biển cả, xóa sạch hình dáng hùng vĩ của nó hiện ra khi nãy. Chắc hẳn nó muốn tự mình kể lại câu chuyện của cặp tình nhân khiêm nhường đang nấu mình trên đảo.

CỤ KHỐT

Mặt trời mùa thu ấm áp rơi thẳng xuống sân trang trại, xuyên qua những kẽ lá của cây sồi già. Trên bãi cỏ bị đàn bò gặm nhấm nhỏ, mặt đất thấm cơn mưa rào vừa tạnh hãy còn xấp nước, lún xuống dưới mỗi bước chân và phát ra tiếng nhèm nhẹp. Những trái táo rụng la liệt dưới gốc tạo thành những chấm tròn màu xanh nhạt nổi bật trên nền thảm cỏ xanh thẫm.

Bốn con bò cái tơ xếp thành hàng một đang diều, thỉnh thoảng chúng lại hướng về phía ngôi nhà rống lên; lũ gà đủ màu sắc sỡ thì chạy lảng xảng trên đồng phân ủ ngay trước cửa chuồng, chúng cào chân bởi đất, cục ta cục tác, trong khi hai thằng gà trống vươn cổ gáy liên tục, hăng hái tìm giun cho mấy ả gà mái, kêu cục cục âm ỉ mỗi khi tóm được con mồi.

Hàng rào gỗ mở ra và một người đàn ông đi vào. Bác ta chỉ khoảng bốn mươi tuổi thôi nhưng trông lụ khụ như ông lão sáu mươi, nhăn nheo, xiêu vẹo, bước những bước dài chậm chạp, trông có vẻ nặng nề vì đôi ủng bắm đầy bùn rơm. Hai cánh tay dài quá khổ

cứ thông xuống hai bên sườn. Khi bác tiến đến gần trang trại, một con chó lai bị xích dưới gốc cây lê to bè bè cạnh một cái thùng dùng làm ổ cho nó bỗng ngoáy đuôi rồi rít rồi sủa ăng ăng tỏ ý mừng rỡ. Bác ta quát:

"Yên nào, Finot!".

Con chó im bật.

Một bà nông dân từ trong nhà bước ra. Người bà xương xương, thô kệch và phẳng lì, hằn rõ trong chiếc áo len bó sát. Chiếc *jupe* màu lông chuột cộc cộc chỉ che được nửa chân, để hở cả chiếc quần tất màu lam, và bà ta cũng đi đôi ủng dầy rơm. Chiếc mũ tròn đầu trắng giờ đã ngả màu vàng che kín vài sợi tóc lưa thưa trên đầu, khuôn mặt với nước da bánh mật quắt queo, móm mém và xấu xí toát lên vẻ thô lỗ cục cằn thường thấy ở những người nông dân quê mùa.

Bác trai hỏi:

"Thế nào rồi?".

Bác gái trả lời:

"Cha xứ bảo sắp đến lúc; cụ khốt chắc không qua được đêm nay".

Cả hai đi vào nhà.

Họ đi ngang qua bếp, vào một căn phòng thấp lè tè, tối tăm vì ánh sáng khó khăn lắm mới lọt qua ô cửa kính được che kín bằng một mảnh vải ruỗng ỉn hoa. Những cây xà gồ lớn trên trần đã ngả màu theo

thời gian, đen sì và ám khói, chạy suốt từ bên này sang bên kia, đỡ lấy những mảnh ván của tầng nóc, là nơi hàng binh đoàn chuột cứ chạy qua chạy lại cả ngày lẫn đêm.

Nền nhà gỗ lên, ẩm thấp, có vẻ nhầy nhụa, và trong góc phòng, chiếc giường trông như một vệt loang trắng xóa. Một thứ âm thanh đều đặn, khàn khàn, tiếng thở ran nặng nhọc, rít òng ọc giống hệt tiếng bươm vớ vọng ra từ dưới lớp chăn trong bóng tối, nơi một cụ già đang nằm hấp hối, đó là ông bố bà nông dân.

Cả hai tiến lại gần và nhìn người sắp chết với ánh mắt thản nhiên và nhẫn nhục.

Ông con rề nói:

"Lần này chắc là xong. Ông già khó mà qua khỏi đêm nay...".

Bà vợ tiếp lời:

"Ông cụ cứ khô khè suốt từ trưa đến giờ".

Rồi cả hai im bật. Ông già mắt nhắm nghiền, da mặt nâu như màu đất, khô quắt lại đến nỗi người ta tưởng đó là khuôn mặt làm bằng gỗ. Mồm ông há to, phát ra từng hơi thở đứt quãng, nặng nhọc khiến tấm chăn vải màu ghi đắp trên ngực cứ phập phồng lên xuống.

Sau hồi lâu im lặng, ông con rề cất tiếng:

"Cứ để mặc cụ đi, ta chẳng can thiệp được gì. Chỉ có điều là đám cải dầu là hơi gay đấy, đúng lúc vào vụ, mà mai phải nhổ hết rồi".

Bác gái có vẻ lo lắng khi nghe nói vậy. Nghĩ ngợi một lúc, bác bảo chồng:

"Còn ồi thủ tục ra đấy, sao mà chôn ông cụ trước thứ bảy được. Ngày mai bố mày tranh thủ lo cái vụ mấy luống cải đi".

Bác trai trầm ngâm rồi đáp:

"Ừ, nhưng mai còn phải đi mời cả làng đến dự lễ viếng, phải mất 5, 6 tiếng để đi từ Tourville đến Manetot, vào từng nhà".

Bà vợ nghĩ đến 2, 3 phút mới nói:

"Giờ mới 3 giờ, bố mày đi một vòng luôn đi, cho xong vụ Tourneville. Cứ bảo ông cụ mất rồi, chiều với tối thì cách nhau mấy tí...".

Bác trai hãy còn ngần ngừ đôi chút, cân nhắc thiệt hơn lời vợ. Cuối cùng cũng chép miệng:

"Thôi được rồi, tôi đi".

Và bác bước ra, nhưng chợt bác trở lại:

"Mẹ mày chẳng có việc gì thì ra rung táo mà đun mật đi! Làm khoảng bốn tá bánh nhân táo để mời những người đến dự lễ cho họ được chút an ủi. Lấy củi trong kho ở xưởng ép mà nhóm lò, củi ở đấy mới khô".

Và bác ra khỏi phòng, vào bếp, mở tủ búp phê lấy ra chiếc bánh mì nặng 6 *pao*, cẩn thận cắt một lát, lấy tay chấm những giọt mật rơi xuống mặt bàn rồi đưa lên mồm mút chùn chụt cho đỡ phí. Sau đó bác chậm rãi lấy mũi dao lấy một ít bơ ở tận đáy

chiếc liễn sứ màu nâu, chậm rãi phết bơ lên lát bánh mì rồi chậm rãi ăn từng miếng.

Xong bác đi ngang qua sân, quát con chó vừa nhảy lên mừng rỡ nằm xuống, bước trên con đường đầy ổ gà khuất dần về phía Tourneville.

Còn lại một mình, bà vợ cũng bắt tay vào việc. Bà mở thùng bột ra để chuẩn bị làm vỏ bánh. Bà nhào bột rõ lâu, lật qua lật lại, xoắn xoắn rồi đập xuống, tán mỏng ra. Sau cùng bà ta lăn bột thành một cục tó tướng màu trắng ngà và để vào góc bàn.

Rồi bà ta đi lấy táo. Để cái sào không làm cây bị trầy xước, bà treo lên một cái thang nhỏ có hai chân, chọn từng quả rất cẩn thận để chắc là chỉ hái quả chín và chất đầy vào tạp dề.

Tiếng một người gọi từ ngoài đường:

"Này, bà Chicot ơi!"

Bà ngoái lại. Đó là một người hàng xóm, ông Osime Favet, xã trưởng, đang đi bón phân cho ruộng nhà mình. Ông ta ngồi đóng đưa chân trên chiếc xe bò chở đầy phân chuồng. Bà Chicot ngoái lại và hỏi vọng:

"Bác gọi gì thế hả bác Osime?"

- Ông cụ nhà bà thế nào rồi?"

Bà nông dân kêu lên:

"Chắc không qua khỏi. Viếng lúc 7 giờ sáng thứ bảy, hơi vội vì còn vương mấy luống cải dầu".

Ông hàng xóm đáp:

"Rõ rồi! Hy vọng mọi việc sẽ tốt cả. Bà nhớ giữ gìn nhé!".

Bà ta trả lời cho phải phép:

"Vâng, cảm ơn bác. Bác đi nhé!"

Rồi quay trở lại công việc đang dở của mình.

Vừa trở vào nhà, bà đã định đến xem ông bố thế nào, lòng những mong ông cụ chết quách cho rồi. Nhưng mới đến cửa, bà ta đã nhận ra tiếng khan ồn ào đơn điệu từ giường phát ra, cho rằng không cần phải lại gần cho mất thời gian, bà bắt tay vào món bánh táo của mình.

Bà bao một lớp bột mỏng quanh từng quả táo rồi xếp chúng thành hàng dài bên mép bàn. Khi đã đủ 48 cái bánh tròn trịa, mỗi hàng mười hai chiếc, bà nhớ ra còn phải nấu súp, thế là bà bắc nồi lên bếp để ninh khoai tây, nhắm tính rằng hôm nay chẳng cần phải nhóm lò nướng làm gì vì còn có cả ngày mai để chuẩn bị đón khách.

Lúc bác trai về nhà là khoảng 5 giờ. Vừa qua khỏi ngưỡng cửa bác đã hỏi:

"Ông cụ đi rồi chứ?".

Bà vợ đáp:

"Chưa, vẫn còn kéo gổ...".

Cả hai cùng lại xem. Ông cụ vẫn trong tình trạng nguy kịch. Tiếng thở khò khè đều đặn như tiếng kim đồng hồ, không gấp hơn mà cũng không chậm hơn. Nó cứ lặp đi lặp lại từng giây, lúc to lúc nhỏ tùy theo nhịp hít thở của lồng ngực.

Ông con rể nhìn bố vợ rồi nói:

"Chẳng biết trụ được đến lúc nào, thật như là đèn trước gió...".

Họ quay lại bếp và, không nói một lời, bắt đầu ăn súp. Khi đã chén sạch, họ còn ăn thêm mấy lát bánh mì bơ. Rồi vừa rửa bát đĩa xong, hai người lại đến chỗ ông già đang nằm chờ chết.

Bà vợ cầm một cây sáo thơm đưa qua đưa lại trước mặt ông bố. Nếu không nghe thấy tiếng ông cụ thở thì chắc hẳn ai cũng tưởng ông đã chết rồi.

Chiếc giường của hai vợ chồng kê ở đầu kia căn phòng, ngay chỗ góc hõm vào. Họ đi ngủ mà vẫn không nói gì, tắt đèn và nhắm mắt. Chẳng mấy chốc hai tiếng ngáy, một trầm một cao đã vang lên, hòa cùng tiếng khò khè không ngớt của ông già.

Còn lũ chuột thì chạy sùng sục trên trần nhà.

Bác trai tỉnh dậy ngay khi những tia sáng mờ mờ chiếu vào. Ông bố vợ vẫn còn sống. Bác ta lay vợ, lo sợ cái bản năng sinh tồn dai dẳng của ông lão.

"Phémie, ông cụ vẫn chưa muốn đi. Mẹ mày bảo làm sao đây?".

Bác ta chắc vợ mình sẽ có cách giải quyết.

Bà vợ đáp:

"Chắc chắn ông cụ không thọ được qua ngày đầu. Chẳng việc gì phải lo cả. Ông xã trưởng sẽ không phản đối việc chúng ta chôn ông cụ ngay ngày mai, cứ xem cái đám ông cụ nhà Rénard chết hồi đầu vụ thì biết...".

Bác trai bị thuyết phục bởi cái dẫn chứng hiển nhiên ấy bèn đi ra đồng.

Bà vợ bác nướng mẻ bánh táo, sau đó tắt bật làm hết mọi việc ở trang trại.

Trưa rồi mà ông lão vẫn chưa chịu chết. Mấy người làm công nhật được thuê nhờ cải đến thành từng tốp, tò mò ngắm ông già ngoan cố, mãi chẳng chịu theo tổ tiên. Mỗi người nói một phách, rồi họ lên đường ra đồng.

Sáu giờ tối, khi mọi người trở về, ông già hãy còn thở. Đến lúc này thì ông con rể phát hoảng:

"Giờ này thì mẹ nó tính sao đây?".

Bà vợ cũng chẳng biết nên làm thế nào. Rốt cuộc họ đi tìm xã trưởng. Ông này hứa sẽ nhắm mắt làm ngơ và sẽ đồng ý cho chôn ông cụ vào sáng ngày hôm sau. Họ đến tìm cả ông thầy lang, nhờ ông ta ghi ngày giờ sớm hơn trong giấy chứng tử và ông này đã nhận lời. Thế là cả hai ra về, yên tâm hẳn.

Họ lên giường và cũng ngủ say sưa như đêm hôm trước, tiếng ngáy vang vang của họ xen lẫn với tiếng thở yếu hơn của ông già.

Khi họ thức dậy, ông vẫn còn sống.

Hai vợ chồng thấy rụng rời chân tay. Họ đứng như trời trồng ở đầu giường ông bố, nhìn ông vẻ nghi ngờ, như thể ông đang cố tình chơi xấu họ, chống lại họ cho vui, nhưng hơn hết cả là họ muốn giành lại chút thì giờ quý giá mà ông cụ đang lấy cắp của họ.

Ông con rề lên tiếng hỏi:

"Tôi sẽ phải làm gì bây giờ?"

Vợ bác chẳng nghĩ ra điều gì, đáp:

"Ông già đang trêu người đây!".

Giờ này thì làm sao báo kịp cho tất cả các khách mời sẽ đến phúng viếng được nữa. đành phải chờ và giải thích cho họ hiểu vậy.

Khoảng 7 giờ kém 10, những vị khách đầu tiên đã xuất hiện. Đám phụ nữ vận toàn đồ đen, đầu trùm những chiếc khăn voan lớn, tiến về phía ngôi nhà vẻ buồn bã. Cánh đàn ông thì mặc áo vét dạ, bước đi mạnh mẽ hơn, hai người một, vừa đi vừa bàn chuyện làm ăn.

Bác Chicot và vợ hốt hoảng, đón khách trong vẻ đau khổ, và cả hai đột nhiên cùng một lúc khóc nức lên khi gặp toán khách đầu tiên. Họ giải thích tình cảnh trở trêu đang xảy ra, kể lể nỗi bối rối của họ, mang ghế ra mời khách, chạy lăng xăng phân trần, muốn chứng tỏ rằng ai cũng sẽ làm như họ nếu ở vào tình huống tương tự, họ nói liên mồm, không để cho người khác kịp trả lời.

Họ đi từ người này sang người khác:

"Chúng em chẳng thể tin nổi! Ai mà dám nghĩ ông cụ lại sống dai đến thế!".

Những vị khách mời sững sờ, hơi thất vọng, như kiểu người ta chót lỗ để mất một bữa tiệc hằng mong đợi, chẳng biết làm thế nào, đứng ngồi nháp nhô. Một vài người muốn bỏ về, nhưng bác Chicot trai kéo họ lại:

"Dẫu vậy nhà em vẫn làm một bữa ăn nhẹ đấy chứ. Mẹ nó đã nướng bánh nhân táo rồi, các bác đừng nên bỏ lỡ".

Những khuôn mặt có vẻ sáng lên khi nghe thấy điều này. Mọi người bắt đầu hạ thấp giọng trò chuyện. Dần dần sân chật ních người, người đến trước kể lại chuyện cho người đến sau. Họ thăm thì bàn tán, nhưng ý nghĩ về những chiếc bánh táo làm ai cũng thấy hoan hỉ trong lòng.

Các bà vào nhà để nhìn mặt kẻ sắp chết. Họ làm dấu trước giường, lầm rầm cầu nguyện rồi quay ra. Còn các ông ít tò mò hơn với cái vở kịch này, chỉ khẽ liếc qua khung cửa sổ mà người ta vừa mở ra.

Bác Chicot gái chỉ vào ông lão phân trần:

"Hai ngày nay rồi ông cụ cứ mê man như vậy, không hơn không kém, không thở to hơn mà cũng không yếu hơn. Các bác bảo ai mà không nghĩ...".

Khi mọi người vào thăm ông lão, ai cũng nghĩ đến bữa ăn nhẹ sắp dọn ra. Nhưng vì quá đông để có thể ngồi trong bếp cho nên họ phải kê bàn trước cửa. Bốn tá bánh táo vàng ươm ngon lành, nhìn đã thấy thèm, được xếp trong hai cái khay to. Mỗi người với tay tóm lấy một cái cho mình, sợ không đủ phần. Nhưng rốt cuộc vẫn còn lại bốn cái trên khay.

Bác Chicot mồm đầy bánh, nhồm nhoàm nói:

"Nếu cụ khốt mà thấy chúng ta thế này thì chắc sẽ đòi phần ngay, ông cụ rất khoái món này hồi còn sống".

Một bác nông dân to béo có vẻ vui tính chêm vào:

"Giờ thì ông cụ bác chẳng ăn được nữa rồi. Mỗi người cũng sẽ đến lượt mình thôi".

Câu nói này, thay vì làm cho những người dự lễ cảm thấy chạnh lòng, dường như lại khiến họ thấy sung sướng. Họ đang đến lượt được chén món bánh ngon lành.

Bác Chicot vợ tiếc của đứt ruột, nhưng vẫn chạy tới chạy lui xuống kho tìm thùng rượu táo. Những bình rượu liên tục được rót đầy rồi lại cạn trong nháy mắt. Giờ thì họ cười nói oang oang, gào lên vui vẻ như đang ăn tiệc vậy.

Đột nhiên, một bà lão nông dân vẫn đang ngồi gần ông lão hấp hối, sợ hãi cái điều tương tự chẳng chóng thì chầy cũng sẽ đến với mình, nhao vội ra cửa sổ, hét lên thất thanh:

"Ông ấy đi rồi! Ông ấy đi rồi!".

Tất cả im bật. Các bà vội vã nhóm dậy chạy đến xem.

Đúng là ông lão đã chết thật. Ông đã thôi không khò khè. Đám đàn ông nhìn nhau, cúi mắt xuống, vẻ khó chịu. Họ vẫn chưa nhai xong chiếc bánh. Lão già đáng ghét đi chẳng đúng lúc tí nào.

Lúc này hai bác Chicot chẳng khóc nữa. Thế là xong, họ được yên rồi. Họ nhắc đi nhắc lại:

"Chúng em đã bảo là ông cụ chẳng được bao lâu mà. Giá ông cụ quyết định từ đêm qua thì mọi việc đã đâu vào đấy cả rồi".

Dẫu sao thì thế cũng ổn. Họ sẽ chôn ông cụ vào thứ hai, và mọi người sẽ có dịp được ăn bánh táo một lần nữa.

Khách khứa lần lượt ra về, gia đình họ xảy ra chuyện mà. Ai cũng hài lòng vì được thấy hết mọi chuyện và nhất là vì được đãi một bữa.

Khi chỉ còn hai vợ chồng ngồi đối diện nhau, bà vợ nói, mặt cau lại giận dữ:

"Thế là lại phải làm thêm bốn tá bánh nữa! Sao ông già không chịu chết từ tối qua luôn!".

Bác trai có vẻ nhẫn nại hơn, bảo vợ:

"Đâu phải ngày nào cũng thết bánh táo chứ!".

KỂ HÈN NHÁT

Trần đời, người ta gọi hấn là "quý ngài Signoles". Tên và tước danh đầy đủ của hấn là tử tước Gontran Joseph de Signoles.

Mồ côi cha mẹ và được thừa kế một gia tài khá bộn, nghiêm nhiên hấn trở thành ông lớn như người ta vẫn thường nói. Khuôn mặt và vóc dáng hấn bảnh bao, lời ăn tiếng nói đủ để người ta tin vào nhân cách, từ con người hấn toát lên vẻ duyên dáng thiên bẩm, rất quý phái và hơi cao ngạo, bộ ria làm tăng thêm vẻ gan dạ cộng với đôi mắt hiền lành rất được lòng các bà các cô.

Hấn luôn được hoan nghênh trong tất cả các phòng khách, các cô nàng chỉ thích nhảy *valse* với hấn, còn cánh đàn ông thường mỉm cười đầy hiềm khích, do nổi ghen tức với những người xuất chúng mà thôi. Người ta ngờ rằng hấn phải có tới vài người tình nên mới có thể luận bàn xác đáng hết như một tay sành sỏi. Cuộc sống của hấn thật hạnh phúc, êm đềm, tâm hồn luôn ngập tràn sung sướng. Ai cũng

bảo hấn đấu kiếm rất tài và là bậc thầy về bắn súng. Hấn thường nói:

"Nếu phải giao đấu thì nhất định là tôi sẽ chọn súng. Với thứ vũ khí này, tôi dám chắc là sẽ hạ gục bất cứ đối thủ nào".

Thế rồi, vào một tối nọ, hấn đưa hai cô bạn gái trẻ trung xinh đẹp tới rạp hát, có cả hai đức ông chồng tháp tùng. Khi buổi diễn đã hết, hấn mời bọn họ vào làm một chén ở quán Tortoni. Ngồi được một lúc thì hấn chợt nhận thấy anh chàng ở bàn đối diện cứ nhìn đăm đăm đuổi một cô bạn đi cùng mình. Cô nàng có vẻ khó chịu, lo lắng, cúi mặt xuống lảng tránh. Cuối cùng không chịu nổi, cô quay sang bảo chồng:

"Người đàn ông kia cứ nhìn em suốt. Mà em đâu có quen anh ta. Mình có biết anh ta không?".

Anh chồng này giờ không nhận thấy điều đó, ngẩng lên nhìn rồi lắc đầu:

"Không, trông hấn lạ hoắc".

Cô vợ trẻ lại nói, tuy mỉm cười nhưng không giấu nổi bức bối:

"Thật khó chịu quá, gã làm em mất cả hứng".

Anh chồng nhún vai.

"Kệ hấn ta! Để ý làm gì. Nếu gặp kẻ xác lão nào mà cũng phải bận tâm thì chắc suốt đời ta chẳng được yên".

Nhưng tay tử tước thì bất thành linh đứng dậy. Hấn không thể cho phép một kẻ lạ mặt làm hỏng vị

ly rượu mà hấn mời bạn bè. Đó là sự lãng nhục đối với hấn, bởi vì chính hấn đã rủ mấy người bạn vào quán cà phê này. Thế tức là mọi sự chỉ nhằm vào hấn thôi.

Hấn tiến về phía kẻ khiêu khích và nói:

"Thưa ông, cái cách mà ông nhìn phụ nữ khiến tôi khó lòng mà chấp nhận được. Tôi mong ông vui lòng chấm dứt kiểu nhìn mê muội ấy cho".

Người kia đập lại:

"Biến đi và để cho tao yên".

Tay tử tước nghiêng rằng:

"Hãy coi chừng, ông bạn, đừng có ép tôi phải thất lễ".

Người đàn ông chỉ đáp lại bằng một tiếng thôi, nhưng đó là tiếng chửi tục tiêu vong từ đầu này tới đầu kia của quán cà phê, khiến cho tất cả mọi người trong quán giật bắn như chạm phải lò xo. Những người ngồi quay lưng về phía họ thì ngoái cả lại nhìn, còn những người khác thì ngẩng hết đầu lên, ba tên bồi bàn xoay tròn như những con quay, còn hai cô gái cùng đi với tay tử tước thì nhảy dựng rồi xoay nghiêng cả nửa mình, hết như hai người máy cùng lúc được lên dây cót.

Một sự im lặng bao trùm lên cả căn phòng. Đột nhiên, một âm thanh khô khốc vang lên trong không khí. Tên tử tước đã tát thẳng vào mặt địch thủ của

mình. Tất cả mọi người ào vào can thiệp. Và thế là những tấm danh thiếp lập tức được rút ra trao cho nhau.

Khi viên tử tước trở về nhà, hấn dậm chân bước những bước dài, đi đi lại lại trong phòng tới mấy phút. Hấn quá kích động để suy nghĩ bất cứ điều gì. Đầu hấn chỉ nung nấu một ý nghĩ: "Phải thách đấu", dẫu rằng ý nghĩ ấy gọn lên trong hấn một cảm giác gì đó rất khó tả. Hấn đã làm cái việc phải làm, hấn đã chứng tỏ mình cho mọi người thấy. Người ta sẽ phải bàn tán về hấn, ủng hộ hấn, ca tụng hấn. Hấn nói to, nhắc đi nhắc lại, như người ta thường làm khi thần kinh rối loạn:

"Thật là một tên dê tiện!".

Rồi hấn ngồi xuống và bắt đầu suy nghĩ. Sáng mai phải tìm ngay người làm chứng. Mình sẽ chọn ai bây giờ nhỉ? Hấn lục tìm những người có thể lực và nổi tiếng mà hấn quen biết, cuối cùng chọn ra hầu tước La Tour Noire và đại tướng Bourdin, một lãnh chúa lớn và một sỹ quan quân đội, thật không còn gì bằng. Tên của họ sẽ được đăng trên trang nhất các báo. Hấn chợt thấy khát, và hấn lần lượt uống cạn ba cốc nước đầy, sau đó hấn lại tiếp tục rảo bước trong

phòng. Hắn thấy mình tràn đầy sinh lực. Bằng cách tỏ ra hiên ngang, kiên quyết đến cùng, bằng cách nêu ra những điều kiện ràng buộc khắt khe và nguy hiểm, bằng cách đòi hỏi một cuộc đấu nghiêm túc, thật sự nghiêm túc, chắc chắn hắn sẽ buộc đối thủ phải lùi bước và hạ mình xin lỗi.

Hắn cầm tấm danh thiếp vừa rút từ trong túi ra ném lên bàn, rồi hắn đọc lại một lần nữa vì hắn đã từng đọc trước đó rồi, lúc ở quán cà phê, bằng một cái liếc mắt, và lúc ở trong xe ngựa, dưới ánh sáng mờ mờ của những ngọn đèn ga trên đường về. "Georges Lamil, 51 phố Moncey". Tất cả chỉ có thế.

Hắn xem xét hàng chữ đầy vẻ bí hiểm ấy và một loạt câu hỏi rộn lên trong đầu: Georges Lamil à? Gã ta là ai? Gã làm nghề gì? Tại sao gã lại nhìn đàn bà theo kiểu như thế? Chẳng đáng phần nộ sao khi một kẻ xa lạ, hoàn toàn không quen biết chợt đến làm đảo lộn hoàn toàn cuộc sống của ta, bởi vì hắn lấy việc dán mắt vào một người đàn bà làm thú vui cho mình? Và thế là tay tử tước lại hét to lên một lần nữa: "Đồ vô lại!".

Rồi hắn thôi không đi quanh phòng mà đứng lại suy nghĩ, mắt không rời khỏi tấm danh thiếp. Một cơn giận dữ trào lên trong lòng mỗi khi mắt hắn bắt gặp mảnh giấy nhỏ kia, cơn giận dữ hắn học trộn lẫn với sự khó chịu lạ lùng. Tất cả chuyện này thật ngu

ngốc! Hắn cầm con dao nhíp trong tay, phì vào chính giữa dòng tên của đối thủ in trên tấm thiệp, y như cách người ta giáng thẳng một quả đấm vào mặt một người.

Nhất định phải giao đấu! Hắn sẽ là người quyết định chọn kiếm hay là súng bởi vì hắn được coi như là người bị lãng mạ. Chọn kiếm sẽ đỡ nguy hiểm hơn, nhưng nếu chọn súng, hắn sẽ có cơ may hạ gục đối thủ của mình. Rất hiếm khi một cuộc đấu kiếm lại làm chết người, sự thận trọng trong cả phòng vệ lẫn tấn công khiến cho hai kẻ giao đấu luôn giữ khoảng cách với nhau, mũi kiếm khó mà thọc sâu được. Còn nếu dùng súng, hắn có thể bị nguy đến tính mạng thật đấy, nhưng cũng có thể chiến thắng và giành lấy danh dự mà không cần thêm bất kỳ một cuộc trao đổi nào.

Hắn thốt lên:

"Phải thật rắn! Gã kia sẽ phải sợ".

Nghe giọng nói của chính mình, hắn bỗng thấy hơi rờn rợn và đưa mắt nhìn quanh. Hắn cảm thấy mình đang rất căng thẳng. Hắn uống thêm một cốc nước nữa, sau đó cởi quần áo đi ngủ.

Khi vừa vào giường, hắn tắt phụt đèn và nhắm mắt lại nghĩ:

"Mình có cả ngày mai để lo vụ này. Giờ phải đánh một giấc cho nhẹ đầu".

Thế nhưng, cuộn mình trong đồng chăn đệm, ấm áp mà hắn không tài nào ngủ được. Hắn quay hết

bên này sang bên kia, nằm thẳng lưng trong 5 phút, nghiêng người sang trái rồi lại vật mình sang phải, thế mà vẫn không ích gì.

Cơn khát quay trở lại khiến hắn phải dậy uống nước. Chợt nổi lo lắng tóm lấy hắn:

"Liệu mình có sợ không nhỉ?".

Tại sao tim hắn lại đập như điên mỗi khi nghe thấy một tiếng động dù rất nhỏ trong phòng? Khi chiếc đồng hồ quả lắc chuẩn bị đổ chuông, tiếng cọt kẹt khe khẽ của cỗ bánh răng cũng làm hắn nháy dựng lên, sau đó hắn phải há to mồm để thở trong mấy giây liền.

"Mình sợ à?".

Hắn tự chất vấn xem liệu có khả năng xảy ra chuyện đó không. Chắc chắn là không rồi! Hắn sẽ không thể sợ được, vì hắn đã quyết đi tới cùng, quyết sẽ giao đấu và không run tay. Nhưng sâu thẳm trong lòng, hắn vẫn thấy không yên, đến nỗi hắn phải tự hỏi mình:

"Người ta có thể sợ hãi ngoài nhận thức của chính mình không?".

Nỗi ngờ vực xâm chiếm lấy hắn, cả nỗi lo lắng, khiếp sợ; nếu có một thế lực mạnh hơn cả ý chí, đầy uy quyền và không thể cưỡng lại chế ngự con người hắn thì điều gì sẽ đến? Phải, điều gì có thể đến nhỉ? Chắc chắn hắn sẽ đến nơi giao đấu rồi, vì hắn muốn

tối đó mà. Nhưng nếu hấn run tay thì sao? Nếu hấn không giữ được bình tĩnh? Rồi hấn nghĩ tới địa vị, danh tiếng, và gia thế của mình.

Bỗng nhiên hấn thấy điều gì đó thôi thúc hấn bước ra soi gương. Hấn thấp nển lên. Khi nhìn vào khuôn mặt phản chiếu trong tấm thủy tinh trong suốt, khó khăn lắm hấn mới nhận ra chính mình, chưa bao giờ hấn thấy mình như vậy. Cặp mắt lồi to, da tái nhợt, đúng vậy, tái nhợt như người chết.

Hấn đứng lặng trước gương, thè lưỡi ra như để kiểm tra sức khỏe, và một ý nghĩ chợt lóe lên trong óc làm hấn choáng váng như vừa ăn một phát đạn:

"Giờ này ngày kia, rất có thể mình đã chết rồi".

Và tim hấn lại bắt đầu đập thình thịch.

"Giờ này ngày kia, có thể mình đã chết rồi. Người ở trước mặt mình đây, cái người mà mình đang thấy trong gương này, sẽ không còn nữa. Thế đấy! Mình đây, mình đang thấy mình trong gương, vẫn đang sống, vậy mà chỉ 24 giờ nữa mình sẽ bị đặt nằm trên giường, đã chết, nhắm mắt, cứng đờ, bất động và vĩnh viễn biến khỏi cõi đời".

Hấn quay nhìn về phía giường, và hấn thấy rõ mồn một thập hình mình đang nằm thẳng đờ trong đồng chăn đệm mà hấn vừa chui ra. Khuôn mặt hấn đó, trống rỗng, khuôn mặt của người chết, và hai cánh tay xuôi dài, không bao giờ cử động được nữa.

Tay tử tước thấy ghê sợ cái giường của chính mình, và để khỏi phải nhìn thấy những cảnh tượng gớm ghiếc kia, hắn đi sang phòng hút thuốc. Hắn máy móc rút ra một điếu xì gà, châm lửa và đi đi lại lại. Chợt thấy lạnh, hắn định rung chuông gọi tên hầu phòng, nhưng hắn dừng lại, tay vẫn đang giơ về phía sợi dây:

"Nó sẽ nhận thấy ngay là mình đang sợ hãi".

Và hắn thôi không rung chuông nữa mà quyết định sẽ nhóm lửa. Tay hắn hơi run khi chạm vào các đồ vật, có lẽ do căng thẳng. Đầu hắn nghĩ vẩn vơ, những ý nghĩ rối loạn thật khó nắm bắt, loang loáng đau đớn, hắn thấy mình chuenh choáng như say rượu.

Hắn không ngớt tự hỏi:

"Mình sẽ làm gì? Mình sẽ thành gì đây?".

Toàn thân hắn lẩy bẩy, ớn lạnh, những cơn rùng mình từng hồi chạy dọc sống lưng. Hắn bước lại gần cửa sổ, kéo rèm ra.

Trời đã sáng, báo hiệu một ngày hè rực rỡ. Bầu trời khoác chiếc áo hồng tuyệt đẹp lên khắp thành phố, lên mái ngói và cả các bức tường. Ánh nắng dịu nhẹ trải rộng như là cử chỉ âu yếm của vầng mặt trời buổi sớm bao bọc lấy cả thế giới vừa thức giấc, và trong luồng sáng ấy, một niềm hy vọng roi rới nhanh chóng xâm chiếm con tim hắn. Hắn thật khùng vì đã để cho nỗi khiếp sợ quật ngã trong khi chưa có gì

được quyết định cả, thậm chí những người làm chứng của hắn còn chưa kịp gặp người bên phía gã Georges Lamil và bản thân hắn cũng chưa biết liệu đối thủ của mình có nhận lời thách đấu không?

Đánh răng rửa mặt xong, hắn mặc quần áo, lên đường với những bước chân mạnh mẽ.

Vừa đi hắn vừa lẩm bẩm:

"Mình phải cứng rắn lên, thật cứng rắn! Phải chứng tỏ mình không hề sợ hãi!".

Hai nhân chứng của hắn, viên hầu tước và đại tướng, đã chờ sẵn rồi. Sau khi siết chặt tay nhau, họ bắt đầu thảo luận về những điều kiện cần thiết.

Viên đại tướng hỏi:

"Ngài muốn có một cuộc đấu nghiêm túc chứ?".

Hắn trả lời:

"Rất nghiêm túc".

Đến lượt hầu tước:

"Ngài sẽ chọn dùng súng?"

- Vâng.

- Và ngài sẽ đồng ý để chúng tôi lo tất cả phần còn lại đúng không?".

Viên hầu tước nói bằng một giọng khô khốc ngắt quãng:

"20 bước, theo đúng luật, luôn nâng vũ khí trên tay. Hai bên sẽ lần lượt bắn cho đến khi có người tử thương".

Viên đại tướng có vẻ hài lòng:

"Đó là những điều kiện tuyệt vời. Ngài là tay súng cừ, mọi cơ hội đều thuộc về ngài!".

Rồi họ ra đi. Tay tử tước quay về nhà chờ tin. Nỗi bồn chồn của hắn vừa ngời đi một chút giờ lại đang lớn dần lên từng phút, từng phút. Hắn cảm thấy dọc theo hai cánh tay, hai cẳng chân và rộn lên trong lồng ngực một luồng điện giạt liên hồi khiến hắn không tài nào bình tĩnh được, đứng ngồi không yên. Miệng hắn khô khốc, lâu lâu hắn lại tặc lưỡi một cái, như thể nếu không làm vậy thì lưỡi hắn sẽ dính chặt vào hàm.

Hắn muốn ăn trưa, nhưng lại chẳng thể ăn được gì. Dầu hắn chợt nảy ra ý nghĩ là phải uống rượu để lấy lại can đảm. Thế là hắn gọi mang lên một bình rượu rum, nốc cạn một lúc sáu chén đầy. Người hắn nóng ran như có lửa đốt, và ngay sau đó hắn thấy đầu mình lâng lâng.

"Mình đã có cách để không sợ rồi. Giờ thì mọi việc sẽ ổn hết".

Chỉ trong một giờ, hắn đã uống cạn cả bình rượu, thế mà nỗi lo sợ vẫn quay trở lại, không gì ngăn nổi. Hắn cảm thấy mình thêm đến phát cuồng được lần mình trên đất, được kêu gào, cắn xé.

Trời đã tối. Một tiếng chuông làm hắn choàng tỉnh, và hắn nghệt thở khi thấy mình không đủ sức dậy đón hai người làm chứng đã quay lại.

Hắn không dám mở miệng, thậm chí còn không dám cất tiếng chào hay nói dù chỉ một lời vì sợ họ sẽ đoán ra tất cả qua giọng nói biến dạng của mình.

Viên đại tướng lên tiếng:

"Tất cả đều được sắp xếp theo đúng điều kiện mà ngài đã nêu. Đối thủ của ngài thoát đầu cũng đòi hưởng quyền ưu tiên cho người bị lãng nhục, nhưng ông ta đã phải chịu nhượng bộ gần như ngay lập tức và đồng ý hết. Người làm chứng bên họ là hai quân nhân".

Lúc này tay tử tước mới bảo: "Cám ơn!".

Giọng của hầu tước:

"Xin ngài thứ lỗi vì chúng tôi vừa đến đã vội đi ngay, nhưng quả tình là chúng tôi còn hàng ngàn chuyện nữa phải lo. Cần tìm được một bác sỹ giỏi vì trận đấu chỉ kết thúc khi một bên đã tử thương, mà ngài cũng biết đấy, súng đạn đâu có mất bao giờ. Rồi còn phải tìm được một nơi giao đấu ở gần một ngôi nhà để đưa người bị thương vào nếu cần thiết, v.v, tóm lại chúng tôi chỉ còn có 2, 3 giờ".

Tay tử tước nhắc lại, lần thứ hai: "Cám ơn!".

Viên đại tướng chợt hỏi:

"Ngài ổn không? Vẫn bình tĩnh đấy chứ?"

- Vâng, rất bình tĩnh, cảm ơn các ngài!".

Và hai người kia quay lui.

Khi còn lại trong phòng đơn độc một lần nữa, hấn cảm thấy mình phát điên mất rồi. Tên đây tớ đã thấp đèn và hấn ngồi trước bàn hý hoáy viết. Sau khi viết lên đầu trang giấy: "Đây là bản di chúc của tôi...", một cơn chấn động trong lòng khiến hấn lùi ra xa, cảm thấy khó lòng mà tập trung đầu óc suy nghĩ để đưa ra một giải pháp hay một quyết định đầu đó là vấn đề gì đi chăng nữa.

Vậy là, hấn sẽ giao đấu. Đó là điều không thể tránh khỏi. Chuyện gì đang xảy đến với hấn đây? Hấn muốn giao đấu, rõ ràng hấn đã có ý định như thế và đã chọn cách ấy rồi, nhưng hấn cảm thấy rằng, dù hấn có cố gắng cách mấy, dù ý chí hấn có vật vã trời dậy thế nào, hấn cũng không đủ sức lê mình đến đấu trường. Hấn muốn tượng ra trận đấu, cái thái độ hèn nhát của mình và vẻ bình thản của đối thủ.

Dần dần hai hàm răng hấn va vào nhau lập cập. Hấn thêm đọc một cái gì đó, và thế là hấn cầm lấy quyển Luật giao đấu của Châteauevillard. Rồi hấn tự hỏi:

"Đối thủ của mình có thường bắn súng không nhỉ? Liệu gã có biết bắn súng không? Nhỡ gã là một tay súng có hạng thì sao? Làm thế nào biết được bây giờ?"

Hấn bỗng nhớ đến quyển sách của nam tước de Vaux về những tay thiện xạ nên vội vàng chạy đi tìm. Georges Lamil không có tên trong đó. Thế

nhưng, nếu gã ta không phải là một tay súng thì sao gã lại đồng ý ngay khi hắn chọn thứ vũ khí chết người cùng với những điều kiện vô cùng khắt khe?

Hắn đặt chiếc hộp đựng mấy khẩu Gastine Renette trên bàn rồi mở ra, cầm lấy một khẩu, neho mát lại như đang ngấm bắn và nâng tay lên. Nhưng hắn thấy từ đầu tới chân mình run rẩy khiến cho nòng súng rung lên bần bật.

Hắn tự nhủ:

"Không thể thế được! Mình không thể giao đấu như thế này".

Hắn vừa nhìn cái lỗ đen sì, sâu hoắm ở đầu súng, nơi tử thân đang ập náu, vừa nghĩ đến nỗi nhục, những lời bàn tán rầm rì của đám người tùm năm tùm ba, những lời cười nhạo trong các phòng khách, sự khinh miệt của đám đàn bà, những lời bóng gió của cánh báo chí và cả những câu chửi rủa mà lũ hèn nhát sẽ chĩa vào hắn.

Hắn vẫn nhìn khẩu súng, và khi đưa nòng súng lên, hắn chợt bắt gặp một cái gì đó lóe lên phía dưới, giống như một mồi lửa đỏ quạch. Khẩu súng đã lên đạn, do tình cờ hay do người ta để quên mất. Điều đó làm hắn cảm thấy một niềm vui mơ hồ, không sao giải thích được.

Nếu trước mặt người khác hắn không giữ được tư thế tôn quý và vẻ điềm tĩnh cần phải có, hắn sẽ vĩnh viễn mất tất cả. Danh dự của hắn sẽ bị hoen ố,

bị sỉ nhục, và hắn sẽ bị người đời xa lánh, xua đuổi. Vậy mà hắn biết rõ, hắn không thể nào có được vẻ hiên ngang và bình tĩnh ấy, hắn đã cảm thấy thế rồi. Nhưng, hắn đâu phải là kẻ dốt chết, hắn là người gan dạ, bởi vì hắn đã muốn thách đấu!... Hắn gan dạ, bởi vì... Ý nghĩ thoáng qua thậm chí còn chưa thành hình trong tâm trí hắn, nhưng hắn đã há to miệng, thỉnh linh gí sát nòng súng vào tận cổ họng và bất ngờ bóp cò...

Khi tên hầu phòng nghe thấy tiếng nổ vội vàng chạy lên tới nơi, nhìn sau lưng thì thấy hắn đã chết rồi. Một vết máu bắn tóe lên tờ giấy trắng trên bàn tạo thành một vết loang to tướng, đỏ thẫm ngay trên dòng chữ:

"Đây là bản di chúc của tôi".

BẢO THÙ

Bà góa Paolo Saverini sống cô độc với cậu con trai trong một ngôi nhà nhỏ tồi tàn ở ngoại ô Bonifacio. Thành phố được xây dựng trên phần nhô ra của một dãy núi, nằm chênh vênh trên biển, nhìn thẳng xuống phía sườn thấp hơn của đảo Sardaigne qua một eo biển đầy đá ngầm dựng đứng. Còn dưới chân núi, từ phía còn lại, một vách đá đứt quãng, giống hệt một hành lang khổng lồ tạo thành đường viền gần như dọc suốt chiều dài thành phố. Chỗ vách đá ngăn ra được dùng làm cảng để đón những thuyền chài của dân Ý hay dân đảo Sardaigne và cả con tàu hơi nước cũ kỹ phụt khói đen sì đi tuần tiểu vùng Ajaccio nửa tháng một lần, đưa chúng tới tận chỗ ngôi nhà đầu tiên sau cả một hành trình dài giữa hai bức tường dốc đứng.

Trên ngọn núi trắng xóa, những ngôi nhà san sát tạo thành những mảng còn trắng hơn nữa. Chúng có vẻ như những tổ chim hoang dã, gắn chặt vào mỏm núi, ngẫu nhiên tọa lạc ngay trên cái hành lang khủng khiếp mà rất ít tàu thuyền dám

mạo hiểm qua lại. Gió, không lúc nào ngơi nghỉ, làm biển mịt mịt, cả sườn núi trơ trụi cũng vậy, bị gió táp liên tục nên không ngọn cỏ nào mọc nổi ở đây. Gió tràn vào eo biển, tàn phá dữ dội ở cả hai bờ. Bám trên đỉnh vô số mỏm đá đen sì chọc thủng từng lớp sóng, những dải đá bọt xanh nhợt trông giống như tấm vải nổi lênh bênh trên mặt nước.

Căn nhà của bà góa Saverini cũng nép mình bên vách đá, ba cửa sổ mở ra ngay phía chân trời hoang dã và quạnh quẽ này.

Bà sống ở đó, một mình với cậu con trai Antoine và con chó cái "Sémillante", một con vật cao lớn gây còm, lông dài và rậm, thuộc giống chó chăn cừu. Cậu con trai thường dẫn nó mỗi lần đi săn.

Một tối nọ, sau trận tranh cãi, thằng phản trắc Nicolas Ravolati đã lén lút giết hại Antoine Saverini bằng một nhát dao, và ngay đêm đó, hấn bỏ trốn sang đảo Sardaigne.

Khi người mẹ già nhận được thi thể con trai do mấy người qua đường đưa đến, bà không hề nhỏ một giọt nước mắt, nhưng bà ngồi nhìn bất động rất lâu. Rồi bà đưa bàn tay nhăn nheo vuốt ve xác đứa con xấu số, thề sẽ trả thù. Không muốn bất cứ ai ở lại cùng mình, bà ôm khư khư xác chết bên cạnh con chó cứ tru lên thảm thiết. Con vật đứng ngay dưới chân giường, đầu hướng về phía cậu chủ, đuôi cụp xuống giữa hai chân, tru lên dai dẳng không ngừng. Nó

cũng bất động chẳng khác bà mẹ đang nga trên xác con, đôi mắt vô hồn chảy dài những hàng nước mắt ai oán lặng lẽ.

Chàng trai trẻ nằm trên giường, khoác chiếc áo vét bằng dạ thô thùng lỗ chỗ và rách toạc ở ngực, có vẻ như đang ngủ, nhưng khắp người cậu dính đầy máu: trên chiếc áo sơ mi bị người ta xé toạc để sơ cứu, trên áo gilê, trên quần, trên mặt và trên tay. Những cục máu đông đặc lẫn cả vào râu tóc cậu.

Bà mẹ bắt đầu trò chuyện với con. Giọng nói bà cất lên làm con chó cái im bật.

"Đi đi! Cứ đi đi! Con sẽ được trả thù, con trai của ta, đưa con bé bỏng tội nghiệp của ta. Ngủ đi! Con hãy ngủ đi! Con sẽ được trả thù, con có nghe thấy không? Chính mẹ con hứa với con như thế! Con biết rõ rồi đấy, mẹ con, bà ấy luôn giữ lời".

Rồi bà chậm chậm cúi xuống, gấn đôi môi lạnh ngắt của mình lên đôi môi đứa con trai.

Sémillante lại bắt đầu rên rĩ. Tiếng kêu kéo dài, xé ruột, xé gan khủng khiếp.

Cả hai ở nguyên đó, người đàn bà và con chó, cho tới tận sáng.

Antoine Saverini được chôn ngay ngày hôm sau, và chẳng bao lâu sau, ở vùng Bonifacio này người ta không nhắc đến cậu nữa.

Cậu chẳng có anh em ruột hay họ hàng thân thiết. Chẳng một người đàn ông nào ở đây để trả thù

cho cậu. Chỉ có duy nhất mẹ cậu, một bà góa già nua là nghĩ tới điều đó.

Đứng phía bên này eo biển, từ lúc sáng sớm cho đến khi tối mịt, bà nhìn đắm đắm vào cái chấm trắng ở phía bờ bên kia. Đó là một ngôi làng nhỏ của dân đảo Sardinie tên là Longosardo, nơi những tên cướp biển, những kẻ vô lại bỏ trốn thường chọn làm nơi ẩn náu vì nó khá gần đảo Corse. Gần như chỉ có bọn chúng sống ở trong làng, đối diện với bờ biển quê hương, và chúng ở đó chờ cơ hội để quay lại, trở về sào huyệt của mình. Trong ngôi làng ấy, Nicolas Ravolati đang sống ẩn dật, bà mẹ biết rõ điều đó.

Lặng lẽ một mình suốt cả ngày, bà ngồi bên cửa sổ, nhìn xuống phía dưới và tìm cách trả thù. Bà sẽ làm thế nào đây khi không có ai giúp đỡ, còn mình thì già yếu, chắc chỉ còn chờ ngày thân chết đến đưa đi? Nhưng bà đã hứa rồi, bà đã thề trước thì thế đưa con xấu số. Bà không thể nào quên được, bà cũng không thể chờ đợi mãi. Bà sẽ làm gì? Đêm đêm bà không ngủ được, bà không có lấy một phút nghỉ ngơi hay cảm thấy nguôi ngoai, bà vắt óc suy nghĩ, bên bĩ hết ngày này sang ngày khác. Con chó cái lim dim mắt ngay dưới chân bà, thỉnh thoảng ngẩng đầu dậy hú về phía xa. Từ khi cậu chủ không còn nữa, nó vẫn thường hú như vậy, như thể nó muốn gọi cậu trở lại, như thể tâm hồn mang nỗi đau khôn nguôi của nó vẫn lưu giữ những kỷ niệm về cậu, không gì có thể xóa nhòa.

Vào một đêm, khi Sémillante bắt đầu cất lên tiếng kêu ai oán thì trong đầu bà mẹ bất chợt nảy ra một ý nghĩ, một cách trả thù hoang dại vô cùng tàn bạo. Bà nghiền ngẫm nó cho tới tận sáng, rồi khi ánh mặt trời đầu tiên xuất hiện, bà đứng dậy và đi về phía nhà thờ. Bà cầu nguyện, cúi rạp trên sàn đá, dập đầu trước Chúa cầu xin người giúp đỡ bà, ủng hộ bà, trao cho cơ thể còm cõi tàn tạ của bà nguồn sức mạnh cần thiết để trả thù cho đứa con trai.

Rồi bà ra về. Trong sân nhà có một cái thùng cũ đã tháo đai dùng để hứng nước ở máng, bà lật nghiêng tháo hết nước ra, đóng chặt vào lòng đất bằng cọc và lên đá thật chắc, rồi bà xích con Sémillante vào cái ổ này, xong xuôi mới đi vào nhà.

Giờ thì bà đang đi tới đi lui trong phòng, mắt dán chặt về bãi biển Sardaigne. Ở đó có hấn, kẻ đã giết con trai bà.

Con chó, cả ngày lẫn đêm tru dài. Buổi sáng, bà góa mang cho nó chút nước đựng trong một cái bát, chỉ có thế thôi, không một tí súp, không một mẩu bánh mì.

Một ngày dằng dặc trôi qua. Sémillante mệt lử, ngủ thiếp đi. Ngày hôm sau, cặp mắt nó sáng loáng, lông xù lên và nó điên cuồng học lên giăng xích.

Bà góa vẫn chẳng cho nó ăn thêm chút gì. Con vật trở nên giận dữ, nhấm nhắng sữa, giọng khàn khàn. Lại một đêm nữa trôi qua.

Trời sáng, bà mẹ Savarini sang nhà hàng xóm xin hai bó rơm to. Bà lấy bộ quần áo cũ kỹ mà ngày xưa chồng bà thường mặc, nhồi chặt rơm vào đó, giả làm một hình người.

Cắm một cái que xuống đất, ngay trước ổ xích con chó Sémillante, bà buộc cái hình nhân bằng rơm trên ngọn, trông như một người đang đứng. Rồi bà làm một cái đầu giả bằng một mớ vải vụn đã cũ.

Con chó ngạc nhiên nhìn cái hình nộm, im bất, mặc dù bụng vẫn đói cồn cào.

Rồi bà góa đến hàng thịt mua một đoạn dồi lợn to tướng. Lúc về, bà nhóm củi ngay trong sân, cạnh chuồng con chó và bắt đầu nướng khúc dồi. Sémillante thêm rõ dãi chồm lên, sùi bọt mép, mắt dán vào cái vĩ nướng mà từ đó bốc lên luồng khói thơm ngậy đang len lỏi trong bụng nó.

Rồi bà mẹ già dùng cái khúc dồi béo ngậy ấy làm thành chiếc cà vạt đeo trên cổ thằng bù nhìn. Bà buộc rất lâu, quấn quanh cổ, cố nhồi thật sâu miếng mồi vào bên trong. Khi mọi thứ đã xong xuôi, bà thả xích chó.

Chỉ bằng một cú nhảy tuyệt vời, con vật đã tót lên tới họng thằng người rơm, chân giẫm trên hai vai và lao vào cắn xé. Nó rơi xuống, mồm ngoạm chặt một miếng mồi. Rồi nó lại nhào lên lần thứ hai, những chiếc răng nanh nghiền chặt sợi dây giăng ra, dứt từng mảng dồi lợn và lao xuống. Cứ tiếp tục như vậy, con vật lặp đi lặp lại không mệt mỏi. Nó cắn nát

khuôn mặt thẳng bù nhìn bằng hàm răng khùng khiếp, cả cái cổ cũng bị phá tan.

Bà góa đứng nhìn cảnh tượng đó, bất động và câm lặng, nhưng đôi mắt rực sáng. Rồi bà lại xích con chó vào chuồng, bắt nó nhìn đối hai ngày, sau đó lại bắt đầu bài tập kỳ lạ như lần trước.

Trong ba tháng, bà đã tập được cho con vật cái kiểu giành lấy miếng ăn bằng hàm nanh nhọn hoắt sắc lạnh. Giờ bà không dạy nó nữa, nhưng bà thường hất tay chỉ nó lao về phía thẳng người bằng rơm kia.

Bà dạy con chó cách giằng xé và cắn nát cái hình nộm mà không cần phải có bất kỳ thứ gì giấu trong cổ họng. Sau đó bà mới ném cho nó miếng dồi nướng thơm phức để thưởng công.

Bây giờ thì ngay khi thoáng thấy bóng người, Sémillante hực lên, sau đó đưa mắt nhìn về phía bà chủ xem bà có hét "Đi!" bằng một giọng đanh gọn và chỉ tay ra lệnh cho nó không.

Khi thấy rằng thời cơ đã đến, một buổi sáng chủ nhật, bà mẹ Saverini đến nhà thờ xưng tội và chịu lễ ban thánh thể với lòng mộ đạo thành kính, sau đó bà mặc bộ quần áo đàn ông, giả làm một lão ăn mày nghèo khổ rách rưới đi cùng người dẫn đường là một người đánh cá Sardaigne, dẫn theo cả con chó nữa, tiến về phía bờ bên kia.

Trong chiếc túi vải đeo bên người bà có một khúc dồi nướng rất to. Sémillante chỉ được uống nước lã từ hai hôm nay. Bà góa già chốc chốc lại dứ miếng dồi thơm phức trước mũi con vật, kích động nó.

Họ vào làng Longosardo gần đảo Corse mờ mờ phía xa. Bà góa vào một cửa hàng bánh mì hỏi thăm chỗ ở của Nicolas Ravolati. Hắn vẫn giữ nguyên nghề cũ của mình, nghề thợ mộc. Hắn làm việc một mình ở mãi sâu trong cửa hàng.

Bà góa đẩy cửa ra và gọi:

"Này, Nicolas!"

Hắn quay lại. Vừa thả chó, bà vừa kêu to:

"Đi! Đi! Xé xác hắn ra! Xé xác hắn ra!"

Con vật hung tợn lao đi, nhằm ngay cổ họng mà ngoạm lấy. Gã thợ mộc giờ hai tay túm chặt con chó, lộn vòng trên mặt đất. Trong vài giây, hắn còn quần quai, rồi hắn nằm im lìm bất động, trong khi đó Sémillante sục sạo cái cổ họng mà nó đã dùng hàm răng nhọn hoắt cắn xé nát bướm.

Hai người hàng xóm lúc ấy ngồi trước cửa nhà có nói, họ nhớ rất rõ đã thấy một lão già rách rưới đi ra, cùng với một con chó đen gầy gò xương xẩu đi vừa ngấu nghiến ăn cái gì đó màu nâu sẫm mà ông chủ đưa cho.

Buổi tối, bà góa trở về nhà. Và đêm đó, bà ngủ rất ngon.

BÀN TAY

Đám người vây kín xung quanh ngài Bermutier, thành viên ban dự thẩm, đang phát biểu ý kiến về vụ án đầy bí ẩn ở Saint Cloud. Từ một tháng nay, vụ trọng án khó mà lý giải này đang làm cả Pari kinh hoàng. Không ai hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Ngài Bermutier đứng tựa lưng vào lò sưởi, nói hùng hồn, tập hợp các chứng cứ, bàn cãi về những ý kiến khác nhau, nhưng chẳng đưa ra kết luận gì.

Nhiều bà đã đứng dậy để tiến vào gần, mắt chăm chú theo dõi cái mồm nhả nhụi của ngài thẩm phán vì từ đó cất lên những lời thật nghiêm trọng. Họ khẽ rú lên, rùng mình, co rúm lại vì nỗi sợ hãi xen lẫn tò mò, lòng ham muốn được nghe những chuyện ghê rợn đã lên đến tột cùng làm họ háo hức, nó ám ảnh tâm trí họ, hành hạ họ, giống y như cơn đói khát đang tra tấn họ vậy.

Một người trong số đó, tái nhợt hơn tất cả những người khác, thốt lên sau một hồi im lặng:

"Thật khủng khiếp quá! Chuyện này chắc là do "siêu nhiên". Chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết được..."

Ngài thẩm phán quay về phía bà ta:

"Đúng vậy, thưa bà, có thể chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết rõ mọi chuyện. Nhưng từ "siêu nhiên" mà bà vừa nói, tôi nghĩ chưa đúng lắm đâu. Chúng ta đang chứng kiến một tội ác được tính toán kỹ lưỡng và thực hiện thật hoàn hảo, lại phủ thêm một lớp vỏ huyền bí khéo đến nỗi chúng ta như bị lạc trong những tình tiết rối như mớ bòng bong. Nhưng trước đây, tôi đã gặp phải một vụ án thực sự lạ thường. Hồ sơ vụ đó đã phải xếp lại, vì thú thực không ai có thể làm sáng tỏ được".

Cả mấy bà cùng đồng thanh kêu lên, nhanh đến nỗi người ta chỉ nghe thấy mỗi một giọng:

"Ôi, xin hãy kể cho chúng tôi nghe đi".

Ngài Bermutier cười vẻ trịnh trọng đúng kiểu một thành viên bồi thẩm đoàn:

"Hẳn các bà cho rằng không một giây phút nào tôi lại tin vào những chuyện vượt quá khả năng của con người đang diễn ra trong vụ án này? Rằng tôi chỉ tin vào những lý giải hợp lẽ thông thường mà thôi? Nhưng đâu phải thế! Thay vì dùng từ "siêu nhiên" để diễn tả những điều không hiểu nổi, chúng tôi chỉ dùng một cụm từ đơn giản hơn là "không giải thích được", như thế có vẻ hợp lý hơn. Dầu sao thì, trong vụ án mà tôi sắp kể cho quý bà nghe sau đây, chính những tình tiết xung quanh, những tình tiết làm nên

lại khiến cho tôi không thể quên được. Và đây là câu chuyện".

Hồi ấy, tôi là thành viên dự thẩm của Ajaccio, một thành phố nhỏ trắng toát nằm bên bờ vịnh tuyệt đẹp với những ngọn núi cao vây quanh.

Hầu hết số vụ án tôi thụ lý ở đó là những cuộc báo thù. Đó là xứ sở của những điều vừa kỳ diệu vừa bi thảm, vừa tàn khốc lại vừa hào hùng. Ta có thể tìm thấy ở đây những câu chuyện báo thù tuyệt vời nhất mà thường chỉ thấy trong mơ. Lòng thù hận dai dẳng suốt hàng trăm năm, một lúc nào đó có thể vơi đi, nhưng không bao giờ bị dập tắt. Những mưu mô thật đáng ghê tởm, những vụ ám sát biến thành thảm sát lại được xem như là hành động quả cảm đáng tự hào. Suốt hai năm trời, tôi chỉ nghe nói đến những món nợ phải trả bằng máu, cái tiền lệ khủng khiếp ở vùng đảo Corse này buộc người ta phải trả thù kẻ nào lăng nhục mình, trả thù đến cả con cháu và họ hàng thân thích của hắn nữa. Tôi đã chứng kiến tận mắt những xác chết bị cắt cổ thật dã man, có cả già lẫn trẻ, có cả người thân lẫn anh em họ xa của kẻ bị báo thù. Trong đầu tôi chất đầy những chuyện kiểu như thế.

Một ngày nọ, tôi nghe tin có một anh chàng người Anh vừa đến thuê tòa biệt thự nhỏ nằm ở cuối vịnh, thời hạn tới vài năm trời. Anh ta có một gã giúp việc người Pháp, mua được lúc ngang qua Marseille.

Chẳng mấy chốc, anh ta đã trở thành tâm điểm chú ý của mọi người, vì anh ta sống hoàn toàn tách biệt trong ngôi nhà, chỉ ra ngoài mỗi khi đi săn hay câu cá mà thôi. Anh ta không trò chuyện với bất cứ ai, không bao giờ bước chân vào thành phố, và sáng nào cũng thế, anh ta dành một, hai giờ đồng hồ tập bắn với một khẩu súng ngắn hoặc khẩu cac-bin.

Người ta bắt đầu thêu dệt nên đủ mọi chuyện quanh nhân vật này. Có người đoán chừng anh chàng người Anh này là một nhân vật vĩ đại đang phải tạm lánh khỏi tổ quốc vì những lý do chính trị, có người lại chắc như đinh đóng cột rằng anh ta là tên tội phạm đang bỏ trốn sau khi đã gây nên một tội ác cực kì khủng khiếp, và người ta còn kể vanh vách từng chi tiết hết sức rùng rợn.

Với tư cách là thành viên ban dự thẩm, tôi muốn tìm hiểu rõ hơn về con người này, nhưng tôi chẳng thu được gì đáng kể. Tôi chỉ biết người ta thường gọi anh ta là Ngài John Rowell.

Thế là tôi định sẽ theo dõi anh ta xem sao, và người ta báo trước cho tôi biết là tôi sẽ không tìm được gì đáng ngờ ở anh chàng.

Nhưng vì những lời xì xào đồn đại vẫn không ngớt, thậm chí còn lan rộng hơn khiến ai cũng biết nên tôi cho rằng mình phải đích thân tiếp cận nhân vật kỳ lạ này. Tôi bắt đầu đi săn thường xuyên hơn quanh khu nhà anh ta ở.

Tôi phải chờ cơ hội thuận tiện trong một thời gian dài. Cuối cùng thì dịp may đã tới, nhờ một con gà gô bị tôi bắn trúng phóc và giết chết ngay trước mũi anh chàng người Anh. Con chó săn của tôi vội tha nó về, nhưng vừa cầm được con mồi trong tay, tôi đã đến trước mặt ông chủ nhà xin lỗi về sự đường đột của mình và khẩn khoản mong Ngài John Rowell nhận lấy con gà vừa bị hạ.

Đó là một người tóc đỏ, râu đỏ, rất cao lớn và vạm vỡ, một anh chàng cơ bắp nhưng có vẻ điềm tĩnh và khá lịch sự. Anh ta chẳng có vẻ cứng nhắc như người ta bảo người Anh thường thế, cảm ơn rồi rút về cách xử sự tế nhị của tôi bằng một thứ tiếng Pháp lơ lớ, mang đậm dấu ấn của một người đến từ xứ sương mù. Trong vòng một tháng, hai chúng tôi đã trò chuyện với nhau được năm, sáu lần.

Sau đó, một buổi tối, khi đi ngang qua trước cửa, tôi nhận thấy anh chàng người Anh đang ngồi hút tẩu, đứng dựa trên chiếc xích đu trong vườn. Tôi cất tiếng chào, và thế là anh ta mời tôi vào nhà cùng uống bia. Tôi không để vị chủ nhà phải nhắc lại tới lần thứ hai.

Anh ta tiếp đãi tôi với tất cả sự chu đáo lịch sự của một người Anh. Anh ta hết lời ca tụng nước Pháp, đảo Corse và hào hứng tuyên bố anh ta rất yêu "cái nước ấy", "cái biển ấy".

Hết sức thận trọng và tế nhị, làm ra vẻ như một người hay quan tâm tới người khác, tôi hỏi anh ta vài ba câu về cuộc sống và những dự định của anh ta. Anh ta trả lời không chút bối rối, kể với tôi rằng đã đi du lịch khắp nơi: ở châu Phi, Ấn Độ, cả châu Mỹ nữa. Anh ta vừa cười vừa bảo:

"Tôi đã từng đi rất nhiều *mạo hiểm*, *oh, yes!*"

Khi nghe tôi nhắc đến thú săn bắn, anh ta lập tức tuôn ra hàng đống những chuyện vô cùng hấp dẫn và mới lạ về những lần săn hà mã, hổ, voi, thậm chí cả đười ươi nữa.

Tôi nhận xét: "Toàn là những loại thú nguy hiểm cả!" thì anh ta cười đầy ẩn ý: "*Oh, no! Sáu sa nhất là loại người*".

Và anh ta cười to, điệu cười của một gã người Anh hả hê:

"Tôi cũng *xăn* người nhiều lắm".

Rồi anh ta chuyển sang nói về các loại vũ khí, mời tôi vào hẻm trong nhà để chỉ cho tôi xem bộ sưu tập súng đủ các loại của mình.

Phòng khách nhà anh ta căng toàn một loại gấm đen thêu kim tuyến, những bông hoa lớn màu vàng

chạy dọc trên nền vải tối, sáng lấp lánh như những ánh lửa.

Ngài John Rowell khoe: "Vải *gia* Nhật đấy!".

Nhưng điều làm tôi chú ý hơn cả là một thứ gì đó rất lạ treo ngay chính giữa tấm phong lớn nhất. Tôi lại gần nhìn cho rõ: đó là một bàn tay! Một bàn tay người! Không phải là một khung xương trắng sạch sẽ mà là một bàn tay đen đúa, quắt queo với những chiếc móng vàng khè, một bó cơ rối loằng ngoằng và vài vệt máu khô thẫm cáu bắn dính đầy lên cả đoạn xương khuỷu bị cắt sắc lẹm, chắc hẳn là bằng một nhát rìu.

Ở cổ tay có một dây xích sắt lớn, được tán đinh và hàn chặt quanh cái vật góm ghiếc bản thủ, một đầu sợi dây gắn trên tường nhờ một vòng đai chắc chắn, chắc chắn đến nỗi đủ để dắt mũi cả một con voi.

Tôi hỏi vị chủ nhà: "Cái gì thế này?".

Anh ta thản nhiên đáp: "Cái này là kẻ thù *tốt nhất* của tôi. Tôi lấy ở *nước* châu Mỹ đấy. Tôi cắt cái này bằng cái kiếm, lột *gia* bằng một cái đá rất nhọn, phơi khô *giười* mặt *chời* tám ngày. A *oh!* Cái này *giất* tốt, *giất* tốt!"

Tôi khẽ chạm vào cái dấu tích của một con người kia, thậm nghĩ hẳn chủ nhân của nó phải là một gã khổng lồ. Những ngón tay dài quá khổ nổi bằng những sợi gân hằn lên như sợi thừng. Trông bàn tay

rất khủng khiếp, lớp da ngoài bị lột sạch khiến người ta nghĩ ngay tới một cuộc báo thù khốc liệt.

Tôi nhận xét: "Người này chắc hẳn rất khỏe".

Anh chàng người Anh thấp giọng đáp:

"*Oh, yes!* Nhưng tôi còn *giất* khỏe hơn. Tôi phải dùng *xơ giấy xắt* để buộc chặt nó đấy".

Cho rằng anh ta đang đùa, tôi nói:

"Sợi xích này giờ thì chẳng cần nữa. Cái bàn tay kia chạy đâu cho được".

Ngài John Rowell đột nhiên chuyển giọng, vẻ rất nghiêm túc:

"Nó vẫn muốn chạy *chốn* đấy. Cái *giấy xắt* kia phải cần lắm".

Đưa mắt liếc nhanh, tôi dò xét khuôn mặt anh ta, tự hỏi: "Đây là một gã điên hay chỉ là một kẻ thích đùa?". Nhưng tôi không tài nào hiểu được điều gì qua vẻ mặt ấy, nó hoàn toàn bình tĩnh và chẳng có vẻ gì khác thường. Thế là tôi đành chuyển đề tài và ngắm nghía mấy khẩu súng. Tôi nhận thấy có ba khẩu súng lục đã lên đạn đặt ngay trên mấy thứ đồ gỗ, như thể chủ nhân ngôi nhà đang phải sống trong môi lo canh cánh về một cuộc tấn công.

Tôi còn trở lại đây thêm một vài lần khác. Sau đó thì thôi hẳn. Mọi người đã quen với sự có mặt của Ngài John Rowell trong vùng rồi nên chẳng ai còn tò mò về anh ta nữa.

Tròn một năm đã trôi qua. Một sớm nọ, vào độ cuối tháng 11, gã giúp việc của tôi đánh thức tôi dậy và thông báo rằng Ngài John Rowell đã bị ám sát đêm hôm trước.

Nửa tiếng sau, tôi cùng với người của viện kiểm sát và viên đội trưởng đội hiến binh đã tiến vào ngôi nhà của anh chàng người Anh. Tên đầy tớ của anh ta, sợ hãi và tuyệt vọng, đang đứng khóc trước cửa. Lúc đầu tôi nghi hắn ta là thủ phạm, nhưng hắn là kẻ vô tội.

Không bao giờ người ta tìm thấy kẻ giết người.

Khi vừa bước chân vào phòng khách của Ngài John Rowell, tôi đã thấy ngay xác chết nằm sõng soài trên sàn nhà, ngay giữa căn phòng. Chiếc áo gilê bị xé rách toang, một cánh tay áo rơi tả thõng thướt, chúng tỏ một cuộc vật lộn khủng khiếp đã xảy ra.

Anh ta chết vì bị bóp cổ. Mặt anh ta xám ngoét, sưng phồng lên, vẻ khiếp hãi, chắc hẳn anh ta đã phải chứng kiến một điều gì đó vô cùng kinh hoàng trước khi chết. Hai hàm răng anh ta siết chặt như đang giấu một vật gì đó, còn trên cổ có tới năm cái lỗ sâu hoắm như là được đào bởi một vật sắc nhọn, máu me bết.

Một viên bác sỹ đi về phía chúng tôi. Ông ta đã khám nghiệm rất kỹ vết những ngón tay in hằn lại trên da thịt người chết và nói với chúng tôi những lời thật lạ lùng:

"Có vẻ như anh ta bị một bộ xương bóp cổ đến chết".

Tôi thấy lạnh toát dọc sống lưng, vội đưa mắt nhìn lên tường, chỗ vẫn thường treo cái bàn tay bị lột da khủng khiếp. Nó không có ở đó! Chỉ còn mỗi sợi dây xích bị phá toang, treo lủng lẳng.

Thế là tôi cúi xuống bên xác chết, phát hiện thấy sau hai hàm răng mím chặt dùm đó một ngón của bàn tay đã biến mất, bị cắt đứt, hay đúng hơn là bị cắn đứt đúng ở ngay đốt thứ hai.

Chúng tôi tiến hành khám nghiệm hiện trường, nhưng không phát hiện được điều gì. Không một cánh cửa nào bị bẻ khóa, cửa sổ cũng còn nguyên và đồ đạc không hề suy chuyển. Đến cả hai con chó gác cửa cũng không hề bị thức giấc.

Và đây là những lời mà gã đây tố thuật lại:

"Từ một tháng nay, ông chủ có vẻ bồn chồn lắm. Có rất nhiều thư được chuyển đến, và ông chủ thường đốt ngay sau khi đọc xong. Ông hay cầm một cái roi điên cuồng đánh vào cái bàn tay khô quắt queo treo ở trên tường. Cháu không hiểu bằng cách nào bàn tay ấy lại biến mất sau khi xảy ra án mạng.

Ông chủ đi ngủ rất muộn và ngày nào cũng kiểm tra khóa cửa rất kỹ. Ông hay để súng ở ngay cạnh mình. Đêm đêm, cháu nghe thấy tiếng ông nói rất to, cứ như đang cãi nhau với ai đấy".

Vậy mà đêm xảy ra chuyện, không biết có phải do tình cờ không mà anh chàng người Anh lại không hề gây nên bất cứ tiếng động nào. Chỉ đến khi tên đầy tớ lên phòng anh ta mở cửa sổ mới phát hiện ra ông chủ của mình đã bị sát hại. Gã đầy tớ không thấy ai là kẻ đáng nghi cả.

Tôi đã kể lại tất cả những gì mình biết được về nạn nhân cho các nhà chức trách nghe, và một cuộc điều tra kỹ lưỡng trên phạm vi toàn hòn đảo được mở ra. Vậy mà vẫn không tìm được manh mối gì.

Rồi một đêm, khoảng ba ngày sau khi xảy ra vụ án, tôi đã mơ thấy một cơn ác mộng thật rùng rợn. Ngay trước mắt tôi là cái bàn tay khủng khiếp đang chạy như một con bọ cạp hay một con nhện suốt dọc theo tấm ri đô và men bờ tường. Ba lần tôi tỉnh giấc, ba lần tôi nhắm mắt ngủ lại là ba lần tôi thấy rõ mồn một cái vật ghê tởm kia chạy quanh phòng bằng cách xê dịch mấy ngón tay, hết như cẳng chân mấy con côn trùng.

Ngày hôm sau, người ta mang cái bàn tay ấy đến chỗ tôi. Họ đã tìm thấy nó ở nghĩa địa, trên mộ của Ngài John Rowell. Chúng tôi chôn anh ta luôn trên đảo vì không cách nào tìm được người thân của anh ta. Và tôi thấy trên bàn tay thiếu mất một ngón trỏ.

Thưa các quý bà, đó là toàn bộ câu chuyện của tôi. Ngoài ra tôi không biết thêm gì nữa".

Đám phụ nữ sợ hãi, mặt tái mét, run lấy bầy.
Một người trong số họ kêu lên:

"Nhưng thưa ngài, đó đâu phải là một cách mở nút, cũng chẳng phải là một lời giải thích. Chúng tôi sẽ không thể ngủ yên nếu ngài không nói cho chúng tôi biết chuyện gì đã xảy ra theo đánh giá của ngài".

Ngài Bermutier mỉm cười nghiêm nghị:

"Ồ, tôi ấy à, thưa các bà, chắc chắn tôi sẽ làm hỏng giấc mơ của quý bà thôi. Vì tôi chỉ nghĩ đơn giản rằng người chủ hợp pháp của bàn tay chưa hề chết, và anh ta đến tìm nó cùng với bàn tay còn sót lại của mình. Nhưng thực sự tôi không thể đoán ra anh ta đã làm như thế nào? Chắc đó là một trong những kiểu trả thù".

Một bà thăm thì:

"Không đâu, không đời nào có chuyện thế được!"

Và viên dự thẩm vẫn luôn miệng cười kết luận:

"Tôi đã chẳng nói trước rằng lời giải thích của tôi sẽ không lọt tai các quý bà mà!"

COCO

Khắp vùng này và cả mấy vùng lân cận, người ta đều gọi trang trại nhà Lucas là "Trại linh canh". Chẳng ai biết vì sao lại có cái tên ấy. Chỉ có điều, chắc chắn những người nông dân muốn mượn cái tên đó để chỉ sự giàu có và quyền thế, bởi vì rõ ràng đây là trang trại rộng lớn nhất, phì nhiêu nhất và quý củ nhất vùng.

Sân trại rộng mênh mông, bao quanh bởi năm hàng cây tuyệt đẹp như tấm bình phong che chở những cây táo mảnh dẻ, thấp lè tè tránh khỏi những trận gió dữ dội thổi tới từ vùng bình nguyên. Quanh sân, người ta xây những dãy nhà dài lợp ngói để chứa rơm cỏ và hạt giống, những khu chuồng rất đẹp bằng đá lửa, một khu trại cho 30 con ngựa, còn có cả một ngôi nhà xây gạch đỏ trông giống hệt một tòa lâu đài xinh xắn.

Chuồng trại được cai quản rất tốt. Bầy chó canh sống trong chuồng, còn lũ gà vịt đông lúc nhúc thì dạo chơi giữa đám cỏ cao ngất.

Trưa nào cũng thế, 15 người gồm cả ông bà chủ lẫn bọn đầy tớ và phục vụ trong nhà đều ngồi quanh chiếc bàn ăn dài, món súp bốc hơi nghi ngút đứng trong cái liễn sành có vẽ hoa màu xanh dương.

Những con vật ở đây như ngựa, bò sữa, lợn, cừu đều béo quay, được nuôi dưỡng cẩn thận và sạch sẽ. Ông chủ trại Lucas, một người cao lớn và khá tận tiện đảo quanh trang trại mỗi ngày ba vòng, giám sát tất cả và để mắt tới tất cả.

Do lòng thương hại, người ta giữ lại trong góc chuồng một con ngựa bạch già yếu, bà chủ muốn nuôi nó cho tới khi chết già, bởi vì bà chính là người đã nuôi nấng, dạy dỗ nó, luôn giữ nó bên mình và nó gợi lại cho bà những kỷ niệm đã qua.

Một thằng bé mất dạy mười lăm tuổi tên là Isidore Duval, người ta thường gọi là Zidore cho tiện, được giao nhiệm vụ chăm sóc con vật này. Mùa đông, thằng bé phải mang đủ lượng rơm cỏ và yến mạch cho con ngựa ăn; còn mùa hè, ngày bốn lần nó phải lên sườn đồi, chỗ mà người ta vẫn thường buộc con vật còm cõi để chuyển chỗ đặt cọc cho con ngựa thỏa sức gặm những thảm cỏ tươi mơn mớn.

Con vật gần như sắp bại liệt, khó nhọc lắm mới nhấc nổi chân lên, từ móng tới đầu gối sưng to tướng. Bộ lông nó lâu lắm rồi không được chải, trông như đám tóc bạc trắng, đôi lông mày dài thượt khiến đôi mắt nó càng thêm vẻ sâu nảo.

Khi Zidore dẫn con ngựa ra bãi cỏ, nó thường phải kéo căng dây lỡi đi. Con vật chậm chạp quá nên thằng bé cứ cong người, thở hổn hển, xa xả nguyên rũa và tức điên vì phải chăm cái con nghèo già chề toi này.

Mọi người trong trang trại thấy Zidore nổi cáu với Coco thì vô cùng thích chí, lúc nào cũng nhắc tới con ngựa với Zidore để chọc tức thằng bé. Đám trẻ con cũng trêu đùa nó. Khắp cả làng gọi nó là Coco Zidore.

Thằng bé tức phát khóc, tự nhiên cảm thấy hanh muốn phải trả thù con ngựa già. Đó là một thằng bé gầy gò, cao lênh khênh, rất bần thủ, tóc đỏ quạch, dây và cứng đơ, dựng tua tủa. Trông nó có vẻ điên độn, nói ấp a ấp úng mãi mới được một câu, như thế ý nghĩ không thể thành hình trong cái đầu toàn bã đậu.

Đã từ lâu rồi, nó cứ thắc mắc sao người ta phải giữ lại Coco, phần nộ vì tốn của nuôi cái con vật vô dụng này. Từ dạo con ngựa thôi không làm việc nữa, Zidore nghĩ thật bất công khi cứ phải cho nó ăn. Nó bất bình vì yếm mạch thì đắt, thế mà lại lãng phí đồ vào một con ngựa què. Cho nên, mặc dù đã có lệnh của ông chủ Lucas, thằng bé vẫn thường xuyên xén bớt phần thức ăn của Coco, chỉ đổ cho nó một nửa, rút bớt cả rơm đẽm chuồng và cỏ khô đi. Một lòng căm thù lớn dần lên trong trí óc tăm tối của thằng

bé, lòng căm thù của một gã nông dân tham tàn, xảo trá, tàn nhẫn, hung bạo và hèn hạ.

Khi mùa hè quay trở lại là lúc thằng bé phải "chuyển cọc" cho con ngựa trên đồi. Đường đi rất xa. Mỗi sáng thằng bé lại càng thêm tức giận, dậm bước thịch thịch qua cánh đồng lúa mì. Những người làm ruộng kêu lên với nó, châm chọc:

"Này, Zidore! Cho chúng tớ chuyển lời hỏi thăm tới Coco nhé!".

Thằng bé không đáp một lời. Lúc đi qua hàng rào, nó bẻ một cái que. Khi đã chuyển chỗ buộc dây cương, nó để cho con vật bắt đầu gặm cỏ, sau đó, nó len lén lại gần và quất thật mạnh vào đúng khoeo chân. Con vật cố chạy trốn, giơ chân đá hậu, tránh những làn roi vun vút, xoay tròn quanh sợi cương như là bị nhốt chặt trong cái vòng. Thằng Zidore vùng roi điên cuồng, chạy sau con ngựa rất hăng, hai hàm răng nghiến chặt giận dữ.

Rồi nó chậm chạp bỏ về, không thêm ngoái lại, trong khi con Coco nhìn theo bằng cặp mắt già nua, hai bên sườn lồi lên, thở dốc vì cuộc chạy trốn. Và cái đầu xương xẩu bạc thếp của nó chỉ cúi xuống đăm cổ sau khi cái bóng áo xanh của gã nông dân non choẹt đã biến mất dạng phía xa.

Vì ban đêm cũng rất nóng nực nên giờ người ta để Coco ngủ ngoài trời luôn, ở bên khe suối, sau cánh rừng. Chỉ có Zidore thỉnh thoảng đảo qua chỗ đó.

Thằng bé còn rất khoái trò ném đá vào con ngựa. Nó ngồi cách con vật mười bước, trên một sườn dốc, chốc chốc lại liệng một hòn cuội sắc nhọn vào con ngựa khốn khổ trong suốt nửa giờ đồng hồ. Con vật đứng đó, bị buộc ngay trước mặt kẻ thù, nhìn thằng bé dã man không chớp mắt, không dám gặm cỏ trước khi nó bỏ đi.

Trong đầu thằng mất dạy luôn bám chặt ý nghĩ: "Sao lại phải chăm bẵm cái đồ ăn hại chẳng làm được gì thế này?" Đường như nó nghĩ con nghêo khốn nạn đang ăn cắp thức ăn của những con ngựa khác, ăn cắp tiền bạc của con người, ăn cắp của cải của Chúa trời và ăn cắp cả của nó, Zidore, vì nó phải làm việc vất vả.

Thế là mỗi ngày, thằng bé cho con vật ăn ít dần bằng cách buộc ngắn sợi dây cấm cọc lại.

Coco bị bỏ đói, gầy tẹp đi, héo hắt. Nó đã quá già yếu để giật tung cọc, đầu nó rướn hết sức về phía bãi cỏ xanh non tơ ngay cạnh đấy, mùi thơm tràn ngập mũi nó nhưng nó chẳng có cách nào chạm tới được.

Nhưng một sáng, Zidore nảy ra ý: chẳng cần đổi chỗ buộc cọc cho con Coco làm gì. Nó đã đi đi về về quá đủ cho cái bộ xương di động đó rồi.

Tuy nhiên, nó vẫn đến để thưởng thức men say của cuộc trả thù. Con ngựa lo lắng nhìn thằng bé. Hôm đó nó không đánh đập con vật. Nó cứ đi vòng quanh, tay rút túi. Thậm chí, nó còn làm ra vẻ

chuyển cọc ra chỗ khác, nhưng kỳ thực là nó cấm trả vào đúng chỗ cũ, rồi nó bỏ đi, sung sướng vì sáng kiến của mình.

Con ngựa thấy nó bỏ đi bèn hí vang gọi nó trở lại, nhưng thằng mất dạy vội vã bỏ chạy để nó lại một mình, cô độc trên bãi đất, bị buộc chặt, không có nổi một cọng cỏ để cho vào mồm.

Đói cồn cào, Coco cố nhòai ra bãi cỏ thơm ngon gần nhất, nhưng chỉ đầu mũi nó chạm được tới đó. Nó quỳ hai chân trước xuống, vươn dài cổ chìa cái mồm sùi bọt mép lên. Nhưng vô ích. Cả ngày hôm ấy, con vật già nua kiệt quệ trong những nỗ lực vô vọng, những nỗ lực khôn cùng. Con đói giầy vò nó, làm cho nó càng điên tiết hơn khi nhìn bãi cỏ xanh mát trải rộng tới tận chân trời.

Hết một ngày thằng Zidore không quay lại lần nào. Nó lang thang trong rừng, đi tìm tổ chim nghịch chơi.

Ngày hôm sau nó mới lại xuất hiện. Coco kiệt sức, nằm lim dim đói lả. Vừa thoáng thấy bóng thằng bé, nó lấy bầy đứng bật dậy, hy vọng rằng cuối cùng thì cũng được chuyển cọc sang chỗ khác.

Nhưng thằng bé nông dân thậm chí còn không chạm vào cái vồ ném trên đám cỏ. Nó tiến lại gần, nhìn con ngựa, ném vào mũi nó một cục đất làm bắn tung tóe lên bộ lông trắng xác xơ, rồi quay đi, mồm huýt sáo.

Con ngựa vẫn đứng nhìn theo bóng thằng bé chưa khuất hẳn, và như hiểu rằng tất cả mọi cố gắng để chạm tới đám cỏ bên cạnh đều vô ích, nó nằm soài xuống, nhắm mắt lại.

Ngày hôm sau, Zidore không đến.

Sang ngày kế tiếp, khi thằng bé lại gần Coco nằm bất động trên mặt đất, nó nhận ra con ngựa chết rồi.

Thằng mất dạy đứng đấy, nhìn con nghêo già, hài lòng về tác phẩm của mình, thậm chí còn hơi ngạc nhiên vì mọi chuyện kết thúc nhanh đến thế. Nó cầm một chân con ngựa, giơ lên rồi thả xuống, ngồi lên trên và cứ ở yên đó, mắt nhắm vào bãi cỏ, không nghĩ ngợi gì.

Nó quay về trang trại, nhưng không hé răng một lời về câu chuyện xảy ra, vì nó còn muốn được lông bông vào những giờ mà thường ngày nó phải đi chuyển cọc cho ngựa.

Hôm sau, nó lại ra chỗ con ngựa. Lũ quạ bay toán loạn khi thấy nó đến gần. Một đàn ruồi đông vô kể bu đen lấy cái xác chết và bay vo ve xung quanh.

Khi trở về, nó thông báo rằng con ngựa đã chết. Con vật đã quá già, đến nỗi chẳng ai thấy bất ngờ về chuyện đó. Ông chủ sai hai thằng đẩy tới:

"Mang xẻng đi! Chúng mày cứ đào một cái hố ở ngay chỗ nó chết ấy".

Và hai người này chôn con ngựa ở đúng cái nơi mà nó đã chết vì đói.

Và đám cỏ mọc lên tua tủa, xanh mướt, tốt tươi, nhờ được nuôi dưỡng bởi thân thể con vật khốn khổ.

THẰNG ĂN MÀY

Hắn đã từng biết đến những ngày sung sướng hơn, dù hắn nghèo kiệt xác và chỉ là một kẻ tàn tật.

Năm mười lăm tuổi, hai chân hắn bị gãy vì xe ngựa dè lên, ngay trên con lộ Varville. Từ dạo đó, hắn trở thành kẻ ăn mày lê dọc theo những con đường xin của bố thí, ghé ngang qua các trang trại, lác lư trên đôi nạng khiến cho vai hắn nhô lên tới tận mang tai, còn cái đầu hắn trông như bị ấn xuống giữa hai trái núi.

Lúc mới lọt lòng, hắn được vị linh mục vùng Billettes nhật trong một cái hố, ngay hôm trước ngày Lễ chúng sinh, vì thế nên người ta mới đặt tên cho hắn là Nicolas Toussaint. Hắn được nuôi lớn là nhờ lòng thương hại của mọi người, cả đời chưa một lần được đi học, bị cụt chân sau khi đã nốc cạn mấy cốc rượu được mời ở nhà người bán bánh mì trong làng, và thế là hắn thành một kẻ lang thang từ đó. Ngoài việc chìa tay ra xin, hắn không biết làm gì khác.

Dạo trước, bà nam tước Avary đã cho hắn một chỗ ngủ, đó là một cái ổ đầy rơm đặt cạnh chuồng gà

trong trang trại kế bên tòa lâu đài. Thế là những ngày đói kém liên miên, chắc chắn hấn sẽ được nhà bếp cho một mẩu bánh mỳ và một ly rượu chanh. Hấn cũng thường nhận được vài xu mà bà lão già ném xuống từ bậc thềm hay từ bậu cửa sổ phòng ngủ. Nhưng giờ bà cụ đã mất rồi.

Trong khắp các làng, rất hiếm khi người ta cho hấn cái gì. Họ đã biết hấn quá rõ, mệt mỏi vì hấn suốt bốn mươi năm nay. Họ chán ngán khi phải chứng kiến cảnh hấn lê hết túp lều này sang túp lều khác bằng tấm thân tàn tạ và dị dạng trên đôi chân gổ. Tuy thế, hấn không hề muốn bỏ đi tìm một nơi khác. Vì ngoài cái góc trời nhỏ có ba hay bốn ngôi làng thưa thớt mà hấn đã trải qua những tháng ngày khốn khổ của mình, hấn không biết gì khác trên trái đất này. Hấn tự vạch lãnh thổ xin ăn và chắc sẽ chẳng bao giờ dám vượt qua cái ranh giới ấy dù chỉ một lần trong đời, xưa nay hấn đã quen như thế.

Hấn không biết trái đất còn trải rộng rất xa sau những rặng cây luôn che kín tầm mắt. Hấn chẳng bao giờ tự hỏi mình về điều đó. Và khi những người nông dân, phát chán khi cứ luôn đụng mặt hấn bên bờ ruộng hay bên bờ nương kêu lên bảo: "Sao mày không cút sang làng khác mà cứ khua nạng khắp khiêng ở đây thế hả?", hấn im im và lùi đi, lòng dấy lên một nỗi lo sợ mơ hồ về những cái mới lạ, nỗi sợ của một kẻ ăn mày phải dè chừng đủ mọi thứ trên

đời, những khuôn mặt xa lạ, những lời chữa rửa khinh miệt, ánh mắt nghi ngờ của những người không biết hắn, và cả những ông đội đi tuần từng đôi một trên đường khiến cho hắn theo bản năng lẩn ngay vào bụi rậm hoặc nấp sau đồng đá dăm trốn biệt.

Khi thoáng thấy bóng họ từ xa, lấp loáng dưới ánh nắng mặt trời, đột nhiên hắn thấy mình trở nên nhanh nhẹn lạ thường, sự nhanh nhẹn của một con quỷ đi tìm chỗ ẩn nấp. Hắn lao xuống khỏi đôi nạng, để cho mình rơi như miếng giẻ rách, cuộn tròn lại, trở nên bé tẹo, rất khó phát hiện, co rúm như con thỏ rừng trốn trong hang, những miếng vải xơ xác màu nâu sậm trên người hắn xen lẫn với màu đất.

Dù vậy, hắn chưa từng gặp rắc rối với họ. Nhưng những điều đó vẫn ăn vào máu hắn, như thể hắn được thừa hưởng cả nỗi sợ và cái mưu mẹo kia từ cha mẹ mình, những người mà chính hắn cũng chưa từng gặp mặt.

Hắn không có chỗ nương náu, không một mái nhà, không một túp lều, không một nơi trú ẩn. Mùa hè hắn ngủ khắp nơi, còn mùa đông, hắn chui vào trong các kho thóc hay các chuồng bò bằng sự khéo léo tài tình. Hắn luôn lủi đi rất nhanh trước khi người ta kịp biết hắn có ở đấy. Hắn biết những lỗ hổng để luồn vào nhà, và vì phải chống nạng thường xuyên nên hai cánh tay hắn khỏe đến không ngờ, chỉ

cần dùng sức của hai nắm đấm mà hấn trèo lên tận tầng chứa cỏ, và thỉnh thoảng hấn ở yên trên đó suốt bốn, năm ngày liền, khi đã kiếm đủ lượng thức ăn cần thiết.

Hấn sống như loài thú rừng giữa mọi người, không quen biết ai, không yêu thương ai, chỉ nhận được từ những người nông dân sự khinh miệt đứng đưng và nổi thù địch phần nộ. Người ta đặt biệt danh cho hấn là "thằng Chuông", vì hấn lắc lư trên đôi chân gỗ y như cái chuông đưa qua đưa lại giữa hai cột đỡ.

Đã hai ngày nay, hấn không có gì vào bụng. Chẳng ai cho hấn chút nào. Cuối cùng thì người ta còn không muốn thấy hấn nữa. Các bà nông dân đứng trước cửa, nhìn thấy hấn đi đến từ xa đã kêu toáng lên:

"Thằng khốn, mau cuốn xéo khỏi đây ngay! Chẳng phải là mới ba hôm trước tao vừa cho mày một mẩu bánh rồi còn gì!".

Hấn đành phải quay đi, không dám lại gần nhà bảo trợ của mình, chống nạng sang phía nhà bên cạnh, nhưng ở đó người ta cũng tiếp đón hấn y như vậy.

Các bà truyền nhau, từ nhà này sang nhà khác:

"Dù sao thì cũng không thể nào cung phụng cái thằng lười chảy thây ấy quanh năm suốt tháng được".

Nhưng cái thằng lười chấy thây ấy lại cần phải ăn hàng ngày.

Hắn đã đảo khắp các làng Saint Hilaire, Varville và Billettes, không xin được một xu hay một mẩu bánh mỳ mốc. Hắn chỉ còn hy vọng ở Tournolles mà thôi; nhưng hắn sẽ phải lê lết hai dặm trên đường cái, và hắn thấy nản không muốn đi tiếp nữa, bụng cũng lép kẹp y như túi hắn vậy.

Dẫu thế hắn vẫn cứ đi.

Lúc này đang là tháng mười hai, gió lạnh thổi trên khắp cánh đồng, rít lên trong đám cành cây trơ trụi; những đám mây cuộn cuộn trôi trên bầu trời thấp và âm u, vội vã không biết về đâu. Gã què đi rất chậm, cố sức chống hai cái nạng từng bước từng bước một nặng nhọc, duỗi mình trên cái cẳng chân khoèo còn lại, bàn chân ở đầu bị ngoẹo vào trong và được quấn một miếng vải rách.

Thỉnh thoảng, hắn lại ngồi xuống bên bờ mương nghỉ vài phút. Cái đói làm hiện lên trong tâm hồn bề bộn và nặng nề của hắn nỗi cô đơn tuyệt vọng. Hắn chỉ có một ý nghĩ: "ăn", nhưng hắn không biết bằng cách nào.

Trong ba giờ, hắn khó nhọc vượt qua chặng đường dài; và khi nhận ra rằng cây quen thuộc của ngôi làng, hắn cố bước nhanh hơn.

Người nông dân đầu tiên mà hắn gặp và xin được bố thí trả lời:

"Lại là mày nữa à, thằng khốn! Vậy là mày không chịu tha cho tao sao?".

Và thằng Chuông lảng đi. Hết nhà này đến nhà khác, người ta đối xử thô bạo với hắn, đuổi hắn đi mà chẳng cho gì. Nhưng hắn vẫn cứ đi tiếp, nhẫn nhục và ngoan cố. Rốt cuộc cũng chẳng được xu nào.

Thế là hắn đến các trang trại, bước thấp bước cao trên con đường đất nhão nhoẹt sau cơn mưa, đôi lúc đến nỗi chẳng thể nhấc nổi cái nặng lên. Ở đâu người ta cũng chỉ xua đuổi. Đó là một trong những ngày lạnh giá và buồn tẻ khiến con tim se thắt lại, tâm tính dễ nổi giận và tâm hồn u ám, thế nên người ta cũng chẳng muốn chìa tay ra để ban ơn hay cứu giúp kẻ khác.

Khi đã ghé qua tất cả các nhà đã từng biết, hắn tìm đến góc con mương nhỏ trong sân nhà bác Chiquet để nghỉ. Hắn "làm xiếc" như người ta vẫn nói để chỉ việc hắn tự mình ngã khụy xuống bằng cách trượt hai cái nặng khỏi nách. Hắn nằm im rất lâu, bị cơn đói hành hạ, nhưng hắn quá đần độn để hiểu thấu nỗi khốn khổ cùng cực của mình.

Hắn chờ đợi gì không biết nữa, nhưng cũng giống như nỗi mong đợi cháy bỏng vẫn luôn tiềm ẩn trong chúng ta. Hắn chờ đợi ở góc sân này, dưới làn gió lạnh buốt, một sự cứu giúp bí ẩn giống như chúng ta thường hy vọng từ Chúa Trời hay từ người khác, không cần biết như thế nào, tại sao và nhờ ai mà đến

được với hấn. Một đàn gà mái lông đen đi ngang trước mặt hấn, bới tìm thức ăn trong lòng đất, người mẹ hiền nuôi sống mọi sinh vật trên đời. Chốc chốc, mỏ chúng lại mổ xuống nhặt một hạt thóc hay một con côn trùng không nhìn thấy được, sau đó chúng lại bắt đầu cuộc tìm kiếm tuy chậm mà chắc.

Thằng Chuông nhìn lũ gà mà không nghĩ ngợi gì, rồi chợt ùa đến với hấn, trong bụng hơn là trong đầu, một cảm giác hơn là một ý nghĩ, rằng nướng một con trong đám ấy trên đồng củi khô mà ăn thì chắc là tuyệt cú mèo...

Hấn tuyệt nhiên không nghĩ là mình đang phạm tội ăn trộm. Hấn nhặt một hòn đá trong tầm tay và vốn khéo léo nên hấn quăng hòn đá ném chết ngay một con gà ở gần nhất. Con vật đổ gục sang bên cạnh, quẫy cánh. Những con còn lại chạy toán loạn, ì ạch trên đôi chân mảnh khảnh, còn thằng Chuông lại vớ lấy hai cái nạng đi nhặt con mồi vừa săn được, cũng ì ạch chẳng khác lũ gà.

Khi hấn đến gần cái cơ thể nhỏ nhắn màu đen dính vài vệt đỏ trên đầu, một cú đẩy kinh hoàng dội vào lưng hấn làm cái nạng văng ra, hấn lộn nhào tới mười bước về phía trước. Bác Chiquet nổi trận lôi đình, lao vào thằng trộm vặt, nện cho hấn một trận như tử, đấm đá điên cuồng, như một ông nông dân bị mất cắp, nắm đấm và đầu gối giáng tới tấp xuống kẻ tàn tật không thể chống đỡ được.

Những người giúp việc trong trang trại chạy tới, đến lượt mình, họ cũng xông vào cùng với ông chủ hành hạ gã ăn mày. Sau khi đã đánh hấn đến mệt lử, họ nhốt hấn lên và lôi đi, nhốt vào gian chứa củi trong khi chờ đợi người đi báo cho đội cảnh binh.

Thằng Chuông thừa sống thiếu chết, máu me bê bết và kiệt sức vì đói nằm lịm trên mặt đất. Hết tối, qua đêm, rồi đến tận sáng hôm sau, hấn vẫn không được ăn chút gì.

Khoảng giữa trưa, người của đội hiến binh xuất hiện, mở cửa một cách thận trọng, chờ đợi một sự phản kháng vì bác Chiquet đã khẳng định rằng mình bị thằng vô lại tấn công và chỉ cố hết sức tự vệ mà thôi.

Viên đội quát lên:

"Nào, đứng lên".

Nhưng thằng Chuông không nhúc nhích nổi nữa, hấn cố sức dựng đôi nạng mà không được. Người ta tưởng hấn giả vờ, cố tình làm trò bịp bợm, thế là hai viên cảnh binh xông vào, túm chặt lấy hấn và thúc hấn chống nạng đứng dậy.

Nỗi sợ hãi lại dấy lên, nỗi sợ bẩm sinh những bao da chéo qua vai màu vàng, nỗi sợ của một con mối trước kẻ đi săn, của con chuột trước móng vuốt mèo. Và bằng một nỗ lực lạ thường, hấn đã đứng được dậy.

"Đi nào!", viên đội quát. Hấn lê chân. Tất cả mọi người trong trang trại nhìn theo. Các bà giờ nắm đấm về phía hấn, còn các ông cười khẩy, chửi rủa: Cuối cùng cũng tóm được hấn! Thế là rảnh nợ.

Hấn bước đi giữa hai tên lính. Hấn cố gom chút sức tàn lực kiệt để lê bước đến tận tối, u mê đi, không biết nổi điều gì đã đến, quá kinh hoàng để hiểu ra bất cứ gì.

Những người hấn gặp trên đường đều đứng lại nhìn hấn đi qua, mấy bác nông dân thì thào:

"Lại một thằng trộm cắp nào đấy!".

Khoảng nửa đêm thì họ tới trấn tổng. Chưa bao giờ hấn đến tận đây. Hấn thực sự không hình dung nổi chuyện gì đang xảy ra và điều gì đang đợi hấn. Tất cả những thứ khủng khiếp và bất ngờ này, những gương mặt và những ngôi nhà mới làm hấn rùng rờ.

Hấn không thốt nổi một lời, chẳng có gì để nói vì hấn đâu hiểu gì. Vả lại từ nhiều năm nay, hấn chẳng nói với ai nên gần như đã quên mất cách dùng lưỡi, cả đầu hấn cũng quá hỗn độn để tạo thành lời.

Người ta giam hấn trong trại lao của thị trấn. Những viên cảnh binh không nghĩ rằng hấn cần được ăn nên để mặc hấn đến tận hôm sau.

Nhưng sáng sớm, khi họ đến để tra hỏi thì thấy hấn đã chết rồi, nằm còng queo trên sàn. Thật là quá!

MỘT KẺ GIẾT CHA MẸ

Luật sư đã bào chữa cho một kẻ điên. Làm thế nào có thể giải thích khác hơn về cái tội ác kỳ lạ này?

Một sáng nọ, người ta đã tìm thấy trong đám lau sậy gần Chatou hai xác chết ôm ghì lấy nhau, một phụ nữ và một người đàn ông, hai người thượng lưu danh tiếng, giàu có, đã trung tuổi, mới lấy nhau năm ngoái, người phụ nữ là một góa phụ từ ba năm nay.

Người ta không biết ai là kẻ thù của họ, cả hai đều không bị lấy mất thứ gì. Dường như một kẻ nào đó đã ném họ từ trên bờ xuống sông, sau khi đã lần lượt đâm chết từng người một bằng chiếc đinh sắt dài.

Cuộc điều tra không phát hiện ra điều gì. Những người thường qua lại sông được thẩm vấn cũng không biết gì hết. Họ đang sắp sửa gác lại hồ sơ thì một gã thợ mộc trẻ ở làng bên cạnh tên là Georges Louis mà người ta thường gọi là "nhà tư sản" đột nhiên đến nhận tội và xin được ngồi tù.

Hỏi bất cứ điều gì, anh ta cũng chỉ trả lời thế này:

"Tôi biết người đàn ông từ hai năm nay, còn người phụ nữ thì mới sáu tháng. Họ thường xuyên đến nhờ tôi sửa giúp đồ đạc đã cũ, bởi vì tôi là một người thợ rất khéo tay".

Và khi người ta hỏi:

"Tại sao anh lại giết họ?".

Anh ta bướng bỉnh đáp:

"Tôi giết họ vì tôi muốn giết họ".

Thế là người ta chẳng biết thêm được gì.

Người này chắc hẳn là một đứa con hoang, ngày xưa được nhận về nuôi ở vùng này, sau đó bị bỏ rơi. Anh ta không có tên gì khác ngoài cái tên Georges Louis, nhưng vì càng lớn lên, anh ta càng trở nên thông minh khác thường với vẻ phong nhã và tinh tế thiên bẩm mà không một người cùng trang lứa nào có được nên người ta mới gán thêm cái biệt danh "nhà tư sản" cho anh ta, và từ đấy cứ gọi thế suốt. Anh ta tỏ ra vô cùng khéo léo trong nghề thợ mộc mà anh ta đã học được. Thậm chí anh còn biết chút ít về chạm khắc gỗ. Mọi người bảo anh ta ca tụng hết lời, thậm chí là mê cuồng tín với các giáo lý hư vô, một người rất ham đọc tiểu thuyết phiêu lưu hay những bi kịch đẫm máu, một cử tri rất có ảnh hưởng và là một diễn giả có tài trong những cuộc họp của đám thợ hay nông dân.

Luật sư đã biện hộ cho một kẻ điên.

Quả thực, người ta khó có thể chấp nhận được chuyện một người thợ giết chết những vị khách tốt nhất của mình, những người giàu có và hào phóng (chính anh ta đã công nhận điều đó), những người từ hai năm nay đã giúp anh ta kiếm được 3000 *franc* tiền công (sổ sách ghi lại thế). Chỉ có một lời giải thích cho hành động ấy: sự điên rồ, tư tưởng cố hữu của kẻ bị giáng xuống vị trí thấp kém muốn trả thù những kẻ tư sản bằng cách giết hai người đó, và viên luật sư đã ám chỉ khéo léo cái biệt danh "nhà tư sản" mà người ta gán cho kẻ bị bỏ rơi này, ông ta kêu lên:

"Đó chẳng phải là một lời mỉa mai sao, một lời mỉa mai càng thêm kích động chàng trai bất hạnh không cha không mẹ này? Anh là một người cộng hòa cuồng nhiệt. Tôi nói gì vậy? Anh ấy thuộc về cái đảng phái chính trị mà mới đây nền Cộng hòa còn xử bắn và đưa đi đày, bây giờ thì lại mở rộng vòng tay chào đón, cái đảng phái mà đảo chính là nguyên tắc còn giết người là phương tiện giản đơn.

Những học thuyết đáng buồn ấy hiện nay đang được nồng nhiệt chào đón trong các cuộc hội họp và đã làm hỏng con người này. Anh ấy đã bị những người cộng hòa lôi kéo, ngay cả các quý bà cũng vậy, vâng, tôi nói "các quý bà". Họ luôn muốn lấy máu của ngài Gambetta, máu của ngài Grévy, và tâm hồn yếu

đuôi của anh đã bị suy sụp, anh ấy đã muốn lấy máu, máu của những kẻ tư sản!

Anh ấy không đáng bị kết tội, thưa quý tòa, mà chính là Công xã!".

Những lời xi xào tán thưởng lan ra khắp phòng. Người ta cảm thấy rõ luật sư đã giành phần thắng. Người của viện kiểm sát không phản bác gì.

Thế là ngài chủ tọa hỏi bị can theo thông lệ:

"Bị cáo, anh có cần bổ sung thêm gì vào lời bào chữa không?".

Người thanh niên đứng dậy.

Anh ta có vóc người thấp bé, tóc màu vàng hoe, đôi mắt xám tập trung và trong sáng. Một giọng nói to, thẳng thắn và vang vọng cất lên từ chàng trai mảnh khảnh này khiến cho ngay từ những tiếng đầu tiên, mọi người đã phải thay đổi ý kiến về anh ta.

Anh ta cất cao giọng, lời nói có vẻ hoa mỹ nhưng rất rõ ràng, đến nỗi ở tận cuối căn phòng rộng thênh thang cũng có thể nghe thấy từng lời một:

"Thưa ngài Chánh án, bởi vì tôi không muốn phải đến ngôi nhà dành cho những kẻ điên và vì tôi thấy thích máy chém hơn nên tôi sẽ tiết lộ toàn bộ sự thật cho các ngài.

Tôi đã giết người đàn ông và người phụ nữ ấy bởi lẽ họ là cha mẹ tôi.

Bây giờ, xin hãy lắng nghe và phán xét tôi".

Một người đàn bà đã sinh hạ một đứa bé trai, nhưng lại gửi nó ở nơi nào đó nhờ người ta nuôi hộ. Chỉ tên cái vùng mà tên tông phạm đã mang đứa trẻ tới thôi, bà ta có biết không? Cái sinh linh nhỏ bé thật vô tội, nhưng lại bị kết án nghèo khổ suốt kiếp, phải mang nỗi nhục vì đã sinh ra bất hợp pháp, và hơn thế nữa, có thể nó sẽ phải chết, vì người ta sẽ bỏ rơi nó, vì khi người nhận nuôi không được lĩnh một khoản trợ cấp hằng tháng nữa, bà ta có thể làm như những người khác là bỏ mặc đứa bé ốm yếu, đói khát rồi chết trong cảnh bơ vơ.

Người phụ nữ đã cho tôi bú sữa là người lương thiện, lương thiện hơn, nữ tính hơn, cao quý hơn và đầy tình mẫu tử hơn mẹ đẻ tôi. Bà đã nuôi tôi khôn lớn. Bà đã nhầm khi làm việc này. Tốt hơn cả là để mặc những đứa trẻ khốn khổ bị vứt bỏ trong các làng ven ô như là người ta vứt rác ở bên đường.

Tôi lớn lên trong cảm giác lơ mơ rằng tôi mang trong mình một nỗi ô nhục. Một ngày nọ, những đứa trẻ khác gọi tôi là "thằng con hoang". Chúng không hiểu từ ấy nghĩa là gì, một đứa trong bọn nghe thấy bố mẹ nó nói như thế. Tôi cũng không biết như chúng, nhưng tôi cảm nhận thấy.

Có thể nói, tôi là một trong những học sinh thông minh nhất trường. Tôi đã có thể là một người phong nhã, thừa ngài Chánh án, thậm chí là một kẻ

thượng lưu, nếu cha mẹ tôi không gây nên tội ác là ruộng bỏ tôi.

Họ đã gây nên tội ác này để chống lại tôi. Tôi chính là nạn nhân, còn họ là thủ phạm. Tôi không biết tự vệ, còn họ thì không chút xót thương. Họ phải thương yêu tôi: nhưng họ lại quăng tôi đi.

Tôi nhờ có họ mới có cuộc đời, nhưng cuộc đời có phải là món quà được ban tặng? Cuộc đời tôi đâu có thể nào cũng chỉ là một điều bất hạnh. Sau sự ruộng rẫy đáng hổ thẹn của họ, tôi chỉ còn nợ họ mỗi sự báo thù. Họ đã thực hiện một hành vi vô nhân đạo nhất, bỉ ổi nhất, khủng khiếp nhất mà người ta có thể làm đối với một sinh linh để chống lại tôi.

Một người bị chửi rủa sẽ đánh trả, một người bị lấy cắp sẽ phải dùng sức mạnh để giành lại tài sản của anh ta. Một người bị phản bội, bị chơi đùa, bị đẩy dọa sẽ giết người, một người bị tát vào mặt sẽ giết người, một người bị làm nhục sẽ giết người. Tôi còn hơn tất cả những người bị lấy cắp, bị phản bội, bị đẩy dọa, bị ăn tát về mặt tinh thần, bị làm nhục mà các ngài đã xá miễn cho cơn giận dữ của họ.

Tôi đã trả thù, tôi đã giết họ. Đó là quyền chính đáng của tôi. Tôi đã lấy đi cuộc sống hạnh phúc của họ để đổi lại cuộc sống tối tăm mà họ đã bắt tôi phải chịu.

Các ngài đã nói tới tội danh giết hại cha mẹ! Liệu đó có phải là cha mẹ tôi không, những người mà

đối với họ, tôi chỉ là một gánh nặng ghê tởm, một nỗi khiếp sợ, một vết nhơ ô nhục, với họ sự ra đời của tôi là một nỗi bất hạnh lớn và cuộc đời tôi là một mối đe dọa như nhuốc? Họ tìm kiếm một thú vui ích kỷ, họ đã có một đứa con ngoài ý muốn. Họ đã gạt bỏ đứa bé. Đến lượt mình, tôi cũng làm thế đối với họ.

Nhưng rốt cuộc, tôi đã từng sẵn sàng yêu quý họ.

Như tôi đã nói, hai năm trước, người đàn ông, tức cha tôi đã bước vào nhà tôi lần đầu tiên. Ông ta đặt tôi lên hai chiếc ghế. Sau này tôi mới biết, ông đã dò hỏi ngài linh mục với điều kiện là phải giữ kín, tất nhiên rồi.

Ông ta thường xuyên trở lại, ông ta mang lại công việc cho tôi và trả rất hậu hĩ. Thậm chí thỉnh thoảng còn nói với tôi đảm ba câu chuyện nữa. Tôi cảm thấy quyến luyến ông ấy.

Đầu năm nay, ông ta dẫn theo vợ mình, tức là mẹ tôi. Khi bước vào, bà ấy run khiếp đến nỗi tôi cứ nghĩ bà ta mắc chứng bệnh động kinh. Rồi bà ta hỏi mượn một chiếc ghế và xin một cốc nước. Bà không cần nói một câu nào, nhìn đồ đạc trong nhà tôi về ngây dại, và mỗi khi ông chồng hỏi điều gì, bà ta chỉ trả lời "có" hoặc "không" mà cũng lẫn lộn lung tung. Khi bà ta về rồi, tôi đoán chắc bà ta hơi dở người.

Tháng sau bà ấy lại đến. Lần này có vẻ bình tĩnh hơn, tự chủ hơn. Hôm đó họ ở lại khá lâu chuyện gẫu với tôi, và họ đặt tôi một món hàng lớn. Tôi còn gặp

lại bà ta ba lần nữa, nhưng không đoán ra gì hết, cho đến một ngày, bà ta bắt đầu hỏi đến cuộc đời tôi, tuổi thơ của tôi và cha mẹ tôi. Tôi đáp: "Cha mẹ tôi, thưa bà, là những kẻ khốn nạn đã ruồng bỏ tôi". Thế là bà ta đưa tay ôm ngực và ngã lảo đảo ra bất tỉnh. Ngay lập tức tôi nghĩ: "Đây là mẹ mình" nhưng tôi cố giấu để họ không nhận ra. Tôi muốn thấy bà ấy quay trở lại.

Về phần mình, tôi cũng tự dò la tin tức. Tôi biết rằng họ chỉ mới cưới nhau hồi tháng bảy năm ngoái, mẹ tôi đã góa chồng được ba năm nay. Người ta thì thầm bàn tán rằng họ đã yêu nhau từ khi người chồng quá cố hãy còn sống, nhưng không có bằng chứng gì. Tôi chính là cái bằng chứng đấy, cái bằng chứng mà đầu tiên họ muốn che giấu, sau đó lại muốn tiêu hủy.

Tôi chờ đợi. Một buổi tối bà ấy lại xuất hiện, vẫn có ông chồng đi kèm. Hôm đó, bà ta có vẻ cực kỳ xúc động, tôi không biết tại sao. Rồi, trước lúc ra về, bà ta bảo tôi: "Tôi chỉ muốn điều tốt cho anh, bởi vì tôi thấy anh có vẻ là một chàng trai lương thiện và là một người lao động; chắc hẳn anh cũng nghĩ đến một ngày nào đó anh sẽ kết hôn; tôi đến để giúp anh tự do lựa chọn người phụ nữ phù hợp với mình. Tôi, tôi đã một lần bị ép phải kết hôn, và tôi đã biết nỗi đau khổ mà người ta phải chịu đựng. Giờ thì tôi giàu có, không có con, tự do làm chủ tài sản của mình. Đây là của hồi môn cho anh".

Bà ta chìa cho tôi một phong bì lớn dán kín.

Tôi nhìn bà chăm chăm, sau đó tôi nói: "Bà là mẹ tôi?".

Bà ta thụt lùi ba bước và đưa tay lên che mắt để khỏi nhìn thấy tôi nữa. Ông ta, người đàn ông, cha tôi ấy, đỡ bà ta trong tay và gào lên với tôi: "Anh là thằng điên!".

Tôi trả lời: "Hoàn toàn không! Tôi biết rõ ông bà là cha mẹ tôi. Hai người không lừa được tôi đâu. Hãy thú nhận điều đó đi, và tôi sẽ giữ kín bí mật. Tôi không hề muốn có ông bà, tôi vẫn sẽ là tôi thôi, một người thợ mộc".

Ông ta lùi ra phía cửa, diu theo bà vợ đang bắt đầu nức nở. Tôi chạy ra khóa cửa, đút tọt chìa khóa vào túi và nói:

"Nhìn bà ấy xem, và ông cứ phủ nhận bà ấy là mẹ tôi đi!".

Thế là ông ta nổi khùng lên, mặt tái nhợt, kinh hoàng khi nghĩ rằng vụ tai tiếng được che đậy tới tận lúc này đột nhiên bung ra, rồi địa vị, tiếng tăm và danh dự của họ sẽ tan thành mây khói trong phút chốc, và ông ta lắp bắp: "Anh là một thằng vô lại muốn tống tiền chúng ta. Vậy thì hãy làm điều tốt cho quần chúng đi, cái bọn thô lỗ ấy, hãy giúp chúng đi, giúp chúng đi!".

Mẹ tôi, cuống cuống, lặp đi lặp lại: "Chúng ta về thôi! Chúng ta về thôi!".

Nhưng vì cửa bị khóa nên ông ta kêu: "Nếu anh không mở cửa ngay lập tức, tôi sẽ báo cho người ta tống anh vào tù vì tội đe dọa và hành hung người khác!"

Tôi vẫn giữ được tự chủ, tôi mở cửa và nhìn họ khuất vào trong bóng tối.

Đột nhiên tôi cảm thấy rằng mình lại vừa bị trở thành kẻ mồ côi, bị ruồng rẫy, bị đẩy vào chỗ nhơ nhớp. Một nỗi buồn kinh khủng xen lẫn cơn giận dữ, lòng căm thù và sự khinh bỉ xâm chiếm lấy tôi, dường như tôi muốn vùng dậy bằng cả con người mình, sự vùng dậy của công lý, của lẽ phải, của danh dự, của tình thương yêu bị ném bỏ. Tôi bắt đầu chạy đuổi theo họ dọc sông Seine vì họ phải đi đường đó mới tới được ga Chatou.

Chẳng bao lâu tôi đã đuổi kịp họ. Màn đêm tối thăm một màu. Tôi nhẹ nhàng bước trên cỏ để họ không phát hiện ra. Mẹ tôi vẫn đang khóc. Cha tôi nói: "Đấy là lỗi của mình. Sao mình lại cứ đòi đến gặp nó! Điều đó thật điên rồ trong hoàn cảnh của chúng ta. Chúng ta có thể giúp nó từ xa cũng được, không cần phải lộ mặt ra. Chúng ta đâu thể công khai nhận nó, vậy thì cần gì những cuộc viếng thăm nguy hiểm này?".

Thế là tôi lao mình trước họ, cầu xin. Tôi đáp ứng: "Ông bà thấy đấy, rõ ràng ông bà là cha mẹ tôi. Ông

bà đã rút tôi một lần rồi, ông bà lại muốn gặt bỏ tôi một lần nữa sao?"

Vậy mà, thưa ngài Chánh án, ông ta lại giơ tay lên trước mặt tôi, tôi xin thề trước danh dự, trước pháp luật, trước nền Cộng hòa đó là sự thật. Ông ta đánh tôi, và vì bị tôi túm lấy cổ áo, ông ta rút từ trong túi ra một khẩu súng.

Tôi nóng bừng bừng, không biết gì nữa, tôi có một chiếc compa trong túi, tôi đã đâm ông ta, đâm ông ta hết sức có thể.

Bà vợ bắt đầu kêu lên: "Cứu tôi với! Có kẻ giết người!" và điên cuồng giật râu của tôi. Hình như tôi cũng đã giết chết bà ấy. Liệu tôi có thể biết mình đã làm gì lúc ấy, được không?

Rồi khi tôi thấy cả hai người nằm lăn trên đất, tôi đã quăng họ xuống sông Seine mà chẳng nghĩ ngợi gì.

Vậy đấy! Bây giờ thì, hãy phán xử tôi đi!

Bị cáo ngồi xuống. Trước điều tiết lộ ấy, vụ án được để đến phiên xét xử lần sau. Sẽ không lâu đâu. Nếu chúng ta là người phán xử, chúng ta sẽ quyết định thế nào với kẻ mang tội giết cha mẹ này?

ĐỨA CON

Ông Lemonnier sống cảnh gà trống nuôi con cùng với một đứa con trai. Ông ta yêu đến phát điên vợ mình, một tình yêu cuồng nhiệt và thắm thiết không lúc nào ngơi trong cả quãng đời họ cùng chung sống. Đó là một người đàn ông tốt bụng, tử tế, sống giản dị, rất giản dị, thành thực, không nghi kỵ và thủ đoạn.

Dem lòng yêu cô hàng xóm nghèo, ông ta hỏi cưới cô làm vợ. Nghề buôn dạ của ông ta cũng khá, kiếm không ít tiền, và không một giây phút nào ông nghi ngờ cô gái trẻ đã chấp nhận về làm vợ mình vì tư lợi.

Nàng đã thực sự làm cho ông thấy hạnh phúc. Ông chỉ thấy mỗi nàng, lúc nào cũng nghĩ về nàng, ngắm nàng mãi không dứt bằng đôi mắt của kẻ si tình quy lụy. Trong bữa ăn, ông biến thành kẻ vô cùng hậu đậu chỉ vì không thể rời mắt khỏi gương mặt người vợ yêu, ông rót rượu vào đĩa, rót nước vào lọ muối, rồi sau đó cười như một đứa trẻ, nhắc đi nhắc lại:

"Tôi yêu mình quá đi mất, mình thấy chưa! Vì yêu mình mà tôi gây ra hàng đống những chuyện ngốc nghếch này".

Nàng mỉm cười, vẻ bình thản và nhần nhục, rồi đưa mắt nhìn chỗ khác như thể thấy khó chịu vì nỗi si tình của chồng, nàng cố tìm cách làm cho ông phải lên tiếng, phải chuyện trò về bất cứ điều gì, nhưng ông lại nắm lấy tay nàng ở phía bên kia bàn, giữ chặt trong tay và thì thầm:

"Jeanne yêu dấu! Người vợ bé bỏng yêu dấu của tôi!".

Rốt cuộc nàng không thể kiên nhẫn thêm được nữa và nói:

"Thôi nào! Xem mình kìa! Hãy tỏ ra biết điều một chút chứ. Mình ăn đi, và để yên cho tôi ăn nữa".

Ông ta thở dài và ngoạm một miếng bánh mì, sau đó nhai rất chậm rãi.

Suốt năm năm trời, họ không có một mụn con. Nhưng rồi bỗng nhiên, nàng mang thai. Đó là một niềm hạnh phúc tột độ. Ông chồng không rời nàng lúc nào trong suốt thời kỳ thai nghén, đến nỗi mà bà vú già, người đã nuôi dạy ông từ nhỏ và khá được nể trọng trong nhà thỉnh thoảng lại phải đẩy ông ra ngoài, khóa cửa lại để bắt ông phải đi hít thở khí trời.

Ông có mối quan hệ bạn bè thân thiết với một chàng trai trẻ đã quen vợ ông từ thu ấu thơ và hiện là phó Chánh văn phòng Tỉnh trưởng. Anh chàng

Duretour đến ăn tối ba lần một tuần ở nhà ông Lemonnier, lần nào cũng mang hoa đến tặng phu nhân, thỉnh thoảng lại là đôi vé xem hát, và thường vào bữa tráng miệng, ông Lemonnier tốt bụng lại quay sang phía vợ kêu lên: "Có được một người vợ như mình và một người bạn như cậu ấy, thật người ta đã hoàn toàn hạnh phúc trên cõi đời này".

Nàng đã chết khi sinh nở. Ông tưởng mình cũng không sống nổi nữa. Nhưng nhìn thấy đứa con mà ông mới có thêm chút nghị lực: một sinh linh bé bỏng đang co rúm lại và khóc ư ử.

Ông yêu nó bằng một tình yêu say mê và đau đớn, một thứ tình yêu bệnh hoạn, vừa lưu giữ những ám ảnh về cái chết lại vừa nảy sinh một điều gì đó như là sự cuồng si đối với người vợ vừa mới qua đời. Đó là máu thịt của vợ ông, là niềm sống mà nàng để lại như thể nàng muốn gửi gắm những gì tinh túy nhất cho ông. Nó đây, đứa con của họ, cuộc đời nó bắt nguồn từ một cơ thể khác: mẹ nó đã ra đi để nó được tồn tại. - Người cha siết chặt đứa con vào lòng. - Nhưng chính nó đã giết vợ ông, đứa trẻ này, nó đã giành lấy, đã đánh cắp sự sống huyền diệu, nó đã được nuôi dưỡng và hút cạn sinh lực của nàng. - Ông Lemonnier đặt con trai vào nôi, ngồi xuống bên cạnh để ngắm nó. Ông ngồi lặng như vậy hàng giờ liền, vừa nhìn con vừa nghĩ tới muôn vàn chuyện đau

đón êm dịu. Và khi đứa bé ngủ thiếp đi, ông cúi xuống sát mặt nó khóc vui trong đám đăng ten.

Đứa trẻ lớn dần. Ông bố không thể rời xa con dù chỉ một giờ, ông cứ lượn xung quanh nó, dắt nó đi chơi, tự tay mặc quần áo, tắm rửa và cho nó ăn. Bạn của ông, anh chàng Duretourt có vẻ như cũng rất yêu mến đứa bé này. Anh ta ôm ghì lấy nó với lòng yêu thương cuồng nhiệt mà thường chỉ những bậc làm cha làm mẹ mới có. Anh ta tung nó trong đôi cánh tay, cho nó chơi cưỡi ngựa hàng giờ liền trên một chân của mình, rồi bất chợt ngả nó ra trên hai đầu gối, vén chiếc tã ngắn lên thớm vào cặp đùi mập mạp và cả cái vật tròn xinh xắn mềm mại của thằng bé. Ông Lemonnier sung sướng, thì thầm:

"Nó đáng yêu chưa, nó đáng yêu chưa!"

Và anh chàng Duretourt siết chặt đứa bé trong tay, cù vào cổ nó bằng bộ râu rậm rạp của mình.

Chỉ có Céleste, bà vú già là chẳng có vẻ gì yêu mến đứa trẻ. Bà luôn phát cáu về những trò tinh nghịch của nó và có vẻ bức bối vì những cử chỉ âu yếm vượt vẻ mơn trớn của hai người đàn ông. Bà kêu lên:

"Người ta có thể nuôi dạy một đứa trẻ như vậy sao! Các ông sẽ biến nó thành con khỉ mất".

Nhiều năm nữa trôi qua, và Jean giờ đã chín tuổi. Khó khăn lắm nó mới biết đọc, vì nó được cưng chiều hết mực và bao giờ cũng chỉ làm theo ý mình. Nó luôn luôn có những cơn mè nheo dai dẳng, sự chống đối ngoan cố và cả những cơn tức tối hung hăng. Ông bố lúc nào cũng phải chịu nhượng bộ, đồng ý tất. Anh chàng Duretour thì không ngớt mua đến những thứ đồ chơi mà thằng bé thích, cho nó ăn toàn bánh với kẹo.

Thế là Céleste nổi khùng, kêu lên:

"Điều đó thật đáng hổ thẹn, thưa ông, đáng hổ thẹn! Ông đã làm hại đứa trẻ này, làm hại nó, ông nghe rõ chứ? Chuyện đó cần phải chấm dứt, phải, phải, sẽ chấm dứt, tôi nói với ông như thế, và tôi xin hứa là sẽ như thế, không lâu nữa đâu!".

Ông Lemonnier mỉm cười đáp:

"Vú muốn gì đây, vú già của tôi? Tôi yêu nó quá đi mất, tôi chẳng biết cách nào từ chối nó. Có lẽ phải nhờ vú ra tay thật...".

Jean không được khỏe, nó còn hơi ốm nữa là khác. Bác sỹ đã phát hiện ra chứng thiếu máu nên đã bắt nó phải ăn thức ăn có chất sắt, thịt đỏ và cả súp thịt nữa.

Thế nhưng, thằng bé chỉ thích có mỗi bánh ngọt và từ chối tất cả các loại thức ăn khác nên ông bố, tuyệt vọng, nhồi cho nó hàng đống bánh kem nhân táo phết sôcôla.

Một buổi tối, khi họ đã ngồi vào bàn, đối diện nhau, Céleste bê liền súp ra với vẻ cương quyết và độc đoán mà thường ngày bà không hề có. Bỗng nhiên, bà mở nắp ra, để cái muôi vào giữa và bảo:

"Đây là món canh súp mà trước đây tôi chưa từng nấu cho hai người. Lần này thằng bé phải ăn đấy".

Ông Lemonnier lo lắng, cúi đầu xuống. Ông thấy đầu óc quay cuồng.

Céleste cầm lấy đĩa của ông bà, múc đầy súp rồi đặt trước mặt ông.

Ông ném ngay lập tức món canh súp, tấm tắc khen:

"Đúng là ngon tuyệt!".

Rồi bà vù lấy cái đĩa của đứa bé và múc một thìa đầy. Sau đó bà lùi lại hai bước và chờ.

Jean ghé mũi ngửi, đẩy cái đĩa ra và nhăn mũi "tởm", vẻ khó chịu. Céleste giận tái mặt, đột nhiên bước lại, nắm lấy cái thìa, cố sức nhét cả một thìa đầy súp vào cái mồm khép hờ của thằng bé.

Nó bị nghẹn, họ sặc sụa, hắt hơi, nhổ phì phì và rú lên, tay nó chop lấy chiếc cốc ném thẳng về phía bà vú già. Cái cốc trúng ngay giữa bụng. Thế là tức điên lên, bà kẹp đầu thằng bé trong cánh tay mình và bắt đầu tống liên tục mấy thìa súp vào họng nó. Nó cứ oẹ hết ra, chân giãy giụa, người uốn cong, uất

ức, tay dấm vào người bà vú, mặt đỏ tía như thể sắp chết ngạt.

Thoạt đầu ông bố ngạc nhiên đến nỗi không làm được gì. Rồi bất thành linh, ông ta nhào lên với cơn thịnh nộ điên cuồng, nắm lấy cổ bà giúp việc và ấn vào tường. Ông ta lắp bắp:

"Cút ra!... Cút ra!... Cút ra ngay!... Đồ thô bạo!".

Nhưng bà vú, sau phút choáng váng đã đẩy lùi ông ta lại, đầu tóc rối bù, chiếc tạp dề lật ra sau lưng, cặp mắt tóa lửa, hét lên:

"Ông làm sao thế hả? Ông muốn đánh tôi bởi vì tôi cho thằng bé mà ông sắp giết chết bằng cái đồng bánh ngọt ấy ăn súp à?".

Ông ta nhắc lại, run bần bật từ đầu đến chân.

"Ra ngoài!... Cút đi!... Cút đi, đồ thô bạo!...".

Bà vú vô cùng giận dữ, tiến đến trước mặt ông ta, nhìn xoáy vào mắt, giọng run run:

"Ah!... Ông tin rằng... Ông tin rằng ông có thể đối xử với tôi như thế hả?... Ah! không đâu... Vì ai, vì ai cơ chứ?... Vì cái thằng oắt con không phải là của ông này à?... Không... nó không phải là con ông... không phải là con ông... không một chút nào của ông hết... Tất cả mọi người đều biết thế, trời ạ, chỉ trừ ông thôi... Ông thử hỏi bác bán thịt, bán đồ khô hay bán bánh mỳ xem, hỏi tất cả, tất cả mọi người ấy...".

Bà nói đứt quãng, câu được câu chăng vì tức giận, sau đó bà im bật, nhìn ông ta.

Ông Lemonnier không nhúc nhích, tím tái, hai cánh tay buông thõng thướt. Vài giây sau, ông lúng búng bằng một giọng yếu ớt, run rẩy ẩn chứa một nỗi xúc động ghê gớm:

"Vú nói... Vú nói... Vú nói gì?".

Bà im lặng, hoảng sợ khuôn mặt ông ta. Ông tiến thêm bước nữa, nhắc lại:

"Vú nói... Vú nói gì?".

Thế là bà vú đáp lại, giọng bình tĩnh:

"Tôi nói điều mà tôi biết, tất nhiên rồi! Điều mà mọi người đều biết".

Ông ta giơ hai tay lên, lao về phía bà vú như con thú bị thương, cố quật ngã bà. Nhưng bà hãy còn khỏe mặc dù đã già, và nhanh nhẹn nữa. Bà luồn qua cánh tay ông ta, chạy vòng quanh bàn, nổi tức giận lại bùng lên, bà kêu the the:

"Ông nhìn nó đi! Vây thì hãy nhìn nó đi! Ông thật là ngốc, đấy chẳng phải là chân dung của ông Duretour sao? Nào, nhìn mắt nó, mũi nó xem, ông có giống như thế không? Mắt nó? Mũi nó ấy? Cả tóc nữa? Bà nhà ông có thể không? Tôi đã nói cả thế giới này đều biết tổng rồi, chỉ trừ có ông! Đấy là trò cười cho cả thành phố! Cứ nhìn nó đi!...".

Bà lao về phía cửa, mở ra và biến mất.

Jean kinh hoàng, ngồi bất động trước đĩa súp của nó.

Khoảng một tiếng sau, bà vú già quay trở lại, rất khê khàng, để xem mọi chuyện thế nào. Thằng bé sau khi chén sạch cái bánh ngọt, một ly kem và ly nước lê dầm đường, giờ đang ngoáy lọ mút bằng cái thìa ăn súp lúc nãy.

Ông bố đã ra khỏi phòng.

Céleste tóm lấy đứa bé, bế lên và nhẹ nhàng đưa nó lên buồng, cho nó đi ngủ. Rồi bà trở lại phòng ăn, dọn bàn, sắp xếp lại tất cả, rất lo lắng.

Người ta không nghe thấy một tiếng động nào trong nhà, hoàn toàn im ắng. Bà vú ghé sát tai vào cánh cửa buồng ông chủ. Ông ta không đi lại gì hết. Bà ghé mắt nhòm qua ổ khóa. Ông đang viết, có vẻ rất bình thản.

Thế là bà quay lại ngồi trong bếp, sẵn sàng cho bất kỳ tình huống nào, bởi vì bà đã linh cảm thấy có chuyện gì đó.

Bà ngủ thiếp đi trên ghế, mãi sáng hôm sau mới tỉnh giấc.

Bà làm mọi việc, như thói quen mỗi sáng của mình, bà quét nhà, giữ bụi, và, khoảng 8 giờ, bà chuẩn bị cà phê cho ông Lemonnier.

Nhưng bà không dám mang lên cho ông chủ, lo lắng không biết ông sẽ tỏ thái độ thế nào với mình; bà đợi ông rung chuông. Ông ta không hề rung chuông gọi. 9 giờ, rồi đến tận 10 giờ vẫn không thấy gì.

Céleste sợ hãi, chuẩn bị khay và bước đi, tìm đập thành thịch. Đến trước cửa, bà dừng lại nghe ngóng. Không một tiếng động. Bà gõ cửa, chẳng có tiếng trả lời. Thu hết can đảm, bà đẩy cửa ra, bước vào, rồi bỗng thét lên một tiếng kêu khủng khiếp, hất tung cả bữa trưa mà bà bê trên tay.

Ông Lemonnier treo lủng lẳng ngay giữa phòng, cổ ngoác vào một sợi dây nối với trần nhà. Lưỡi ông ta thè ra thật ghê rợn. Chiếc giày bên phải tuột khỏi chân, rơi xuống đất. Chiếc bên trái vẫn còn nguyên ở chân. Một chiếc ghế tựa bị lật đổ lăn tới tận giường.

Céleste điên loạn, vừa bỏ chạy vừa hét toáng lên. Tất cả hàng xóm đổ xô đến. Viên bác sĩ nhận định là ông ta chết vào khoảng nửa đêm.

Một bức thư gửi cho anh chàng Duretour được tìm thấy trên bàn của ông bố vừa tự tử. Trên đó chỉ viết mấy lời ngắn ngủi:

"Tôi đi trước và xin gửi lại anh thằng bé".

MỎM NÚI CHIM CÁNH CỤT

Giờ đang là mùa chim cánh cụt.

Từ tháng tư đến cuối tháng năm, trước mùa những người Pari đến tắm biển, người ta thấy đột nhiên xuất hiện trên bãi biển Étretat xinh xắn mấy ông già đứng tuổi đi giày boots, bộ quần áo sẫm nạm nạm gọn gàng. Họ nghỉ lại bốn, năm ngày ở khách sạn Hauville, đột ngột biến mất, rồi ba tuần sau lại xuất hiện, nghỉ thêm vài ngày nữa rồi mới thực sự đi hẳn.

Người ta gặp lại họ vào mùa xuân năm sau.

Đó là những thợ săn chim cánh cụt cuối cùng còn sót lại từ ngày xưa vì cách đây ba, bốn mươi năm, họ có khoảng hai mươi người rất cuồng tín. Giờ thì chỉ có mấy tay súng còn hăng say thôi.

Chim cánh cụt là loài di cư rất hiếm, chúng có những thói quen thật lạ thường. Hầu như quanh năm chúng sinh sống ở vùng biển Terre Neuve (Đất Mới), trên các đảo Saint Pierre (Thánh Pi-e) và Miquelon; nhưng đến mùa tìm bạn, một đàn chim di cư sẽ vượt Đại Tây Dương, và năm nào cũng thế, chúng đến đẻ và ấp trứng ở đúng một chỗ, mỏm đá có

tên "Chim cánh cụt", gần Étretat. Người ta chỉ thấy chúng ở đó, duy nhất ở đó thôi. Năm nào chúng cũng đến, năm nào người ta cũng săn đuổi, nhưng chúng vẫn luôn luôn ở lại. Và ngay khi lũ chim non đủ lông đủ cánh, chúng lên đường, biến mất trong một năm.

Tại sao không bao giờ chúng đến nơi khác, không chọn một điểm dừng mới trên cả cái bờ biển trắng xóa dài dằng dặc, chỗ nào cũng giống chỗ nào, suốt từ Pas-de-Calais đến tận Havre? Phải chăng có một sức mạnh, một bản năng không sao cưỡng lại, cả thói quen hàng ngàn đời đã đưa lũ chim trở lại nơi đây? Hay cuộc di cư đầu tiên nào đó, một cơn bão khủng khiếp đã ném xác cha chúng xuống mỏm núi ấy? Tại sao lũ chim đời con, đời cháu, đời chắt... và bao đời kế tiếp của những cơn chim đầu tiên luôn luôn quay trở về?

Chúng không đông lắm, chỉ khoảng hơn trăm con, như là chỉ có duy nhất một gia đình có truyền thống hành hương hàng năm.

Và mỗi độ xuân về, ngay khi cái bộ tộc nho nhỏ ấy đặt chân lên mỏm đá thì vẫn những người thợ săn kia cũng xuất hiện trở lại trong làng. Dân làng biết họ từ xưa, lúc họ còn trẻ, nay họ đã già rồi, nhưng vẫn luôn trung thành với cuộc hẹn thường niên đã bắt đầu từ ba, bốn mươi năm trước.

Không gì trên đời này có thể khiến họ lỡ hẹn.

Đó là một buổi tối tháng tư mấy năm trở lại đây. Ba người trong số đám thợ săn chim cánh cụt ngày xưa vừa mới đến, một người trong số họ vắng mặt, ông Arnelles.

Ông ta không hề viết thư cho ai, cũng chẳng có tin tức gì! Nhưng tất nhiên ông ấy chưa chết, giống như những người kia; sau mọi người đều biết thế. Rốt cuộc, một mỗi vì chờ đợi, những người đến trước ngồi vào bàn; và khi bữa tối sắp kết thúc, một chiếc xe ngựa lượn hằn vào sân khách sạn, chẳng mấy chốc kẻ đến muộn bước vào.

Ông ta ngồi xuống, vui vẻ, hai tay xoa vào nhau rồi bắt đầu chén ngon lành, và khi một người thắc mắc vì ông ta vẫn đang mặc áo lễ, ông thản nhiên đáp:

"Vâng, tôi chẳng có thời gian để mà thay đồ".

Họ rời bàn và đi ngủ ngay, vì muốn tóm được lũ chim thì phải đi trước khi trời sáng.

Không gì sánh được cuộc đi săn này, một cuộc dạo chơi lúc tờ mờ sáng.

Mới 3 giờ, các thủy thủ trên tàu đã đánh thức đám thợ săn dậy bằng cách ném cát vào cửa kính. Một phút sau, họ đã sẵn sàng và bước xuống bãi sỏi. Mặc dù bình minh còn chưa hé lộ phía chân trời, những ngôi sao đã mờ nhạt hẳn, biển xô đám đá cuội lạo xạo, và gió lạnh đến nỗi người ta thấy rùng mình, mặc dù đã chất hàng đồng áo quần ngồn ngộn.

Phút chốc, hai chiếc thuyền bị cả mấy người xúm vào đẩy đã lao thẳng ra khỏi triển đá dốc làm dội lên một thứ âm thanh như tiếng xé vải và đập dềnh trên những con sóng đầu tiên. Cánh buồm nâu được kéo lên, mới đầu hơi phồng một chút, ngập ngừng, do dự, rồi bung ra một lần nữa, căng tròn no gió; nó đẩy cả thân thuyền được quét hắc ín về phía cánh cửa lớn ở hạ lưu mà người ta thấy lơ mờ trong bóng tối.

Bầu trời sáng dần lên, bóng tối như đang tan chảy; bờ biển hiện ra dưới lớp voan mỏng, một dải trắng toát hun hút, dựng đứng như một bức thành.

Họ vượt qua cửa Manne, mái vòm khổng lồ mà cả một chiến hạm cũng có thể lọt qua được; họ bỏ lại đằng sau mũi Courtine, còn đây là thung lũng Antifer, cả mũi đất nhô ra cũng mang tên như vậy; rồi đột nhiên họ nhận thấy một vùng có hàng trăm con chim đang đậu. Mỏm Chim cánh cụt đây rồi.

Đó đơn giản chỉ là một vách núi trời lên, và trên gờ đá chật chội ấy, những cái đầu chim nhấp nhô, ngó xuống hai chiếc thuyền.

Chúng ở đó, bất động, chờ đợi, không thêm liêu mình bỏ đi. Một vài con ở mép đá chìa ra, trông có vẻ như ngồi trên đầu mấy con phía sau, giống hệt hình một cái chai bởi vì chân chúng quá ngắn, ngắn đến nỗi khi chúng đi, người ta tưởng chúng đang trượt trên hai bánh, và để bay lên, chúng không thể lấy đà, cho nên phải thả mình rơi xuống như những hòn đá,

gần như là xuống tới tận chỗ những kẻ đang rình rập chúng dưới kia.

Chúng biết nhược điểm ấy của mình, cả nỗi hiểm nguy mà nó mang lại, và chúng không bỏ chạy cuống cuống.

Những đám thủy thủ bắt đầu gào thét, những mái chèo gõ vào thành tàu. Lũ chim hoảng sợ, từng con một lao xuống khoảng không, cuống quýt tới sát những ngọn sóng, tiếp đó những đôi cánh vỗ dồn dập, chúng lao đi, lao ra tới biển nếu không bị loạt đạn chì quăng xuống mặt nước.

Trong hàng giờ liền, mấy người thợ săn nã súng như thế, ép lũ chim phải bỏ đi, từng con một. Thành thạo, những con chim mái miệt mài ấp trứng, nhất quyết không chịu rời tổ lại trứng phải mấy phát đạn liền làm những giọt máu hồng bắn tung tóe trên nền đá trắng; con chim thở hắt ra, nhưng vẫn không rời tổ.

Ngày đầu tiên, ông Arnelles đi săn hào hứng như thường lệ, nhưng khi họ quay về khoảng 10 giờ, dưới ánh mặt trời chói lọi trên cao chiếu từng chùm nắng trên những vết lõm trắng toát bên sườn núi, ông tỏ ra hơi lo lắng, đôi lúc như đang mê sảng, khác hẳn thói quen hàng ngày.

Và khi họ về tới chỗ nghỉ, một người trông như một gia nhân mặc đồ đen đến thì thầm to nhỏ với ông. Ông ta có vẻ suy nghĩ rất lung, ngần ngừ rồi nói: "Không, để ngày mai".

Và, ngày hôm sau, cuộc đi săn lại bắt đầu. Lần này thì ông Arnelles toàn bắn trượt, thậm chí cả những con chim rơi ngay trước mũi súng của ông ta cũng không trúng. Các bạn ông cười nhạo, ngờ vực không biết ông đang yêu hay nổi bối rối thâm kín nào đó khiến con tim và khối óc ông bị xáo trộn.

Rốt cuộc, ông cũng tiết lộ:

"Vâng, thực tình là chiều nay tôi phải đi rồi, chuyện đó làm tôi chán quá.

- Cái gì, anh đi à? Tại sao thế?

- Ô, tôi có việc cần giải quyết, tôi không thể ở lại lâu hơn".

Rồi họ nói sang chuyện khác.

Bữa trưa vừa kết thúc, người đầy tớ mặc đồ đen kia lại xuất hiện. Ông Arnelles ra lệnh đóng xe, và khi ông sắp lên đường thì cả ba người thợ săn còn lại xúm vào ngăn cản, nài nỉ, thậm chí van vỉ để giữ bạn mình lại. Sau cùng, một người trong bọn họ bảo:

"Nghĩ mà xem, việc ấy cũng không quan trọng lắm đâu, vì anh chả bắt nó phải đợi hai ngày rồi còn gì".

Người thợ săn vô cùng bối rối, ngẫm nghĩ, tưởng ông đang đấu tranh gay gắt, bị giằng xé giữa một bên là thú vui, một bên là nghĩa vụ, trông ông thật bất hạnh và khổ sở.

Sau một hồi lâu suy nghĩ, ông ta nói thầm, ¹do dự:

"Vấn đề là... Vấn đề là... tôi không ở đây một mình. Còn có thằng con rể tôi nữa".

Những tiếng kêu kinh ngạc vang lên:

"Con rể anh?... Thế nó đâu?".

Đột nhiên ông ta có vẻ lúng túng, mặt đỏ bừng:

"Sao cơ! Các anh không biết à?... Thì... thì... nó ở dưới nhà để xe ấy. Nó chết rồi".

Nỗi im lặng vì kinh ngạc bao trùm lên tất cả mọi người.

Ông Arnelles lại nói, ngày càng lộn xộn:

"Tôi thật bất hạnh vì đã mất cháu nó. Vì tôi đưa thi hài nó về nhà ở Briseville nên tôi tranh thủ rẽ ngang qua đây để không bị lỡ cuộc hẹn của chúng ta. Nhưng, các anh cũng hiểu là tôi không thể la cà lâu hơn được nữa!".

Và, một người trong đám thợ săn, mạnh dạn lên tiếng:

"Thế nhưng... vì cháu nó chết rồi... theo tôi thấy... nó có thể đợi thêm một ngày nữa..."

Hai người kia chẳng còn ngần ngại:

"Đúng thế đấy", họ nói.

Ông Arnelles như vừa trút bỏ được một gánh nặng lớn, nhưng vẫn hơi lo lắng, hỏi lại:

"Chuyện đó... thành thực mà nói... các anh thấy thế à?...".

Ba người như một, trả lời:

"Tất nhiên! Ông bạn thân mến, hai ngày sớm hay muộn thì đâu có ảnh hưởng gì tới tình trạng của cháu nó lúc này".

Thế là, hoàn toàn thanh thản, ông bố vợ quay về phía anh chàng nhân viên nhà đồn:

"Vậy thì, anh bạn của tôi, để ngày kia nhé!".

TOMBOUCTOU

Đại lộ, dòng chảy cuộc sống, lúc nhúc người trong đám bụi vàng của vầng mặt trời đang lặn. Cả bầu trời đỏ rực, sáng lóa; và, khuất sau Madelaine, một đám mây dày đặc khổng lồ như đám lửa rắc xuống dọc chiều dài con lộ những giọt mưa đỏ lấp lánh nghiêng nghiêng, trôi cuộn cuộn như một cột khói.

Dòng người vui vẻ, sống động, đi dưới đám mù cháy sáng ấy, tựa như đang lạc vào vùng đất thánh. Những khuôn mặt nhuộm vàng, những chiếc mũ len cùng với những bộ quần áo phản chiếu một màu đỏ tía, và những đôi giày bóng loáng khời bùng lên từng đốm lửa trên lớp nhựa rải mặt vỉa hè.

Trước các quán cà phê, một nhóm mấy ông đang uống thứ nước lỏng lạnh muôn màu, như thể người ta đã thả muôn vạn viên đá quý trong chiếc cốc pha lê.

Giữa đám khách mặc quần áo sẫm màu đủ kiểu ấy, hai viên sĩ quan đóng bộ nghiêm chỉnh cứ phải cúi mắt xuống vì sắc vàng chói lóa. Họ cũng tán gẫu, sung sướng vô cớ trong niềm hạnh phúc của cuộc

sống, trong vẻ rạng rỡ xán lạn của ánh chiều tà; và họ nhìn đám đông, những người đàn ông chậm rãi, những người phụ nữ hồi hả để lại phía sau một mùi hương ngát ngậy quyến rũ.

Bất chợt một anh chàng da đen to lớn, bụng phệ, mặc toàn một màu đen, những chiếc vòng lờ lợc trên chiếc áo gilê bằng vải chéo, mặt bóng nhẫy như láng mỡ diễu qua trước mặt họ với vẻ rất hể hả. Hắn cười với những người đi ngang qua, cười với những người bán báo, cười với bầu trời rục rịch, hắn cười với cả Pari. Hắn cao đến nỗi vượt lên trên đầu tất cả mọi người, và ở đằng sau hắn, tất cả những kẻ hiếu kỳ đều ngoái lại nhìn theo lưng.

Bỗng hắn nhận thấy hai viên sĩ quan, và, rẽ đám khách đang ngồi uống nước ra, hắn nhào đến. Ngay khi đến trước bàn họ, hắn đắm đắm nhìn với đôi mắt lấp lánh và sung sướng, và hai mép hắn ngoác ra tới tận mang tai, để lộ hàm răng trắng sáng bóng, như vàng trắng khuyết hiện ra giữa bầu trời đêm. Hai người đàn ông, ngơ ngác, nhìn khúc gỗ mun khổng lồ này, chẳng thể hiểu sao hắn ta lại vui sướng đến thế.

Hắn kêu lên bằng một giọng khiến tất cả các bàn khác đều bật cười:

"Kính chào, thưa ngài trung úy của tớ!"

Một trong hai người là tiểu đoàn trưởng, còn người kia là đại tá. Người thứ nhất nói:

"Tôi không quen anh, và tôi không biết anh muốn gì ở tôi".

Gã da đen nói:

"Tôi rất thích ngài, trung úy Védié, trại ở Bezi, rất nhiều nho, tìm tôi!".

Viên sĩ quan ngó ra, nhìn chăm chăm vào gã, lục tìm tận sâu trong ký ức, và đột nhiên ông ta kêu lên:

"Tombouctou?".

Gã da đen hôn hỏ, vỗ tay xuống đùi ông ta và phá lên cười ha hả đến kỳ cục, rống to:

"Thế chứ, thế chứ, ya, ngài trung úy của tôi, nhớ Tombouctou, ya, kính chào!".

Viên chỉ huy vừa chìa tay về phía anh ta vừa cười vui sướng. Thế là Tombouctou đột nhiên lấy lại vẻ trang trọng. Hắn đón tay viên sĩ quan và hôn lên đó theo tập tục của người da đen và Ả Rập, nhanh đến nỗi ông này không kịp ngăn lại. Rất bối rối, ông ta nói bằng giọng nghiêm khắc:

"Thôi nào, Tombouctou, chúng ta đâu có ở châu Phi. Ngồi xuống đi và cho tôi biết sao tôi lại thấy cậu ở đây thế này".

Tombouctou uốn bụng ra, lấp bắp vì nói nhanh quá:

"Kiếm rất nhiều tiền, rất nhiều, nhà hàng lớn, ăn tốt, bọn Phở, tớ, ăn trộm được rất nhiều, rất nhiều, món ăn Pháp, Tombouctou, đầu bếp của Hoàng đế, 200.000 franc cho tớ, Ah! ah! ah! ah!".

Và hắn cười, vắn vẹo, gào rú, mắt ánh lên niềm vui sướng điên loạn.

Viên sĩ quan hiểu cái thú ngôn ngữ của hắn, hỏi han thêm một lúc nữa rồi chào:

"Tốt rồi. Tạm biệt nhé, Tombouctou! Hẹn sớm gặp lại!".

Gã da đen vội vã đứng dậy, lần này thì siết chặt lấy bàn tay chìa ra, vẫn cười toe toét, kêu lên:

"Kính chào! Kính chào! Ngài trung úy của tôi!".

Rồi hắn đi, rất mãn nguyện, đến nỗi hắn vừa đi vừa múa may liên tục và người ta cứ tưởng đấy là một gã điên.

Viên đại tá hỏi:

"Gã thô lỗ này là ai thế?".

Người chỉ huy trả lời:

"Một anh chàng gan dạ và một người lính quả cảm. Tôi sẽ kể cho ngài những chuyện tôi biết về anh ta, cũng khá kỳ cục đấy!".

Ngài cũng biết, đầu trận chiến năm 1870, tôi bị mắc kẹt ở Bezières mà lúc này anh chàng da đen gọi là Bézil. Chúng tôi không hề bị bao vây, nhưng bị phong tỏa. Hàng rào quân Phổ bao quanh chúng tôi khắp nơi, ngoài tầm đạn pháo; chúng không nả đạn vào chúng tôi, nhưng lại chặn hết đường lương thực.

Lúc ấy tôi là trung úy. Đội quân của chúng tôi bao gồm đủ mọi thành phần ô hợp, nào là tàn quân của một trung đoàn thua trận, nào là bọn đào ngũ, trộm cắp bị đuổi ra khỏi quân đội. Tóm lại là đủ cả, thậm chí một buổi tối chúng tôi đón cả mười một tên lính Angiêri bản xứ mà không biết chúng từ đâu đến và đến bằng cách nào nữa. Chúng xuất hiện ở trước cổng thành phố, mệt lả, rách rưới, đói rũ nhưng say khướt. Người ta đã giao chúng cho tôi.

Chẳng bao lâu, tôi nhận ra rằng đám lính ấy không hề tuân theo kỷ luật, lúc nào cũng trốn ra ngoài và mặt mũi thì xám xịt. Tôi đã phải dùng đến phòng giam của đội hiến binh, thậm chí cả nhà tù, nhưng đâu vẫn hoàn đấy. Máy người này biến mất tầm hàng mấy ngày trời, như thể chúng chui xuống lòng đất, rồi sau đó lại xuất hiện, say lừ đừ. Chúng không có tiền. Vậy chúng có thể nhậu nhẹt ở đâu? như thế nào? và với gì mới được chứ?

Điều đó bắt đầu khiến tôi tò mò, và tôi càng bị kích động hơn vì cái đám người hoang dã kia lúc nào cũng cười toe toét, tính cách thì hết như lũ trẻ to xác nghịch ngợm.

Tôi nhận thấy chúng tuân lệnh một cách mù quáng kẻ to lớn nhất bọn, là anh chàng mà ngài vừa gặp lúc nãy. Anh ta sai bảo chúng theo ý muốn của mình, chuẩn bị tất cả những công việc bí mật như một vị thủ lĩnh tối cao và không ai được cãi lại. Tôi

bèn cho gọi anh ta đến hỏi. Cuộc nói chuyện của chúng tôi kéo dài suốt ba giờ đồng hồ, tôi phải đánh vật rất vất vả để hiểu được cái thứ ngôn ngữ kỳ dị khó hiểu của anh ta. Về phần mình, anh chàng quá quý đáng thương kia cũng cố gắng hết sức để làm cho tôi hiểu, sáng tác ra đủ các từ, hươ chân múa tay, mồ hôi vã ra như tắm; anh ta lau trán, thở hổn hển, bỗng nhiên ngừng bật và bắt đầu nói lại từ đầu khi nghĩ rằng mình đã tìm ra một cách giải thích mới.

Cuối cùng tôi đoán chừng anh ta là con trai một tộc trưởng lớn, một người giống như đức vua trị vì một đám nô lệ da đen ở vùng Tombouctou. Tôi hỏi tên anh ta. Anh ta nói ra một cái tên dài dằng dặc, nghe như kiểu "Chavaharibouhalikhranafotapolarara". Tôi thấy sẽ tiện hơn nếu gọi anh ta bằng chính tên vùng đất anh ta sống: "Tombouctou". Và chỉ tám ngày sau, cả doanh trại đã gọi anh ta bằng cái tên ấy.

Nhưng chúng tôi vẫn luôn thắc mắc muốn biết anh chàng hoàng tử châu Phi một thời này đã đến uống rượu ở đâu. Và tôi đã phát hiện ra chuyện ấy một cách thật buồn cười.

Một buổi sáng tôi lên trên bờ thành, quan sát phía chân trời, bỗng nhiên tôi nhận thấy trong bụi nho có cái gì đó động đậy. Lúc ấy là vụ thu hoạch, nho đang chín, nhưng tôi không may mắn nghĩ đến điều đó. Tôi cho rằng có một tên gián điệp đang lẩn gần chỗ chúng tôi, thế là tôi lập kế hoạch bao vây để

tóm gọn hẳn. Đích thân tôi chỉ huy vụ này, sau khi đã xin phép Tư lệnh trưởng.

Tôi chia quân thành ba nhóm nhỏ, tiến ra theo ba cửa khác nhau và sẽ gặp nhau ở gần bụi nho có kẻ tình nghi, bao vây nó. Để chặn đường rút lui của tên gián điệp, một phân đội trong số này phải đi bộ trong vòng ít nhất là một giờ đồng hồ. Một người đứng theo dõi ở trên thành ra hiệu cho tôi biết kẻ tình nghi bị phát hiện vẫn chưa rời cánh đồng. Chúng tôi đi trong sự im lặng tuyệt đối, bò trên mặt đất, gần như là dán mình xuống các vết xe. Cuối cùng, chúng tôi cũng tới được điểm đã định, tôi nhanh chóng triển khai quân. Chúng tôi xông về phía bụi nho và thấy... Tombouctou bò bằng cả bốn chân giữa các gốc cây và đang ăn nho, hay đúng hơn là anh ta đang ngoạm những trái nho, y như con chó đang ngoạm món súp, vục đầy mồm, vục cả chân, một nhát cắn gọn cả chùm.

Tôi muốn lôi anh ta dậy, lẽ ra không nên nghĩ đến điều đó, vì sau tôi mới hiểu tại sao anh ta lại phải bò bằng cả hai tay và hai đầu gối như vậy. Ngay khi người ta dựng được anh ta đứng trên hai chân, anh ta lão đảo mấy giây, dang tay ra và đổ sập xuống, dập mũi. Toàn thân anh ta xám ngoét, tôi chưa từng thấy người nào có màu da tái đến vậy.

Chúng tôi khiêng anh ta về bằng hai cái cọc leo. Anh ta không ngớt cười trên suốt đoạn đường, chân tay khua khoắng.

Hóa ra đây là tất cả những chuyện bí ẩn. Những tên lính của tôi "uống" nho ngay tại gốc. Rồi đến khi say mềm nhũn cả người, chúng ngủ luôn tại chỗ.

Còn về Tombouctou, tình yêu anh ta dành cho những trái nho thật to lớn, vượt quá sức tưởng tượng của tất cả mọi người. Anh ta sống nhờ loại quả đó, y hết lũ chim hết mà anh ta ghét cay ghét đắng bằng nỗi thù hằn của một đối thủ đầy hiểm khích. Anh ta luôn mồm ca thán:

"Lũ *trim* hết ăn hết nho *trín* rồi, lũ khốn!".

Một tối nọ, người ta đến tìm tôi. Họ nhận thấy có cái gì đó đang băng qua cánh đồng tiến về phía chúng tôi. Tôi đã quên không mang theo kính và mãi không phân biệt được. Có vẻ như một con rắn lớn đang trườn, hay, một đoàn người, tôi nghĩ thế.

Tôi bèn cử một vài tên lính đến đón trước dòng người kỳ quặc đó, chẳng mấy chốc họ tiến vào như vừa thắng trận vẻ vang. Tombouctou và chín người đi cùng khiêng một chiếc kiệu lớn làm bằng mấy cái ghế tựa, trên đặt tám cái thủ cấp máu me be bét, nhẵn nhúm. Cậu lính bản xứ thứ mười dắt theo một con ngựa, đuôi buộc chặt vào một con ngựa khác, và sáu con nữa nối đuôi nhau theo cách ấy thành một hàng dài.

Và đây là điều tôi được biết. Trên đường ra chỗ cánh đồng nho, những tên lính châu Phi của tôi bất chợt phát hiện một toán quân Phổ đang đến gần một

ngôi làng. Thay vì bỏ trốn, họ nấp kín, và khi những tên chỉ huy xuống ngựa trước một quán trọ để lấy lại sức thì mười một cậu chàng hò hét xông lên khiến cho bọn lính đánh thuê chạy tán loạn vì tưởng bị tấn công; họ giết được hai tên lính canh, cộng với tên đại tá và năm tên chỉ huy địch.

Hôm đó, tôi ôm chầm lấy Tombouctou. Nhưng rồi tôi nhận thấy anh ta đi lại rất khó khăn. Tôi nghĩ anh ta bị thương, nhưng anh chàng cười và bảo:

"Tớ, lấy *tro* đất nước".

Vậy là Tombouctou giết giặc không phải vì danh dự mà là để kiếm lời. Bất cứ cái gì anh ta tìm thấy, bất cứ cái gì anh ta thấy có vẻ có chút giá trị, và nhất là những cái gì sáng lấp lánh, anh ta đều bỏ tọt vào túi! Và cái túi... một hố sâu thăm thẳm, miệng túi ở tận cạp quần mà đáy thì dài xuống tận mắt cá chân. Nghe lỏm được từ một tên lính nào đó, anh ta gọi nó là cái "bao tải", quả đúng là cái bao tải của anh ta thật!

Tombouctou đã giật hết "vàng" trên quân phục bọn Phổ, những chiếc huy hiệu đồng trên mũ, những chiếc cúc, v.v... và ném tất cả vào "bao tải" đã đầy tới ngọn.

Mỗi ngày, anh ta tống vào đó mọi vật lấp lánh đập vào mắt, những mẫu thiếc, những đồng xu, vì thế mà thỉnh thoảng dáng đi của anh ta khôì hài không tả nổi.

Anh ta tính sẽ mang hết những thứ này về đất nước của những chú đà điểu, loài chim anh ta xem như là anh em, và anh chàng con vua này lúc nào cũng bị hành hạ bởi ham muốn được nuốt chửng những thứ lóng lánh kia. Nếu anh ta không có cái "bao tải" bên mình thì anh ta sẽ làm gì? Chắc chắn anh chàng sẽ tống ngay vào họng.

Sáng nào túi của anh ta cũng trống rỗng. Hẳn anh ta phải có cả một cái kho to để chất đống của cải của mình. Nhưng ở đâu? Tôi không có cách nào tìm ra.

Tư lệnh trưởng được báo về chiến tích của Tombouctou đã nhanh chóng cho chôn ngay những xác chết nằm lẫn lóc ở ngôi làng bên cạnh để không ai phát hiện ra chúng đã bị chặt đầu. Hôm sau bọn Phổ quay trở lại đó. Ông trưởng thôn cùng bảy phú hộ trong làng bị bắn chết ngay tức khắc, để trả thù, vì đã dám tố giác sự xuất hiện của người Đức.

Mùa đông đã đến. Chúng tôi hoàn toàn kiệt sức và tuyệt vọng. Giờ ngày nào chúng tôi cũng giao chiến. Lính tráng đói lả không đi nổi nữa. Chỉ có tám người lính bản xứ (ba người khác đã hy sinh) vẫn béo tốt và bóng nhẫy, đầy sinh lực và luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Cả Tombouctou cũng béo quay. Một hôm anh ta nói với tôi:

"Ngài rất đói lắm, tổ thịt ngon".

Và quả thật anh ta mang cho tôi một miếng sườn tuyệt vời. Nhưng sườn gì nhỉ? Chúng tôi không còn bò, cừu, dê, lừa hay lợn. Cũng chẳng thể đào đâu ra ngựa. Tôi ngẫm nghĩ mãi điều này sau khi đã chén ngon lành tảng thịt. Bỗng một ý nghĩ ghê rợn chợt đến. Những gã da đen này sinh trưởng ngay sát vùng có tập tục ăn thịt người! Và hàng ngày quanh thành phố có bao nhiêu là binh lính ngã xuống! Tôi hỏi Tombouctou. Anh ta không muốn trả lời. Tôi cũng không ép, nhưng từ đây tôi cách hẳn những món quà của anh ta.

Anh ta rất tôn thờ tôi. Một đêm, tuyết rơi trắng xóa cả trạm tiền tiêu. Chúng tôi ngồi trên mặt đất. Tôi thương hại nhìn những cậu chàng da đen run lập cập dưới lớp bụi trắng xóa và lạnh buốt này. Vì tôi nhiễm lạnh nên bắt đầu ho sù sụ. Ngay lập tức tôi cảm thấy có cái gì đó choàng lên người mình, như là một tấm chăn thật rộng rãi và ấm áp. Đó là chiếc áo khoác mà Tombouctou vừa đặt lên vai tôi.

Tôi đứng dậy và trả áo lại cho anh ta:

"Giữ lấy nó, chàng trai của tôi, anh còn cần nó hơn tôi nhiều".

Anh ta đáp:

"Không, ngài trung úy của tổ, *tro* ngài, tổ không cần, tổ nóng, nóng".

Và anh ta nhìn tôi với cặp mắt van vãn.

Tôi nói:

"Nào, phải tuân lệnh chứ, hãy giữ chiếc áo lại, tôi muốn thế!".

Anh chàng da đen đứng phắt dậy, một tay rút lưỡi lê mà anh ta vẫn thường dùng để cắt như một con dao, tay kia giữ chiếc áo khoác thùng thình mà tôi từ chối:

"Nếu ngài không lấy áo, tôi chặt, không ai có áo".

Anh ta đã thắng. Tôi nhượng bộ.

Tám ngày sau, chúng tôi đầu hàng. Một vài người chạy thoát. Số còn lại sẽ phải rút khỏi thành phố và bị giải tới chỗ những kẻ thắng trận.

Khi tôi đang tiến về phía quảng trường Quân đội, nơi chúng tôi phải tập trung, tôi thấy ngạc nhiên đến sững sờ trước một anh chàng da đen khổng lồ mặc áo vải chéo màu trắng và đội một chiếc mũ rơm. Đó là Tombouctou. Anh ta có vẻ sung sướng và đang dạo bước, hai tay đút túi, trước một cửa hiệu nhỏ, nơi người ta thấy trưng bày hai cái đĩa cạnh hai cái cốc.

Tôi hỏi anh ta:

"Anh đang làm gì đây?".

Anh ta trả lời:

"Tôi không đi, tôi nấu tốt, tôi ăn bọn Phở, lấy trộm rất nhiều, rất nhiều".

Trời đóng băng, khoảng âm 10 độ C. Tôi rét lập cập trước mặt anh chàng da đen quán vải chéo này. Thế là anh ta kéo tay tôi và đẩy vào trong. Tôi nhìn thấy một tấm biển chỉ dẫn to quá khổ, chắc hẳn anh ta sẽ treo trước cửa ngay khi mà chúng tôi đã đi, vì tôi thấy anh ta có vẻ ngượng ngịu.

Và tôi đọc được lời kêu gọi sau đây, có lẽ được khắc bởi bàn tay một kẻ tòng phạm nào đó:

*BÉP ĂN DÃ CHIẾN CỦA NGÀI TOMBOUCTOU
CỰU ĐÀU BÉP CỦA HOÀNG ĐẾ
NGHỆ SỸ TỪ PARI. --- GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG.*

Mặc dù nổi tuyệt vọng đang bóp nghẹt trong tim, tôi cũng không tài nào nhịn được cười, và tôi để anh chàng da đen của mình lại với vụ làm ăn mới.

Như thế chẳng tốt hơn là bắt anh ta phải đi cùng đám tù binh hay sao?

Ngài cũng vừa thấy là anh ta rất thành công còn gì.

Bézières, ngày nay thuộc lãnh thổ của nước Đức. Quán ăn Tombouctou là sự khởi đầu của cuộc trả thù.

MỘT CHUYỆN CÓ THẬT

Một cơn gió ào ào thổi bên ngoài, đó là cơn gió mùa thu đang gào rít phi nước mã, giật tung nốt những chiếc lá cuối cùng khỏi cành rồi cuốn tít lên tận mây xanh.

Đám thợ săn đang ăn bữa tối, chân vẫn còn nguyên ủng, mặt đỏ tưng bừng, bóng nhẫy, sôi nổi. Đó là những ông chủ nửa mùa vùng *Normandie*, nửa địa chủ, nửa nông dân, là lớp quý tộc nhưng sức thì trâu ngựa, vóc dáng vạm vỡ đủ để bẻ gãy sừng bất kỳ con bò nào họ tóm được trong buổi chợ phiên.

Cả ngày họ đi săn trên đất của ông Blondel, xã trưởng vùng Éparville, và giờ họ đang ngồi ăn quanh chiếc bàn lớn ở lâu đài trong trang trại của ông ta.

Họ nói mà như la hét, cười như tiếng thú gầm và uống như những chiếc thùng phuy, chân duỗi thẳng, tay chống bàn, mắt long lanh dưới ánh đèn, được sưởi ấm nhờ một cái lò lớn đang hắt lên nền những ánh lửa đỏ quạch như máu. Họ đang bàn tán về chuyện săn bắn và những chú cẩu. Nhưng họ đã chệnh

choáng, và vào cái giờ mà những ý nghĩ khác bắt đầu xuất hiện trong đầu bọn đàn ông, tất cả đều dán mắt vào một cô gái phốp pháp có đôi gò má bầu bầu, bàn tay đỏ rần đang bê mấy đĩa đầy thức ăn.

Và một gã quý sứ, kẻ đã trở thành bác sĩ thú y sau khi được học để thành linh mục và giờ thì đang chăm sóc tất cả các con vật trong vùng, tên là Séjour kêu lên:

"Chúa thật, bác Blondel, bu nó nhà bác kia cũng khiêu khích đáo để!".

Một tràng cười hô hố nổi lên. Thế là lão Varnetot, một tay quý tộc thất thế đang ngập trong rượu bèn cất cao giọng:

"Chính tôi ngày xưa đã từng có chuyện với một con bé y như vậy. Tôi phải kể cho các bác nghe mới được! Mỗi lần nghĩ đến chuyện đó, tôi lại nhớ Mirza, con chó cái mà tôi đã bán cho bá tước Haussonnel. Ngày nào cũng thế, vừa được thả ra là nó lại chạy về bên tôi, như thể nó không rời xa tôi được. Cuối cùng tôi phát cáu nên đã xin ngài bá tước cứ xích nó cả ngày. Các bác có biết con chó thế nào không? Nó đã chết vì đau khổ.

Nhưng thôi, tôi xin quay lại chuyện đùa ở gái, chuyện là thế này".

Khi đó tôi hai mươi năm tuổi, và tôi sống độc thân trong lâu đài Villebon. Các bác biết rồi đấy, khi người ta còn trẻ, người ta lại có lợi tức, tôi nào người ta cũng buồn bực khi bữa ăn kết thúc, thì người ta sẽ để mất tới mọi thứ.

Chẳng bao lâu tôi đã phát hiện ra một con bé phục vụ cho nhà Déboulton ở Cauville. Bác biết rõ ông Déboulton mà, phải không bác Blondel? Tóm lại là cô ta mơn trớn quyến rũ tôi, cô ả khốn kiếp, đến nỗi mà một hôm tôi đã đến gặp ông chủ của cô ta và đề nghị một vụ làm ăn với ông ấy. Ông ta sẽ nhường cho tôi con bé hầu gái, và tôi sẽ phải bán lại con ngựa cái đen tuyền của tôi, Cocote, ông ta đã muốn có nó từ hai năm trước. Ông ta chìa tay ra: "Được thôi, cậu Varnetot!". Thế là mọi việc thỏa thuận xong, cô ả đến lâu đài còn tôi đích thân dắt ngựa đến Cauville và để lại với giá 300 đồng tiền vàng.

Thời gian đầu, mọi việc diễn ra thật suôn sẻ. Không một ai nghi ngờ gì. Chỉ có điều cô ả Rose yêu tôi hơi thái quá. Cô ta không giống với bất cứ người nào, nhưng chắc hẳn trong máu cô ả cũng có mảnh khoe của những kẻ chuyên quyến rũ ông chủ của mình.

Cô ta rất ngưỡng mộ tôi. Cô ả dùng những lời mơn trớn, những cái vuốt ve, những lời xưng hô thân mật đáng yêu và hàng đống những cử chỉ chiều chuộng để khiến tôi phải bận lòng.

Tôi tự nhủ: "Không thể kéo dài mãi thế được, nếu không mình sẽ bị xỏ mũi mất!". Tất nhiên xỏ mũi tôi đâu có dễ. Tôi không phải kẻ có thể bị mê hoặc chỉ bởi một, hai nụ hôn. Nhưng rốt cuộc tôi cũng phải dè chừng khi cô ta thông báo mình có mang.

Đùng! Đoàng! Đó là hai phát súng người ta vừa bắn ngay giữa tim tôi. Cô ả ôm siết lấy tôi, ôm xiết lấy tôi và cười, và nhảy múa, cô ả điên rồi! Suốt cả ngày đầu tiên tôi không nói gì, nhưng đêm đó thì tôi trần trọc. Tôi nghĩ: "Việc đã rồi, giờ phải tìm cách tránh được cú này và cắt đứt mọi chuyện, chỉ cần có thời gian...". Các bác cũng hiểu là tôi còn ông bà cụ ở Barneville, và cả bà chị gái đã kết hôn với hầu tước Yspare ở Rollebec, cách Villebon có hai dặm đường. Không thể đùa với chuyện đó được.

Nhưng làm cách nào thoát khỏi vụ này đây? Nếu đuổi cô ả ra khỏi nhà, mọi người sẽ nghi ngờ này nọ và sẽ đàm tiếu không hay. Nhưng nếu giữ lại thì chẳng bao lâu, cái bụng sẽ to lùm lùm. Vả lại tôi cũng không thể bỏ mặc cô ả trong tình cảnh ấy được.

Tôi đã nói lại mọi chuyện với ông cậu tôi, nam tước Creteil, một lão cáo già lọc lõi biết vô số chuyện kiểu như thế để nhờ gỡ rối. Ông ta thần nhiên trả lời:

"Cần phải lấy chồng cho nó, con trai ạ!".

Tôi nhảy dựng lên:

"Lấy chồng! Ôi cậu ơi, nhưng lấy ai mới được chứ?"

Ông khẽ nhún vai:

"Thì lấy ai mà anh muốn ấy, đấy là việc của anh, đâu phải của tôi. Khi người ta không lú lẫn thì người ta luôn tìm thấy.

Tôi suy nghĩ suốt tám ngày trời câu nói này, cuối cùng tôi tự nhủ: "Ông ấy có lý".

Thế là tôi bắt đầu lục tung đầu óc để tìm ra một kẻ đồ vô, cho đến một hôm, ông công tố viên hòa giải đi ăn tối cùng tôi nói:

"Thằng con trai mù Paumelle lại vừa dính vào một chuyện ngu ngốc nữa, rồi đời nó sẽ chẳng ra gì đâu, cái thằng vô dụng. Đúng thật là rau nào sâu đấy!"

Mù Paumelle là một mù già xảo trá, từ hồi con gái đã nổi tiếng. Vì một đồng vàng, mù có thể bán cả linh hồn mình, cộng thêm cả thằng con vô lại nữa.

Tôi đến tìm mù, và hết sức kín đáo, tôi kể cho mù hiểu sự việc.

Khi tôi còn đang bối rối tìm lời giải thích thì mù đã đột ngột cắt lời:

"Ông sẽ cho con bé ấy những gì?".

Mù ta quả là ranh ma, nhưng tôi cũng đâu có ngốc, tôi đã dự trù hết rồi.

Tôi có ba mảnh đất hoang gần Sasseville, thuộc ba trang trại ở Villebon. Máy người làm thuê thường phàn nàn rằng chúng quá xa. Nhưng tôi vẫn giữ chúng lại, tổng cộng khoảng 6 arce. Và khi đám nông

dân than phiền điếc cả tai, tôi đã để lại cho họ tất cả các khoản lời kiếm được từ đám gia cầm, cho tới khi hết hạn hợp đồng. Thế là mọi việc lại đầu vào đấy. Tôi đã mua lại một miếng đất nhỏ của gã hàng xóm Aumonté, cho dựng một túp lều trên đó, hết tất cả khoảng 15000 *franc*. Bằng cách ấy, tôi đã gây dựng được một tài sản nho nhỏ không ngốn của tôi quá nhiều để làm của hồi môn cho cô ả Rose.

Mụ già kêu lên phản đối: như thế không đủ, nhưng tôi nhất quyết không nhượng bộ, thế là chúng tôi ra về mà chẳng thương lượng được gì.

Hôm sau, mới sáng sớm, gã con trai đã đến tìm tôi. Tôi còn nhớ mang máng khuôn mặt gã. Khi nhìn thấy khuôn mặt ấy, tôi cảm thấy khá yên tâm: nó không tồi so với một tay nông dân. Chỉ có điều gã ta có vẻ là một kẻ vô lại thô bạo.

Gã vòng vo một hồi, như thế là đến để mua một con bò cái. Khi chúng tôi bàn chuyện xong, gã muốn đi xem món hồi môn kia, và thế là chúng tôi băng qua cánh đồng. Ở đó tôi đã bị tra tấn suốt ba giờ liền. Gã đo đi đếm lại từng thước một, bóp nát những nắm đất trong tay như thể sợ bị lừa vớ phải hàng rởm. Căn lều vẫn chưa được dựng xong, gã đòi phải dùng đá đen thay vì lợp rạ, vì như thế sẽ đỡ phải sửa đi sửa lại nhiều!

Rồi gã quay sang phía tôi:

"Còn đồ đạc trong nhà, ngài lo nốt chứ?".

Tôi phản đối:

"Không được, lo cho anh cả một trang trại thế là tốt lắm rồi".

Gã mĩa mai:

"Tôi biết chứ, một trang trại, có sẵn cả trâu lẫn nghé".

Tôi đỏ bừng cả mặt, không kìm nổi mình. Gã nói tiếp:

"Thế này vậy, ngài sẽ phải chuẩn bị giường, một cái bàn, ba ghế tựa và cả bát đĩa nữa, hoặc không thì chẳng có gì phải bàn".

Tôi đành phải chấp nhận.

Và chúng tôi quay trở về nhà. Gã vẫn không đả động một lời tới cô vợ sắp cưới. Nhưng bỗng gã hỏi với vẻ xảo trá và xen chút ngần ngừ:

"Thế nếu nó chết, tài sản sẽ thuộc về ai?".

Tôi đáp:

"Dĩ nhiên là thuộc về anh rồi".

Đó là tất cả những gì gã muốn biết từ sáng tới giờ. Ngay tức khắc, gã chìa tay ra vẻ mãn nguyện. Chúng tôi đã thỏa thuận xong.

Ôi! Tôi đã thật vất vả để thuyết phục Rose. Cô ả quỳ rạp xuống chân tôi, khóc nức nở, nhắc đi nhắc lại: "Chính ông đề nghị em thế sao! Chính ông ư? Chính ông ư?". Hơn một tuần, cô ả nguầy nguậy kháng cự, bất chấp lý lẽ của tôi và cả những lời khấn nài. Đàn bà, họ thật ngu ngốc, một khi trong đầu họ

đã có tình yêu thì họ chẳng còn biết gì khác nữa. Không còn chỗ cho lý trí, tình yêu vượt trên tất cả, tất cả cho tình yêu!

Cuối cùng tôi phát cáu và tôi dọa sẽ tống cô ả ra ngoài. Thế là Rose nhượng bộ dần, với điều kiện là tôi phải cho cô ả thỉnh thoảng đến thăm.

Đích thân tôi dẫn con bé đến nhà thờ, trả tiền làm lễ và mời những người đến dự đám cưới ăn tối. Tóm lại là tôi phải lo lắng hết mọi thứ. Rồi: "Tạm biệt nhé, các con của ta!". Tôi đến nhà anh trai ở Touraine trong sáu tháng.

Khi quay trở về, tôi được biết tuần nào con bé cũng đến lâu đài tìm tôi. Và chỉ độ một tiếng sau, tôi đã thấy cô ả đi vào với một thằng bé trên tay. Các bác tin hay không thì tùy, nhưng quả là tôi thấy chạnh lòng khi nhìn thấy đứa bé. Thậm chí tôi tin là tôi đã ôm nó vào lòng.

Còn bà mẹ, một thân hình tàn tạ, một khung xương, một cái bóng. Gầy và già nua. Khốn kiếp! Đám cưới ấy có vẻ không ổn lắm! Tôi hỏi một cách máy móc:

"Em hạnh phúc chứ?".

Chỉ chờ có thế, nước mắt Rose tuôn ra như suối, với những tiếng nấc và nức nở nghẹn ngào. Cô ả kêu lên:

"Em không thể, giờ em không thể tha thứ cho ông. Thà em chết đi còn hơn, em không thể!".

Cô ả rên la rất khiếp. Tôi cố hết sức an ủi dỗ dành và đưa cô ả về.

Thực tình tôi có nghe nói gã chồng thường đánh đập vợ, còn mẹ chồng cũng không tha hành hạ con dâu, đúng là mẹ già cú vợ.

Hai hôm sau Rose lại tới. Cô ả ôm lấy tôi, quý mọp dưới đất:

"Ông hãy giết em đi! Em không muốn phải quay lại đó".

Chắc hẳn đây cũng là điều Mirza sẽ nói nếu nó biết tiếng người.

Chuyện này bắt đầu làm tôi thấy rầy rà, và tôi lại bỏ đi thêm sáu tháng nữa... Lúc quay về... Lúc quay về, tôi nghe nói cô ả đã chết cách đây ba tuần, sau khi đã đến lâu đài vào tất cả các chủ nhật... giống y như Mirza. Đứa bé cũng chết sau mẹ tám ngày.

Còn gã chồng, một tay vô lại tình quái thì được thừa hưởng mọi thứ. Từ dạo đó, đời gã như rẽ sang hướng khác, giờ thì nghe đâu gã đã là ủy viên hội đồng tỉnh rồi".

Rồi, lão Varnetot vừa cười vừa nói tiếp:

"Dẫu sao, chính tôi mới là người đã đổi đời cho gã!".

Và tay bác sĩ thú y Séjour đưa cốc rượu lên miệng, kết luận một cách trịnh trọng:

"Những ả đàn bà như thế chẳng thiếu giống gì".

VĨNH BIỆT

Hai người bạn đang ăn bữa tối. Qua khung cửa sổ quán cà phê, họ nhìn ra đại lộ tấp nập người qua lại. Họ cảm thấy những cơn gió ấm áp đang rong chơi khắp Pari trong đêm hè êm ả khiến cho tất cả người qua lại đều ngẩng cao đầu lên, khiến cho người ta chợt thấy ham muốn được bước đi, đến nơi nào không cần biết, dưới những tán lá rợp bóng, mơ về những dòng sông lấp lánh ánh trăng, những con đom đóm lập lờ và những con chim sơn ca hót thánh thót.

Một trong hai người, Henri Simon cất giọng nói trong tiếng thở dài nào nuốt:

"Ôi! Tôi già mất rồi. Thật buồn quá. Trước kia, những đêm như thế này, tôi luôn cảm thấy có một con quỷ lờn lộn trong cơ thể mình. Vậy mà giờ, tôi chỉ còn thấy có sự tiếc nuối. Cuộc đời sao mà qua nhanh đến thế!"

Trông ông ta đã hơi phát tướng, có lẽ khoảng 45 tuổi và tóc hơi trụi. Người kia, Pierre Carnier, cũng trạc tuổi ấy, nhưng gầy và nhanh nhẹn hơn, lên tiếng:

"Tôi ấy à, ông bạn thân mến, tôi đã già đi, nhưng không nhận thấy điều ấy một tí nào. Lúc nào tôi cũng vui vẻ, hoạt bát, đầy sức sống, và vân vân. Nếu ngày nào người ta cũng soi gương, người ta sẽ không thể nào nhận ra những dấu vết của tuổi tác, vì việc đó diễn ra quá chậm chạp và đều đặn, nó làm biến đổi gương mặt người ta quá khẽ khàng, đến nỗi mà chẳng ai cảm thấy điều đó. Chính nhờ thế mà chúng ta không phải chết vì đau buồn sau hai hay ba năm bị nếp nhăn làm biến dạng. Vì chúng ta đã quen dần với điều đó. Nếu muốn thấy rõ sự thay đổi, cứ thử nhìn soi gương khoảng sáu tháng xem, chà! Chắc sẽ là một cú sốc lớn!

Còn đám phụ nữ ấy mà, ông bạn thân mến, tôi thấy họ mới thật đáng thương, những sinh linh tội nghiệp. Tất cả hạnh phúc, sức mạnh, cuộc sống của họ đều ở chỗ nhan sắc mà ra, thế mà cái nhan sắc ấy lại chỉ vền vền có chục năm trời.

Nhưng quả thực, tôi đã già đi mà chưa một lần nào thấy bận lòng. Tôi cứ ngỡ mình vẫn còn ở tuổi thanh niên dù đã ngót năm mươi rồi. Tôi không nhận thấy sự suy yếu trong mình nên cứ bước đi, vô lo và hạnh phúc.

Thế rồi tôi đã nhận ra cái bóng của tuổi già một cách thật đơn giản mà quá đối khủng khiếp, đến nỗi tôi suy sụp mất gần nửa năm trời... và tôi đang phải chạy trốn.

Cũng như những gã đàn ông khác, tôi luôn là kẻ si tình, nhưng đặc biệt phải kể đến một lần...".

Tôi đã gặp nàng trên bãi biển Étretat, cách đây khoảng mười hai năm, sau khi chiến tranh kết thúc. Chẳng có gì tuyệt như bờ biển này vào mỗi sáng, lúc mọi người xuống tắm. Nó thật xinh xắn, khum khum hình móng ngựa, bao quanh là những vách đá trắng toát có những lỗ hổng rất lạ mà người ta thường gọi là "cổng trời". Có một khối núi khổng lồ giấu một nửa mình dưới lớp sóng biển, nửa kia vươn lên trời thành hình vòng cung tròn trĩnh. Từng đám các bà các cô tụ tập ở đó, đứng ngồi tấp nập, xiêm áo rực rỡ trông như một vườn hoa lồng trong khung là những vách núi. Ánh nắng mặt trời trải rộng trên khắp bãi biển, trên từng chiếc ô xinh xắn, trên mặt nước biển xanh thẳm, và tất cả trông thật sống động, đáng yêu và vui mắt. Người ta đến ngồi trên bờ cát, ngắm những cô nàng đùa nghịch cùng sóng biển. Họ bước xuống, mình quấn quanh chiếc áo choàng *flanelle*, rồi bằng một động tác đầy quyến rũ, họ rũ bỏ tấm áo choàng ra, chân chạm vào lớp bột trắng xóa của những con sóng lăn tăn, và họ tiến dần ra biển, những bước chân nhỏ nhắn chạy nhanh trong làn nước, thỉnh

thoảng khẽ chậm lại vì cơn rừng mình trong cái lạnh thú vị, vì hơi thở se se trong niềm vui sướng.

Lần đầu tiên nhìn thấy người con gái ấy trong khung cảnh như vậy, tôi đã bị mê hoặc hoàn toàn. Thân hình nàng thật cân đối và rắn chắc. Trần đời có những khuôn mặt thật xinh đẹp, vẻ yêu kiều như dội vào tim ta, biến ta thành một kẻ nô lệ cuồng si, như thể ta đã tìm được người đàn bà mà số phận đã sinh ra để ta yêu nàng vậy. Đó đích thực là cảm giác của tôi, là nỗi choáng váng trong tôi.

Tôi lân la làm quen với nàng và chẳng mấy chốc đã ngã quỵ như chưa từng thế. Nàng xâm chiếm trái tim tôi. Thật sung sướng và dịu ngọt khi được một người đàn bà như nàng chế ngự. Đó gần như là một cực hình, lại như là một niềm hạnh phúc vô biên. Từ ánh mắt nàng, nụ cười nàng, mái tóc bông bênh bay trong gió để lộ khoảng da trắng ngần, những đường nét thanh mảnh trên khuôn mặt cho đến từng cái nhíu mày nhăn trán duyên dáng đều khiến tôi say đắm quay cuồng, khiến tôi điên đảo. Nàng sở hữu tôi bằng cả con người nàng, bằng những cử chỉ dịu dàng, bằng cách xử sự tinh tế, thậm chí cả những thứ nàng mang trên người cũng trở thành bùa mê quyến rũ. Tôi nâng niu đến cả chiếc mạng che mặt của nàng đặt trên bàn hay đôi găng tay trên ghế. Váy áo nàng thật không bút nào tả xiết, và không ai có những chiếc mũ xinh xắn như mũ nàng đội.

Nàng đã kết hôn, nhưng chồng nàng chỉ ở nhà hai ngày cuối tuần rồi lại phải đi xa. Tôi chẳng thêm bận tâm đến hắn ta làm gì. Tôi cũng không mảy may ghen với hắn, và không biết sao lại thế. Tôi chưa từng thấy có sinh vật nào trên đời này lại vô nghĩa với tôi như cái gã đàn ông ấy.

Sao mà tôi yêu nàng quá chừng! Và sao mà nàng đẹp đến dường ấy! Thật kiều diễm và căng tràn sức sống! Đó là sự kết hợp của tuổi trẻ, nét yêu kiều và trong trắng. Chưa bao giờ tôi cảm thấy rõ đàn bà quả là kiệt tác của tạo hóa như lúc này, những sinh linh thật xinh đẹp, mỏng manh, tao nhã, tinh tế, duyên dáng và quyến rũ. Chưa bao giờ tôi lại biết rằng vẻ đẹp ẩn chứa trong cả nét căng tròn của đôi gò má, trong từng cử động nhỏ của đôi môi, trong đôi vành tai lượn cong xinh xắn và trong cả dáng vẻ của chiếc mũi thanh thanh.

Mọi chuyện chỉ kéo dài trong ba tháng, rồi tôi bị điều sang châu Mỹ, con tim thất vọng náo nức. Nhưng hình ảnh nàng vẫn luôn ở trong tôi, dai dẳng, lộng lẫy. Nàng ám ảnh tôi ở xa cũng như khi ở gần. Nhiều năm đã trôi qua mà ký ức ấy không hề phai nhạt. Vẻ lôi cuốn của nàng vẫn nguyên vẹn trong tim tôi, vẫn hiển hiện ngay trước mắt. Và tôi vẫn một, lòng ngưỡng mộ nàng, dù có phần lảng dịu hơn, một cái gì đó giống như ký ức về một thời si mê một thứ gì đẹp nhất, quyến rũ nhất trên đời.

Mười hai năm quả là ngắn ngủi trong đời người! Hầu như ta chẳng cảm thấy nó đã vụt trôi qua. Năm này nối tiếp năm khác, nhẹ nhàng và chóng vánh, chậm chạp rồi vội vã, năm nào cũng dài lê thê nhưng chẳng mấy chốc đã kết thúc. Thời gian cứ thế trôi đi, chẳng để lại chút dấu vết gì sau lưng, nó biến mất nhanh đến nỗi khi ta quay đầu lại thì quãng đời đã qua, ta chẳng nhận thấy gì, nhưng cũng không hiểu làm thế nào nó có thể biến ta thành ông bà già hết cả.

Quả thực tôi tưởng như mình mới rời xa những tháng ngày tuyệt diệu trên bãi biển Étretat mới mấy tháng thôi.

Mùa xuân năm ngoái, tôi đến ăn tối ở nhà mấy người bạn ở Laffitte.

Khi tàu sắp chuyển bánh, một bà to béo trèo lên toa tôi ngồi, theo sau là bốn đứa con gái nhỏ. Tôi khẽ liếc bà mẹ béo ục ịch này, cái mặt to bè bè tròn như trăng đầy thảng lại còn chụp thêm cái mũ quần một dải băng.

Bà ta thở nặng nhọc, hổn hển vì vừa phải chạy bộ. Mấy đứa trẻ bắt đầu liến lấu. Tôi bèn giở báo ra và chăm chú đọc.

Khi chúng tôi vừa đi qua Asnières thì bà hàng xóm của tôi bỗng nhiên hỏi:

"Xin lỗi, ông có phải là ông Carnier không?"

- Vâng, đúng rồi thưa bà".

Thế là bà ta cười, điệu cười hài lòng của một phụ nữ trung hậu, nhưng có chút buồn buồn.

"Ông không nhận ra em sao?".

Tôi do dự. Đúng là tôi đã từng thấy khuôn mặt này rồi, nhưng ở đâu và từ khi nào thì không rõ. Tôi liền đáp:

"Vâng... à không... Tôi chắc là có biết bà, nhưng tôi không nhớ ra tên."..

Bà ta hơi đỏ mặt một chút:

"Em là bà Juliet Lafèvre".

Chưa bao giờ tôi bị một cú choáng váng đến thế. Đường như trong chốc lát, mọi thứ đã sụp đổ đối với tôi. Tôi chỉ cảm thấy có một bức màn bị xé rách toang trước mắt và tôi đã phát hiện ra những điều thật kinh khủng và đáng thất vọng.

Đó là nàng! Cái bà to béo sồ sề tầm thường này là nàng? Và nàng đã đẻ sòn sòn bốn đứa con gái từ khi chúng tôi không gặp nhau nữa. Cả bốn đứa trẻ đều khiến tôi ngạc nhiên như mẹ của chúng. Chúng từ người năng sinh ra, chúng đã lớn và đã có chỗ trong cuộc đời này. Trong khi đó nàng tàn tạ hết sức, còn đâu nét duyên dáng quyến rũ ngày nào? Tưởng như mới hôm qua thôi tôi vẫn thấy nàng yêu kiều mê đắm, vậy mà hôm nay gặp nàng thế này! Liệu có thể như thế được không? Một nỗi đau đớn xót xa bóp nghẹt tim tôi, trong tôi trào lên cơn phẫn nộ với tạo

hóa, một nỗi bất bình vô cớ trước cái hình hài thô kệch, trước sự phá hủy tàn nhẫn này.

Tôi nhìn bà ta vô cùng sửng sốt. Rồi tôi nắm lấy tay bà, nước mắt trào lên giàn giụa. Tôi khóc cho tuổi thanh xuân, cho cái chết của nàng. Bởi vì tôi đâu có quen biết người đàn bà to béo đang ngồi trước mặt tôi đây.

Bà ta cũng xúc động, nói lắp bắp:

"Em đã thay đổi rất nhiều, phải không ông? Ông còn muốn gì nữa nào, tất cả đã qua rồi. Ông thấy đấy, em đã trở thành một bà mẹ, chỉ là một bà mẹ thôi, một bà mẹ tốt. Vĩnh biệt mọi thứ còn lại, thế là hết! Ôi! Em đã biết rằng ông sẽ không nhận ra em được nữa nếu chúng ta gặp lại nhau. Ông cũng khác trước nhiều. Em phải dẫn đo một lúc để chắc là mình không nhận nhầm người đấy. Tóc ông bạc trắng hết cả. Thử nghĩ xem! Đã mười hai năm trời! Đứa con gái lớn của em đã mười tuổi rồi".

Tôi nhìn đứa bé. Tôi nhận thấy phảng phất nét kiêu diễm của mẹ nó ngày nào, nhưng vẫn chưa thật rõ nét, chưa tròn vẹn, có lẽ phải chờ tới sau này. Và tôi nhận thấy cuộc đời trôi nhanh như một chuyến tàu.

Chúng tôi đến Laffitte. Tôi hôn tay bà bạn già, không biết nói gì ngoài mấy câu nói tầm phào thăm hỏi. Vì tôi quá choáng váng để có thể nói gì.

Buổi tối, khi về nhà và chỉ có một mình, tôi ngồi ngắm mình trong gương lâu, rất lâu. Và cuối cùng tôi cũng nhớ lại trong ký ức hình ảnh của chính mình ngày xưa với bộ râu hung hung và mái tóc đen nhánh, với diện mạo trẻ trung trên khuôn mặt. Giờ thì tôi đã già rồi. Xin vĩnh biệt.

KỶ NIỆM

Những kỷ niệm thời trai trẻ sao cứ tràn về trong ta dưới cái vuốt ve của những tia nắng sớm mai. Đó là quãng đời con người ta thật khỏe mạnh, vui vẻ, nhạy cảm và ngây ngất. Và thật dịu ngọt biết bao hồi ức về những tháng ngày xuân tràn.

Các anh nhớ không, các bạn già của tôi, những người anh em của tôi, những năm tháng tươi đẹp, khi cuộc sống chỉ toàn là vinh quang và tiếng cười? Các anh có nhớ những ngày lang thang khắp góc ngách Pari, cảnh nghèo túng mà đầm ấm, cuộc dạo chơi trong những cánh rừng xanh tươi, cơn say ngút trời trong những quán rượu bên bờ sông Seine, và cả những chuyến phiêu lưu tình ái hết sức tâm thường mà lại quá đổi ngọt ngào của chúng ta?

Tôi muốn nhắc lại một trong những chuyến phiêu lưu ấy. Nó đã xảy ra cách đây mười hai năm và dường như với tôi nó đã quá lâu rồi, quá lâu, đến nỗi tôi tưởng nó ở mãi tận đầu kia của cuộc đời, trước khi vào lối rẽ, cái lối rẽ đáng nguyên rủa đã khiến tôi nhận ra chặng cuối cuộc hành trình.

Năm đó tôi hai mươi nhăm tuổi. Tôi mới chân ướt chân ráo tới Pari. Là nhân viên của Bộ, chủ nhật đối với tôi như một ngày hội rất lạ thường, đầy niềm hạnh phúc bỗng bột, dù cảm giác ấy bao giờ cũng khiến tôi bị bất ngờ.

Giờ thì ngày nào cũng là chủ nhật. Nhưng tôi rất nhớ quãng thời gian chỉ có một chủ nhật trong cả tuần. Sao mà đẹp đến vậy! Và tôi có 6 *franc* để chi tiêu.

Sáng đó tôi dậy sớm, với cảm giác tự do mà đám nhân viên phòng giấy biết rất rõ, cái cảm giác được giải phóng, được nghỉ ngơi, được yên tĩnh và độc lập.

Tôi mở cửa sổ. Thời tiết đẹp tuyệt. Bầu trời trong xanh bao trùm lên cả thành phố, ánh nắng mặt trời rực rỡ và từng đàn chim én chao liệng trên cao.

Tôi mặc quần áo thật nhanh rồi lên đường, tôi muốn dạo chơi cả ngày trong rừng, hít thở những chiếc lá, vì tôi vốn xuất thân từ nông thôn, lớn lên từ đồng cỏ và dưới những tán cây xanh mát.

Pari bừng tỉnh, náo nhiệt trong hơi nóng và ánh sáng. Bề mặt những ngôi nhà sáng lấp lánh, lũ chim hoàng yến của người gác cổng hót líu lo trong lồng và một niềm vui sướng chạy dọc khắp phố, rạng rỡ trên những khuôn mặt, đâu đâu cũng thấy những nụ cười

như thể một niềm hạnh phúc thần bí đang trào lên khắp cả con người lẫn cảnh vật dưới ánh rạng rỡ của mặt trời ban mai.

Tôi đi ra phía sông Seine để lên con tàu Chim én tới Saint Cloud.

Tôi rất thích đứng chờ tàu ở trên bến nổi này. Vì tôi luôn có cảm giác mình sắp sửa đi tới tận cùng thế giới, đến những vùng đất mới diệu kỳ. Tôi thấy con tàu xuất hiện ở mãi đằng xa, dưới vòm một cây cầu thứ hai, nhỏ xíu với cuộn khói đen quen thuộc, rồi nó rõ dần, rõ dần, nhưng lúc nào trong tâm trí tôi nó cũng mang dáng vẻ một con tàu chở khách rất lớn.

Tàu cập bến và tôi trèo lên.

Trên đó đã có rất nhiều người ăn diện chỉnh tề, những bộ váy áo lòe loẹt, những dải ruy băng sắc sảo và những khuôn mặt đỏ bừng. Tôi đi qua trước mặt họ, chọn một chỗ đứng, ngắm bến cảng, hàng cây, những ngôi nhà và chiếc cầu trôi qua trước mắt. Đột nhiên tôi nhận ra cây cầu Point-du-Jour bắc ngang sông. Đó là nơi Pari kết thúc và bắt đầu tới vùng nông thôn, dòng sông Seine sau hai vòm cầu song song bất ngờ trải rộng ra như thể vừa được trả tự do về với khoảng không rộng lớn, biến thành một con sông êm đềm và băng qua bình nguyên, chảy dưới chân những ngọn đồi xanh tươi, giữa những cánh đồng và bên bờ rừng.

Sau khi vượt giữa hai ốc đảo, con tàu Chim én men theo một khúc quanh sườn đồi, trên nền xanh lơ nhô những ngôi nhà trắng. Một giọng nói thông báo: "Bén Menon", rồi thêm một đoạn nữa: "Sèvre", xa hơn một chút "Sain Cloud".

Tôi xuống tàu, bước chân vội vã qua thành phố nhỏ trên con đường dẫn vào rừng. Tôi đã mang theo một tấm bản đồ vùng lân cận Pari để không lạc giữa những con đường ngang dọc trong khu rừng xinh đẹp, nơi người dân Pari thường dạo chơi.

Ngay khi tới chỗ có bóng mát, tôi đã giở bản đồ xem hành trình của mình, và thấy chẳng có gì rối rắm cả. Tôi sẽ rẽ phải, sau đó rẽ trái, rẽ trái thêm một lần nữa là đến đêm có thể tới lâu đài Versailles để nghỉ ăn tối.

Tôi bắt đầu bước chậm rãi dưới những tán lá, hít căng lồng ngực bầu không khí trong lành thơm ngát hương của những chồi non và nhựa sống. Tôi bước từng bước nhỏ, quên hết đồng giấy tờ bề bộn, văn phòng, ông sếp, đám đồng nghiệp và những tập hồ sơ, chỉ nghĩ đến những điều hạnh phúc trong tương lai chắc chắn đến với mình. Tôi cũng miên man trong hàng ngàn kỷ niệm ấu thơ được đánh thức trong cái dư vị thôn dã này; và tôi bước đi, ngập tràn trong sự quyến rũ ngát thơm, sống động và phập phồng của khu rừng chói chang ánh mặt trời tháng sáu.

Thỉnh thoảng, tôi ngồi lại để ngắm dọc theo một sườn dốc tất cả những loài hoa xinh xắn mà tôi đã quen tên từ khi còn bé xíu. Tôi nhận ra tất cả như thể chúng chính là những bông hoa tôi nhìn thấy từ ngày xưa. Có đủ màu: vàng, đỏ, tím, thật mong manh đáng yêu, cành vươn cao hoặc bò sát mặt đất. Những con côn trùng sắc sảo đủ mọi hình dáng, tròn xoe hay dài ngoẵng cấu tạo thật lạ thường, những sinh vật nhỏ xíu góm ghiếc đang nhẹ nhàng leo lên ngọn cỏ khiến nó cong rạp xuống vì nặng.

Tôi ngủ vài giờ trong một cái hố rồi lại lên đường, khỏe khoắn và tươi tỉnh sau khi lấy lại sức.

Trước mặt tôi mở ra một lối đi tuyệt đẹp, những tán lá thưa thớt để lọt xuống vô vàn tia nắng nhảy nhót trên mặt đất làm sáng bừng đám hoa mác-gơ-rít trắng muốt. Đường như nó trải dài đến vô tận, tĩnh không một bóng người và rất yên tĩnh. Chỉ có một con ong bầu đơn độc kêu vo vo bay dọc con đường, thỉnh thoảng dừng lại hút nhụy vài bông hoa nghiêng mình về phía nó rồi lại nhanh chóng bay đi về phía tổ nơi xa hơn một chút. Thân mình to lớn của nó như phủ một lớp nhung màu nâu xen lẫn sọc vàng, được mang bởi đôi cánh trong suốt và xinh xắn.

Nhưng bất chợt tôi nhận thấy ở đầu kia lối đi có hai người, một người đàn ông và một phụ nữ đang đi về phía tôi. Bực bội vì bị quấy rầy khi đang dạo chơi

yên tĩnh, tôi định lách vào sau mấy bụi cây thì nghe như có tiếng họ gọi. Quả là người phụ nữ đang vẫy vẫy ô, còn người đàn ông mặc áo sơ mi, áo choàng cầm ở tay, tay kia giơ cao lên ra hiệu cần giúp đỡ.

Tôi đi lại gần. Họ cũng bước nhanh về phía tôi, mặt đỏ phừng phừng, người phụ nữ bước ngắn vội vã, còn người đàn ông sải bước dài hơn. Có thể thấy ngay trên khuôn mặt họ vẻ tức tối và mệt mỏi.

Người phụ nữ hỏi ngay khi vừa gặp tôi:

"Thưa ông, làm ơn cho tôi biết chúng ta đang ở đâu đây? Gã chồng ngờ nghệch của tôi đã khiến chúng tôi bị lạc lòng vòng trong vùng này".

Tôi trả lời vẻ chắc chắn:

"Thưa bà, ông bà đang đi về phía Saint Cloud, còn sau lưng hai người là lâu đài Versailles".

Cô vợ nói và ném cái nhìn mỉa mai thăm hại về phía chồng:

"Sao cơ! Sau lưng chúng tôi là Versailles à? Nhưng đó chính là nơi chúng tôi muốn đến ăn tối.

Tôi cũng vẫy, thưa bà. Tôi đang đến đó".

Cô vợ lặp đi lặp lại nhiều lần, nhún vai: "Lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi, lạy Chúa tôi!", giọng khinh bỉ tột bậc mà đám đàn bà vẫn hay dùng khi muốn diễn tả cơn thịnh nộ của họ.

Cô ta hãy còn trẻ, xinh đẹp, mái tóc màu nâu và có một viên ria mờ mờ quanh miệng.

Còn anh chồng, mồ hôi ướt mả đang lau trán. Đó chắc chắn là một cặp tiểu tư sản đến từ Pari. Anh chồng có vẻ hốt hoảng, mặt nhọc và hồi lồi.

Anh ta nói khẽ:

"Nhưng... mình yêu dấu... chính mình...".

Cô vợ không để chồng nói hết:

"Chính tôi à!... A! Giờ thì lại đổ tại tôi đấy. Có phải chính tôi là người muốn đi mà không cần hỏi đường vì cứ cho rằng mình không bao giờ bị lạc không? Chính tôi đã đòi rẽ phải lúc ở trên sườn núi và chắc như đinh đóng cột là nhận ra đường à? Hay chính tôi nhận sẽ đảm đương công việc ở Chachou...".

Cô ta chưa dứt lời thì anh chồng đã như bị lên cơn điên, hét một tiếng chói tai, một tiếng rú dài man dại khó ngôn ngữ nào có thể diễn tả nổi, nghe như là "Tiiitiiit".

Cô vợ trẻ không chút ngạc nhiên hay xúc động, nói tiếp:

"Trời! Có những kẻ thật quá ngu ngốc, lúc nào cũng ra vẻ ta đây biết tuốt. Có phải chính tôi năm ngoái đã lên tàu Dieppe thay vì phải lên tàu Havre? Hãy nói xem, chính tôi à? Tôi có đánh cược là ông Letourneur vẫn ở phố Martyrs không? Hay tôi nhất định không chịu tin Céleste là con ăn cắp?...".

Và cô ta tiếp tục lải nhải với vẻ giận dữ, ào ào tuôn ra những lời lẽ đáng sợ, những lời kết tội

đủ điều cay nghiệt nhất, xúc xiểm nhất, động chạm đến những lúc thân mật của hai vợ chồng, chê trách chồng mọi việc làm, mọi suy nghĩ, mọi dáng vẻ, mọi ý định, mọi nỗ lực, cả cuộc sống của anh ta từ lúc cưới nhau cho đến tận bây giờ.

Anh chồng cố ngăn vợ lại mà mong cô ta bình tĩnh, lấp bấp:

"Nhưng, kìa mình!... đâu ích gì... trước mặt ông đây... Chúng ta đang biến thành trò cười... Chắc ông đây cũng không thích thế...".

Và anh ta quay đôi mắt ngân ngấn nước về phía bụi cây, như thể anh ta nghĩ tới một chỗ ẩn náu bí mật và yên bình để được chui vào đó, chạy trốn, giấu mình khỏi ánh mắt của tất cả mọi người, và chốc chốc anh ta lại kêu lên cái tiếng "tiiiitit" dai dẳng chói tai. Tôi nghĩ anh ta mắc bệnh thần kinh nên mới thế.

Cô vợ trẻ bỗng quay về phía tôi và đổi giọng nhanh không ngờ:

"Nếu ông cho phép, chúng em xin được đi cùng đường với ông để khỏi bị lạc một lần nữa và cũng không bị ngủ lại trong rừng".

Tôi khẽ nghiêng mình, cô ta bám lấy tay tôi và bắt đầu huyền thuyên đủ thứ chuyện về bản thân mình, cuộc đời, gia đình, công việc làm ăn buôn bán. Họ bán găng tay trên phố Saint Lazare.

Anh chồng đi bên cạnh vợ, lúc nào cũng đưa ánh mắt như kẻ điên về phía hàng cây rậm rạp, một lúc lại kêu tiiitiiit.

Cuối cùng tôi hỏi anh ta:

"Sao anh cứ kêu như vậy?".

Anh ta đáp vẻ rầu rĩ và tuyệt vọng:

"Đó là vì con chó mà tôi đã đánh mất.

- Sao? Anh đã để mất con chó của mình à?

- Vâng. Gần một năm rồi. Nó chẳng bao giờ rời khỏi cửa hàng. Tôi muốn đem nó theo để cho nó đi dạo trong rừng. Nó chưa bao giờ được thấy cỏ cây hoa lá nên như phát điên vì vui sướng. Nó vừa chạy vừa sủa vang rồi biến vào rừng. Phải nói thêm rằng nó rất sợ đường sắt, sợ đến mức chẳng biết trời đất gì. Tôi đã cố gọi nó quay lại nhưng không được. Chắc nó đã chết đói trong rừng".

Cô vợ không thêm quay về phía chồng nói:

"Nếu anh không xích nó suốt ngày thì làm gì có chuyện đó. Khi người ta ngốc như anh, người ta chẳng bao giờ nuôi chó hết".

Anh ta thì thâm về e dè:

"Kìa mình! Chính mình...".

Cô ta đứng khựng lại, nhìn xoáy vào mắt chồng như thể sắp moi chúng ra, và lại xối xả ném vào mặt anh ta những lời chê bai khinh khỉnh.

Trời dần tối. Màn sương mù bao phủ lên khắp vùng quê lúc chiều tà đang dâng lên chậm chạp, và

cảm giác được thấy đáng vẻ mới đây diệu kỳ và quyến rũ của khu rừng lúc màn đêm đến gần thật là nên thơ.

Bất ngờ anh chồng dừng lại, cuống cuống sờ nắn khắp người:

"Ôi! Tôi tin là mình đã...".

Cô vợ nhìn sang:

"Chuyện gì thế?"

- Tôi không để ý là mình cầm áo khoác trên tay.

- Thì sao?

- Tôi đánh mất ví rồi... Tiền để cả trong đấy".

Cô ta rên lên giận dữ, chì chiết phần nộ:

"Chỉ thiếu mỗi nước đó nữa thôi! Sao mà anh ngu ngốc đến thế! Anh thật là đần độn! Sao tôi có thể lấy một kẻ đần đến mức ấy chứ! Anh quay lại mà tìm nó đi, và phải cố tìm thấy đấy! Còn tôi, tôi sẽ đến Versailles trước với ông đây. Tôi không muốn bị ngủ trong rừng".

Anh ta đáp khế:

"Được rồi, mình ạ! Thế tôi sẽ gặp mọi người ở đâu?".

Người ta đã giới thiệu với tôi một quán ăn, và tôi nói tên cho anh ta biết.

Anh chồng quay lại phía sau, khom lưng cúi xuống đất, mắt đưa đi đưa lại lo lắng, miệng vẫn kêu tiitiitiit và đi xa dần.

Phải rất lâu sau anh ta mới biến mất hẳn, cái bóng mờ mờ lẩn vào đoạn đường mãi phía xa. Thật khó phân biệt được dáng người anh ta, nhưng tiếng kêu tiiitiiit, tiiitiiit sâu thẳm thì còn văng vẳng mãi, càng sắc lạnh hơn khi bóng tối càng dày đặc.

Còn tôi, tôi đi những bước chân mạnh mẽ, hạnh phúc trong chiều tà, cùng với cô nàng xinh xắn không quen biết đang dựa sát cánh tay tôi.

Tôi cố tìm những từ hoa mỹ nhất nhưng không được. Thế nên đành câm lặng, lòng lâng lâng vui sướng.

Nhưng một con đường lớn bỗng cắt ngang lối đi của chúng tôi. Tôi nhận thấy phía bên phải, trong một thung lũng nhỏ có một thị trấn.

Vậy đây là vùng nào?

Một người đàn ông đi ngang qua. Tôi hỏi và ông ta đáp:

"Bougival".

Tôi vẫn chưa hết bàng hoàng:

"Sao lại là Bougival? Ông chắc chứ?

- Dĩ nhiên rồi. Tôi sống ở đây".

Cô nàng xinh xắn phá lên cười như điên.

Tôi bèn đề nghị thuê một chiếc xe ngựa đến Versailles, và cô ta bảo:

"Không đời nào! Như thế thật là kỳ cục, vả lại em sắp chết đói rồi. Em thấy mình đang được yên

tĩnh, nhưng gã chồng em sẽ sớm quay lại. Thật là sung sướng cho em nếu được an ủi trong vài giờ".

Thế là chúng tôi vào một nhà hàng bên bờ sông, tôi dám thuê cả một buồng riêng loại đặc biệt.

Cô nàng thích thú ngất ngây, nhảy múa, ca hát, uống sâm panh, làm đủ mọi trò điên khùng khác... thậm chí cả những điều điên khùng nữa.

Đó là lần ngoại tình đầu tiên trong đời tôi.

LỜI XUNG TỘI

Marguerite de Thérèlles sắp chết. Mặc dù mới chỉ năm mươi sáu tuổi, nhưng trông bà lọm khọm như một bà lão bảy mươi lăm. Bà thở khó nhọc, trắng bệch còn hơn cả tấm ga trải giường, co rúm vì những cơn rung mình dữ dội, khuôn mặt nhăn nhúm, mắt mở tròn trũng như thể đang phải đối mặt với điều gì đó thật khủng khiếp.

Người chị cả, Suzanne, hơn em sáu tuổi, đang quỳ gối bên cạnh giường, khóc nức nở. Một chiếc bàn nhỏ đặt ngay phía trên đầu người hấp hối phủ khăn trắng toát, trên đặt hai cây nến đang cháy, vì người ta đang định đợi linh mục đến để làm lễ xức dầu thánh và ban thánh thể cuối cùng.

Căn phòng đượm vẻ tang tóc như phòng của người chết, bầu không khí ngột thở của cuộc chia ly sinh tử tuyệt vọng. Những chiếc lọ thủy tinh chất lộn xộn trong tủ, đám vải vóc thì bị dúi vào một xó, chẳng biết do tiện chân đá vào hay là sẵn có cái chổi trong tay. Đồ đạc ngổn ngang như thể chính chúng

cũng sợ hãi nên bỏ chạy tán loạn khắp nơi. Thần chết đã đến đây rồi, đang ẩn nấp đâu đó và chờ đợi.

Câu chuyện về hai chị em họ thật là cảm động. Đâu đâu người ta cũng biết đến, và thật khó cầm được nước mắt khi nghe kể.

Suzanne, người chị cả, ngày xưa đã từng được một chàng trai trẻ yêu say đắm, và cô cũng yêu anh. Họ đã đính hôn và chỉ còn chờ ngày cưới đã ấn định, vậy mà đột nhiên Henry de Sampierre lại ra đi vĩnh viễn.

Cô gái trẻ vô cùng tuyệt vọng, và cô đã thề sẽ không bao giờ lấy chồng nữa. Cô đã giữ lời, khoác lên mình bộ váy áo của một góa phụ và không bao giờ rời nó nữa.

Thế là em cô, đứa em gái nhỏ Marguerite mới chỉ mười hai tuổi một sáng nọ đã sà vào lòng chị nói: "Chị yêu dấu, em không muốn chị phải chịu bất hạnh. Em không muốn chị phải khóc suốt đời. Em sẽ không bao giờ rời xa chị, không bao giờ, không bao giờ! Cả em nữa, em cũng sẽ không lấy chồng. Em sẽ ở bên chị mãi mãi, mãi mãi!".

Suzanne ôm em trong tay, xúc động vì sự hy sinh của cô em gái nhỏ, nhưng không tin điều đó sẽ thành hiện thực.

Vậy mà em cô đã giữ lời, và, bất chấp những lời van xin của cha mẹ, bất chấp những lời thỉnh cầu của chị, cô nhất định không chịu lấy chồng. Cô thật

xinh đẹp, vô cùng xinh đẹp, nhưng cô từ chối lời cầu hôn của rất nhiều chàng trai trẻ có vẻ thực lòng yêu cô, và cô không rời xa chị mình như đã hứa.

Họ sống cùng nhau tất cả mọi ngày trong đời, không xa nhau đâu chỉ một lần. Họ cùng sánh bước như thể bị dính liền không thể chia tách. Nhưng Marguerite có vẻ lúc nào cũng buồn rầu ủ rũ, thậm chí còn đau khổ hơn cả chị, như thể sự hy sinh cao cả đã hủy hoại cô. Cô già đi nhanh chóng, mới ba mươi tuổi mà tóc đã điểm bạc, suốt ngày thở dài nằn nì tưởng chừng một căn bệnh kỳ lạ nào đó đã khiến cô hao mòn.

Bây giờ thì em sẽ là người chết trước.

Đã 24 giờ nay bà không nói gì. Khi những tia nắng ban mai đầu tiên hé mở, bà chỉ nói một câu:

"Tìm cha xứ đến cho tôi, đã đến lúc rồi!".

Rồi bà vẫn nằm bẹp trên giường, quần quai vì những cơn co thắt, đôi môi mấp máy như là những lời khùng khiếp xuất phát từ trái tim không thể thoát ra được, mắt hoảng loạn lo lắng, trợn trừng trông thật đáng sợ.

Chị bà, tan nát cõi lòng, đau đớn, khóc nức từng hồi, gục đầu xuống thành giường nhắc đi nhắc lại:

"Margot! Margot tội nghiệp! Em yêu bé bỏng của chị!".

Bà vẫn luôn gọi em là "đứa em bé bỏng yêu dấu", trong khi cô em thường gọi bà là "chị yêu".

Người ta nghe thấy tiếng bước chân lên cầu thang. Cánh cửa mở ra. Một chú bé trong đàn đồng ca xuất hiện, theo sau là vị linh mục già mặc áo lễ. Ngay khi nhận thấy ông, người sắp chết đã co giật từng hồi, mồm há ra lắp bắp hai, ba từ và bắt đầu cào móng tay xuống đệm như đang muốn đào một cái hố.

Linh mục Simon tiến lại gần, nắm lấy tay bà và khẽ hôn lên trán, dịu dàng khích lệ:

"Chúa tha thứ cho con, con yêu của ta! Hãy can đảm lên, đã đến lúc rồi, con hãy nói ra đi!".

Thế là Marguerite, run rẩy từ đầu đến chân, chiếc giường rung bần bật vì cử động căng thẳng của bà, ngập ngừng:

"Hãy ngồi xuống đi, chị yêu dấu, và nghe cho kỹ!".

Vị cố đạo cúi xuống phía Suzanne vẫn đang quỳ ở cuối giường, đỡ bà dậy và dìu vào một chiếc ghế bành, hai tay nắm lấy bàn tay của cả hai chị em nói:

"Lạy Chúa tôi! Vị Chúa quyền năng vô hạn! Xin Người hãy ban cho họ sức mạnh, ban cho họ lòng khoan dung của Người".

Và Marguerite bắt đầu nói. Từng từ một thoát ra khỏi cổ họng bà, khàn khàn, dần mạnh như sắp hụt hơi.

"Xin lỗi, xin lỗi, chị yêu dấu, hãy tha thứ cho em! Ôi! Giá như chị biết được em sợ cái giây phút này đến thế nào trong suốt cuộc đời...".

Suzanne ngen ngào trong nước mắt:

"Tha thứ gì đây, em bé bỏng? Em đã dành mọi thứ cho chị, hy sinh tất cả vì chị, em đúng là một thiên thần...".

Nhưng Marguerite ngắt lời bà:

"Đừng nói nữa! Đừng nói nữa! Hãy để em nói đã... đừng cắt ngang... Điều đó thật kinh khủng... để em nói tất cả... cho đến hết... hãy yên lặng... nghe cho rõ... Chị có còn nhớ... có còn nhớ anh Henry không...".

Suzanne rùng mình nhìn em. Marguerite nói tiếp:

"Chị phải nghe hết để hiểu cho rõ. Hồi ấy em mười hai tuổi, mới chỉ mười hai tuổi thôi, chị nhớ mà, phải không? Và em rất được nuông chiều, em làm bất cứ điều gì em muốn... Chị có nhớ cả nhà đã chiều em thế nào không?... Hãy nghe tiếp... Lần đầu tiên anh ấy đến nhà ta, anh ấy đi đôi giày đánh si bóng lộn; anh ấy xuống ngựa trước bậc thềm, xin lỗi vì phục trang của mình, nhưng anh ấy cần thông báo ngay tin tức cho cha. Chị còn nhớ chứ, phải không? ... Đừng nói gì hết... hãy nghe tiếp đã... Khi em gặp anh ấy, em đã thấy lòng mình xao động, sao mà anh ấy lại đẹp đến thế, và em đứng lặng trong góc phòng suốt quãng thời gian anh ấy nói. Trẻ con thật lạ kỳ...

và khủng khiếp... Ôi! Đúng vậy... em đã mơ tới anh ấy!

Anh ấy quay lại... rất nhiều lần... em nhìn anh ấy với con mắt mê say, với cả tâm hồn... em là con bé già dặn trước tuổi... và xảo trá hơn mọi người vẫn tưởng. Anh ấy đến thường xuyên... Em chỉ nghĩ đến mỗi anh ấy. Em thì thầm gọi tên: "Henry... Henry de Sampierre".

Rồi mọi người bảo anh ấy sẽ cưới chị. Đó là một nỗi đau... ôi, chị yêu đau... một nỗi đau... một nỗi đau! Em khóc ròng ba đêm liền, không ngủ được. Ngày nào anh ấy cũng đến, buổi chiều, sau bữa ăn trưa... chị nhớ chứ? Đừng nói gì... hãy nghe em nói.... Chị thường làm loại bánh mà anh ấy rất thích... với bột, với sữa và bơ... Ôi! Em biết rõ là phải làm thế nào mà... em sẽ làm được nếu cần phải thế... Anh ấy ăn ngấu nghiến, cho cả chiếc bánh vào mồm, rồi uống một cốc rượu vang... rồi anh ấy tấm tắc: "Ngon tuyệt!". Chị có nhớ cách anh ấy nói câu ấy không?

Em đã ghen, ghen lồng lộn!... Ngày cưới của hai người đang đến gần. Chỉ còn mười lăm ngày nữa. Em trở nên điên cuồng. Em tự nhủ: "Anh ấy sẽ không thể cưới Suzanne, không, em không muốn!... Chính em mới là người anh ấy sẽ cưới, khi nào em lớn". Chưa bao giờ em thấy mình yêu ai đến vậy... Thế rồi một buổi tối, mười ngày trước đám cưới, chị đi dạo cùng anh ấy trong lâu đài, dưới ánh trăng... và ở đó... dưới

gốc thông... dưới gốc cây thông già... anh ấy đã ôm chị... ôm chị... trong vòng tay... rất lâu... Chị còn nhớ chứ, phải không! Đó chắc chắn là lần đầu tiên... phải. Vì chị rất nhột nhột khi quay vào phòng khách!

Em đã thấy hai người. Em ở đó, ngay trong tán lá. Em giận điên lên! Nếu có thể, em đã giết chết cả hai rồi.

Em nhủ thầm: "Anh ấy sẽ không thể cưới Suzanne, không bao giờ! Anh ấy sẽ không cưới ai hết! Em sẽ rất bất hạnh.".. Và đột nhiên em quay ra cầm thù anh ấy tốt cùng.

Vậy là, chị có biết em đã làm gì không?... hãy nghe nhé... Em đã từng thấy người gác vườn chuẩn bị những viên thịt nhỏ làm mồi giết lữ chó hoang. Ông ta dùng hòn đá nghiền nát một cái chai rồi găm những mẩu thủy tinh vụn vào miếng thịt.

Em đã lấy ở chỗ mẹ một lọ thuốc nhỏ, tán vụn nó ra bằng một chiếc búa và giấu bột thủy tinh trong túi. Đó là một thứ bột sáng lấp lánh... Ngày hôm sau, khi chị vừa làm xong những chiếc bánh xinh xắn, em đã lấy dao khía chúng ra và nhét thủy tinh vào trong... Anh ấy ăn ba cái... em cũng thế... em ăn một cái... sáu cái còn lại em đã quẳng xuống hồ... có hai con thiên nga đã chết ba ngày sau đó... Chị nhớ không?... Ôi! đừng nói gì... nghe đã, hãy nghe em đã... Chỉ có mỗi em là không chết... nhưng em lúc nào cũng ốm yếu... nghe đã... Anh ấy đã chết... chị biết

mà... hãy nghe em... chuyện đó chẳng đáng gì... Mà sau đó, sau đó cơ... điều khủng khiếp nhất... nghe này...

Đời em, cả cuộc đời em... luôn bị giày xé... Em tự hứa: "Mình sẽ không rời xa chị! Và mình sẽ nói tất cả, trước khi chết...". Vậy đấy. Từ lúc đó, lúc nào em cũng chỉ nghĩ đến giây phút này, giây phút mà em sẽ phải thú nhận tất cả... Nó đến rồi... Thật khủng khiếp!... Ôi! chị ơi!...

Lúc nào em cũng nghĩ đến nó, sáng cũng như tối, ngày cũng như đêm: Phải nói chuyện đó cho chị ấy, một lần... Em chờ đợi... Thật là cực hình!... Nhưng được rồi!... Đừng nói gì cả... Giờ em sợ... Ôi! em sợ lắm!... Nếu lát nữa em gặp anh ấy, khi đã xuống địa ngục... Gặp lại anh ấy... chị có nghĩ đến điều đó không?... Em là người phải đi trước... Em sẽ không dám đâu... Cần phải... Em sắp chết rồi... Em muốn xin chị tha thứ cho em. Em rất muốn thế... Em không thể đến trước mặt anh ấy mà không được chị tha cho... Ôi! hãy bảo chị ấy tha tội cho con, thưa cha, hãy bảo chị ấy đi... con xin cha đấy... Con không thể nhắm mắt nếu không có điều ấy..".

Bà im bật, chờ đợi, những ngón tay co quắp vẫn cào xuống đệm.

Suzanne giấu mặt trong lòng bàn tay và không nhúc nhích. Bà nghĩ đến người đàn ông mà bà đã yêu lâu đến vậy! Lẽ ra họ đã có thể sống hạnh phúc bên nhau! Bà thấy lại hình bóng ấy trong ký ức ngày xưa, trong quá khứ đã qua mà không bao giờ phai nhạt. Mất người yêu dấu vĩnh viễn! Nỗi đau xé nát con tim! Ôi! Nụ hôn ấy, nụ hôn duy nhất của họ! Bà đã giữ nó trong tâm hồn. Ngoài ra chẳng còn gì nữa, chẳng còn gì trong suốt cuộc đời!...

Vị linh mục bỗng nhồm dậy, giọng mạnh mẽ, rung động, kêu lên:

"Cô Suzanne, em gái cô sắp chết!".

Và Suzanne mở tay ra, để lộ khuôn mặt đầm đìa nước mắt, và, lao về phía em, bà ôm chặt, lấp bắp:

"Chị tha thứ cho em, chị tha thứ hết, em yêu dấu...".

MỤC LỤC

1. LÃO BONIFACE VÀ CUỘC MUU SÁT	5
2. ROSE	14
3. NGƯỜI CHA	25
4. THÚ NHẬN	41
5. MÓN TRANG SỨC	51
6. NIỀM HẠNH PHÚC	67
7. CỤ KHỐT	78
8. KẺ HÈN NHẤT	90
9. BÁO THÙ	105
10. BÀN TAY	113
11. COCO	125
12. THẺ ĂN MÀY	133
13. MỘT KẺ GIẾT CHA MẸ	142
14. ĐỨA CON	153
15. MỎM NÚI CHIM CÁNH CỤT	163
16. TOMBOUCTOU	171
17. MỘT CHUYỆN CÓ THẬT	184
18. VĨNH BIỆT	193
19. LỜI XUNG TỘI	214

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 - NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 8 294 684 - 8 294 685

Fax: 04 8 294 781

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

290 / 20 NAM KỲ KHỎI NGHĨA

Điện thoại: 8 469 858 - 8 483 481

E-mail: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN VĂN LƯU

Biên tập: THANH TÂM

Bìa : TRẦN ĐẠI THẮNG

Chế bản: VĨNH GIANG

Sửa bản in: THẠCH TOÀN

In 1.400 cuốn, khổ 13 x 19cm.

Tại xưởng in Cty Tháng Tám - Công an Thành phố Hà nội

Giấy phép xuất bản số: 1277/52 - CXB.

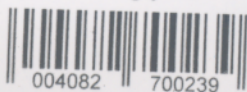
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2004.

Guy de Maupassant

Chuyện kể
ban ngày
ban đêm



chuyện kể ban ngày ban



22.000 VNĐ